N° 189 Octobre 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ Ở HUẾ

Một cuộc phỏng-vấn quan Thượng Phạm Quỳnh

Kỳ trước bản-chí có đăng trong phần Phụ-trương chữ Pháp một bài mượn ở báo Impartial *ở Sài-gòn. Bài đó là thuật một cuộc phỏng-vấn* (interview) *của một viên phóng-sự của báo ấy đến Huế thăm quan Giáo-dục Thượng-thư kiêm Ngự-tiền văn-phòng Tổng-lý Phạm Quỳnh. Quan Thượng Phạm là một yếu-nhân trong trường chính-trị ở Kinh-đô bây giờ, những lời Ngài tuyên-bố về thời-cục tất là quan-trọng lắm. Bài « phỏng-vấn » của nhà báo Sài-gòn thuật lại rất tường tất. Nhưng bài ấy viết bằng Pháp-văn, nhiều người không đọc được. Tưởng nên dịch ra quốc-văn cho được phổ-cập hơn.*

*Sau đây là bản dịch quốc-văn. Nguyên-văn chữ Pháp thì xin xem ở «*Nam-Phong*» số 187 (Août 1933), phần « Phụ-trương ».*

N. P.

Lời tự-ngôn của báo Impartial

Dưới đây chúng tôi đăng một bài phỏng-vấn quan-trọng của quan Thượng-thư Phạm Quỳnh đã cho phép phái-viên của báo *Impartial* tự-thuật lại. Ngay sau cái cuộc mà thiên-hạ đã gọi là cuộc chính-biến ngày mồng hai tháng năm tây, thì ai ai cũng dễ mắt vào Phạm tiên-sinh là người giúp việc thân-tín của đức Bảo-đại. Bấy giờ quan Thượng Phạm cùng các quan đồng-sự khác đều thừa cái quyền chủ-trương của Hoàng-đế mà bắt đầu làm việc ngay.

Công-việc của các Ngài làm, những sự cải-cách đã thi-hành rồi, hoặc còn dương dự-bị thế nào, thời quan Tổng-trưởng Học-chính xứ Trung-kỳ, là quan Thượng Phạm sẽ nói tường-tất ra đây cho chúng ta biết. Phái-viên của bản-báo đã thuật lại đúng như lời ngài nói, vì biết rằng khắp các giới trong cõi Đông-Pháp này đều cho những lời nói ấy là hệ-trọng biết dường nào.

Chúng tôi hân-hạnh được đem những lời ấy giới-thiệu cho độc-giả trước nhất.

Lời tự-thuật của phóng-viên

Người ta thường nói sự tình-cờ là cái thần may của nhà làm báo. Thật thế, chúng tôi cũng nhờ sự tình-cờ mà trong mấy phút đồng-hồ được tiếp-kiến quan Thượng Phạm, là Thượng-thư bộ Quốc-dân Giáo-dục ở Trung-kỳ, kiêm Tổng-lý Văn-phòng của Đại-Nam Hoàng-đế.

Ngài tiếp-đãi chúng tôi một cách rất nhã-nhặn. Chúng tôi bèn đánh bạo hỏi ngài có muốn tuyên-bố điều gì cho các độc-giả báo *Impartial* không.

Quan Thượng Phạm ngài vốn tính ôn-hòa nho-nhã, liền bảo chúng tôi rằng xin tùy ý phỏng-vấn, ngài sẽ tường-tận trả lời, cũng muốn nhân

dịp này mà cải-chính lại nhiều điều xem ra thiên-hạ có ý hiểu lầm.

Tôi bèn nói :

— Đại-nhân được Hoàng-đế tín-dụng, lại bổ làm Thượng-thư bộ Giáo-dục, tôi xin có lời thành-thực chúc mừng, tuy nay mới mừng cũng khi chậm thật, nhưng trong lời mừng thực có cái cảm-tình bạn đồng-nghiệp nữa, xin đại-nhân lượng cho.

Quan Thượng tủm-tỉm cười, đáp lại rằng :

— Tôi cảm ơn ông đã có bụng yêu mừng như vậy. Tôi lấy làm cảm-động, vì là lời mừng của một bạn đồng-nghiệp cũ. Vì tôi đây cũng đã từng viết trong các báo. Ngày nay, vì địa-vị, vì chức-vụ không thể viết báo được nữa, nhưng nghề làm báo thực là một nghề có hứng-thú lắm, ai đã làm qua thời vẫn giữ như cái vết in trong tâm-não, không bao giờ phai được.

Nghề làm báo như vậy, mà nghề dạy học cũng vậy (Quan Thượng Phạm nói đến đây xem ra cái giọng thiết-tha hơn). Nghề dạy học vốn là cái tổ-nghiệp của nhà tôi. Chính tôi cũng từng dạy học ở trường Đại-học Hà-nội. Thân-phụ tôi, tổ-phụ tôi, các cụ tôi đời trước đều là nhà nho dạy học trò cả. Cho nên tôi nay ra chủ-trương bộ Quốc-dân Giáo-dục mới, thực là nối lại cái nghiệp nhà mấy mươi đời làm thầy dạy học. Ông nên biết rằng cái nền nếp nhà nho ở nước chúng tôi là một cái kỷ-luật rất nghiêm về đạo-đức, về tinh-thần. Bởi thế nên tôi coi cái chức Học-bộ Thượng-thư của tôi ngày nay là một chức-trách rất trọng, tôi sẽ đem hết tâm-huyết mà đảm-đương cho xứng-đáng. Làm nhà giáo-dục, là có cái trách-nhiệm về phần hồn, đó là một điều nghĩa-lý thâm-trầm, tôi muốn cho bao nhiêu các quan viên giáo-chức lớn nhỏ ở dưới quyền tôi đều phải suy-nghĩ cho thấu-hiểu. Làm người thầy học không phải là chỉ để dạy học cho học trò mà thôi ; lại còn phải chăm đoàn-luyện tâm-trí cho những con trẻ người ta giao-phó cho mình, mà phần đó lại là phần trọng hơn. Cả cái tương-lai nước nhà là ở trong tay mình vậy....

Tôi nói rằng :

— Tuy cũng có một vài tờ báo nói khác, nhưng đại-đề dư-luận trong nước đều hoan-nghênh những việc cải-cách vừa thi-hành mới rồi... Thiên-hạ phục Hoàng-đế là Ngài không quên những lời hứa của Ngài khi mới hồi-loan năm ngoái.

Quan Thượng đáp :

— Như sự cải-cách mới về việc học là cốt trao trả lại cho Nam-triều cái quyền kiểm-đốc về việc sơ-học tiểu-học trong bản-xứ ; thật là Chính-phủ Bảo-hộ có tin ở Nam-triều thì mới làm như vậy. Nam-triều rất cảm ơn Bảo-hộ về việc đó, và sẽ gắng sức cho khỏi phụ lòng tin ấy.

Không phải chỉ cải-cách về việc học mà thôi. Chính-phủ mới còn thi-hành được mấy việc cải-cách khác nữa. Tôi lấy làm vui lòng được biết rằng các công-cuộc ấy đều được dư-luận hoan-nghênh cả.

Không, Hoàng-đế thật đã không quên những lời hứa của Ngài khi Ngài hồi-loan vào tháng chín năm ngoái.

Hội-đồng thượng-thơ mới họp thành hội-đồng cải-cách đã thảo được nhiều các nghị-án vừa mới dâng Hoàng-đế chuẩn-y cho thi-hành.

Các việc cải-cách đó là cần-cấp cả. Chánh-phủ Bảo-hộ đã sắp-đặt tài-liệu từ lâu rồi. Công-việc chúng tôi chỉ là phải đem những tài-liệu ấy ra mà ứng-dụng, xếp đặt lại cho chỉnh-đốn, trình-bày ra cho thích-hợp ; cho nên cái phần việc cũng được nhẹ-nhàng hơn.

Tôi nói :

— Ai cũng biết rằng trong việc dự-thảo các nghị-án cải-cách đó, đại-nhân có tham-dự một phần to, vì vừa lấy tư-

cách là Tổng-lý Ngự-tiền Văn-phòng, lại là tổng ủy-viên Hội-đồng cải-cách, lại là Thượng-thơ bộ Quốc-dân Giáo-dục.

Về việc hội-đồng cải-cách đó, đại-nhân hoặc có điều chi muốn cải-chính cho rõ chăng...

Quan Thượng Phạm ngồi lặng yên nghĩ-ngợi mấy phút đồng-hồ, rồi từ từ trả lời rằng :

— Ông hỏi tôi có điều chi muốn cải-chính cho rõ về các việc cải-cách vừa rồi. Vậy tôi cũng muốn thừa dịp này mà nói rõ về cái cách làm việc của chúng tôi ở Hội-đồng cải-cách. Vì tôi xem ra thiên-hạ có ý hiểu lầm về việc đó. Có mấy nhà báo quá yêu cho là những việc cải-cách ấy là do một tay tôi làm hết (các ngài quá yêu như vậy, là để các ngài có chuyện mà công-kích đó mà thôi!). Như thế thì danh-giá cho tôi quá, nhưng là trái với sự thực. Như tôi nói vừa rồi, các việc cải-cách đó là do Chánh-phủ Bảo-hộ đã sắp-đặt tài-liệu từ trước. Việc thuộc về bộ nào thì bộ ấy đem những tài-liệu đó ra, cùng với viên cố-vấn chuyên-môn thảo thành dự-án. Như các văn-thức về việc học, là tự tôi cùng với quan Cố-vấn bộ Giáo-dục là ông DÉLÉTIE thảo ra cả, ông thật đã thành-tâm giúp tôi được nhiều việc lắm. Bản dự-án đã thảo xong đâu đấy rồi, liền gởi đi cho cả các quan Thượng-thư khác xét, mỗi ông giữ lấy ít lâu để mà nghiên-cứu cho kỹ. Ai có ý-kiến gì, có dị-nghị hay có bài-bác chi thời cứ việc mà bày tỏ ra. Phần tôi làm Tổng-ủy-viên, thời tôi sưu-tập tất cả các ý-kiến đó, tôi tổng quát lại, rồi đem bản dự-án ấy cùng cả các lời phụ bản, trình-bày giữa Hội-đồng. Chủ-tọa Hội-đồng là quan Khâm-sứ. Công việc tôi chỉ là công việc sưu-tập và giới-thiệu mà thôi. Ra đến Hội-đồng, thời phần ai tự người ấy cãi lẽ lấy, ai cũng có quyền tự-do mà chống-cãi cho cái thuyết của mình. Không ai lấy ý-kiến riêng mà bắt Hội-đồng theo được, đến quan Khâm-sứ cũng vậy, mỗi lần trong Hội-đồng mà ý-kiến bất-đồng, thời ngài chỉ cho ghi-chép lấy để rồi đệ lên Hoàng-đế tài-định.

Nay muốn thí-dụ cái cách chúng tôi làm việc cho ông hiểu rõ, thời tôi nói ngay về việc lập chương-trình kỳ thi vào quan-trường, là câu chuyện các báo bản ra nói vào đã nhiều lắm. Nguyên cái chương-trình ấy là do một Hội-đồng họp tại Hà-nội hồi tháng chạp năm 1932 đã thảo ra sẵn-sàng cả. Các quan đồng-sự với tôi xét đều cho là được, và chính tôi làm tờ trình cũng kết-luận xin chuẩn-y cho thi-hành. Tuy nhiên trong khi họp bàn cũng có thảo-luận về khoản định tư-cách thế nào được ứng thi. Bản dự-án của Hội-đồng Hà-nội thời dự-định rằng duy những người nào có bằng tốt-nghiệp các trường cao-đẳng Đại-Pháp hay Đông-Pháp mới được ra ứng-thi. Tôi cũng tán-thành điều đó, vì tôi kết-luận xin chuẩn-y cả toàn-thể chương-trình. Quan Thượng-thư bộ Tư-pháp thời lại cho điều đó là nghiêm quá và bàn xin cho những người có bằng tú-tài cùng bằng tốt-nghiệp cao-đẳng tiểu học cũng được ứng-thi. Nhân quan Thượng Tư-pháp có ý khẩn-khoản nên Hội-đồng không quyết-nghị và định đem lên thỉnh chỉ Hoàng-đế. Hoàng-đế ở *Dalat*, cùng bàn với quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ, rồi ngài quyết-định theo như lời thỉnh-cầu của quan Thượng Tư-pháp cho được rộng-rãi hơn. Ngài cho rằng kỳ thi đã khó, thì nên để cho nhiều người ra ganh đua mà thi, rồi tự nhiên đào-thải được người tốt. Ngài nghĩ như vậy cũng là phải lắm.

Ấy sự thực là như thế. Thế mà có một vài tờ báo nói sai, trách tôi là muốn hạ thấp cái trình-độ thi đi, để lợi cho những hạng xuất-thân ở bậc

tiểu-học tầm-thường mà hại cho các ông nghè ông cống ở bên Tây về: thế có lạ không!

Tôi cũng chẳng oán chi các ông bạn đồng-nghiệp cố-ý nói sai sự thực như vậy, vì tôi biết rằng nhiều khi cái bụng thiên về chính-trị nó khiến cho các nhà làm báo đến sai đường lạc lối, dù những nhà có tài lỗi-lạc cũng vậy...

(Quan Tổng-lý Văn-phòng nói câu sau đó một cách địu-dàng êm-ái lắm).

Tôi nói:

— Trong các việc cải-cách, chắc là đại-nhân chú-ý nhất về việc học. Nay ngài đã ra cầm quyền chủ-trương về việc học Pháp-Việt ở Trung-kỳ. Dám hỏi ngài rắp định những gì về việc đó?

Quan Thượng đáp:

— Ông muốn biết tôi ra chủ-trương bộ Quốc-dân giáo-dục thời rắp-định những việc gì...

Tôi vừa nói với ông cái ý-kiến của tôi về chức-vụ nhà giáo-dục ở nước Nam phải thế nào.

Chức-vụ ấy, tôi cho là trọng lắm, vì chính là nhờ phép giáo-dục ở nhà trường mà có thể giúp cho sự tiến-bộ trong quốc-dân được.

Tư-tưởng tôi về việc học, chắc ông cũng biết. Tôi đã từng có dịp viết văn và diễn-thuyết nhiều lần về việc đó. Tôi quả-quyết chủ-trương rằng nước Nam cần phải có một nền học phổ-thông bằng tiếng Nam. Vì trong trăm phần trẻ con trong nước, không phải là chỉ nên vị riêng năm phần những trẻ con các tỉnh-thành cùng thị-phố lớn, là hạng nên học chữ tây và bao giờ cũng có cách học được, mà phải chú-trọng nhất là chín-mươi-lăm phần trẻ con nhà quê chỉ đi học được vài ba năm mà phải học làm sao cho đủ những món sơ-lược cần dùng cho người dân về đời này. Những món đó, học bằng tiếng nước mình thì cố-nhiên là học mau hơn, dễ hơn là bằng một thứ tiếng ngoại-quốc. Nói thế không phải là bỏ hẳn chữ Pháp không dạy ở lớp sơ-học đâu; nhưng chữ Pháp tự nay chỉ là một món trong các món học khác, chứ không phải là cái khí-cụ để truyền dạy các món khác nữa.

Chính-phủ Bảo-hộ cũng đã quả-quyết khuynh-hướng về đường đó rồi. Nay tôi chỉ việc noi theo mà làm, sẽ đem hết sức nhiệt-thành mà thực-hành một cái ý-kiến vẫn chủ-trương bấy lâu nay.

Kẻ thượng-lưu nước Nam hoặc có thể tây-hóa được; mà tưởng cũng cần phải tây-hóa một phần; nhưng kẻ bình-dân đa-số trong nước thời phải tiến-hóa theo cái nền-nếp của nước mình, mà thực cũng không có cách nào làm khác được. Cho nên dữ-kỷ dạy cho họ học mà làm cho cách-biệt với xứ-sở mình, không tăng cao được cái trình-độ đạo-đức trí-thức một chút nào, thà rằng cứ để cho tấn-tới ở trong hoàn-cảnh mình mà dạy học một cách thích-hợp bằng tiếng nước mình lại còn hơn.

Ấy cái lý-thuyết của tôi như vậy, lý-thuyết đó kẻ thức-giả không đến nỗi cho là sai lầm.

Nhưng hiện nay, tôi không phải là nói chuyện lý-thuyết mà thôi, tôi phải ra thực-hành rồi, mà việc này mới là cần-cấp.

Chính-phủ Bảo-hộ trao lại cho tôi phải kiểm-đốc hàng trăm cái trường tiểu-học, sơ-học, công-trường tư-trường, hương-trường; lại trao cho tôi phải cai-quản tới một ngàn những thầy giáo cùng cô giáo. Nghĩ cách kiểm-đốc làm sao cho chu-đáo, sáp-nhập làm sao cho ổn-thỏa những nhân-viên đó vào trong ngạch Nam-triều, ấy công việc tôi làm bây giờ toàn là những việc sắp-đặt về phương-diện hành-chính cả, mà cần phải sắp-đặt ngay cho chỉnh-đốn.

Quan Thượng-thư nói đến đoạn này thời có vẻ hoạt-động, giọng nói

to hơn, mà cử-động mạnh-mẽ. Coi cái điệu-bộ ngài cũng biết là câu chuyện giáo-dục này ngài thiết-tha ân-cần lắm, đã từng nghiên-cứu lâu năm, mà nay ra tay thực-hành chắc sẽ đem hết tài-năng trí-lực mà làm cho thành công, tài-năng trí-lực ấy thời ai ai cũng đã từng công-nhận vậy.

Quan Thượng lại nói tiếp:

— Hiện nay việc quan-trọng nhất là việc các hương-trường. Ông cũng biết từ đầu năm nay, khoản thâu-nạp gọi là «tiền trợ cấp» *(fonds de concours)* đã bỏ đi. Tiền trợ-cấp ấy từ trước đến giờ vẫn dùng để chi-phí về các trường sơ-đẳng ở các làng, nay không có nữa thì làng phải chịu học-phí lấy. Nhiều làng nói rằng không đủ sức mà chịu được, xin bãi trường đi hay là đặt lớp dạy chữ Hán thế vào, không phải chi-phí nhiều như các trường học lối mới, nay phải khuyên làm sao cho các làng chịu xuất tiền để lập trường cho con-cái học; phải nói làm sao cho các hào-lý là người đàn anh trong làng hiểu biết sự học mới ngày nay là ích-lợi, không thể cứ phóng theo cái lối học cũ như xưa được nữa. Lại phải hiểu-dụ làm sao cho các làng chịu họp nhau lại mà lập những công-hương-liên-trường, khi nào không đủ sức lập trường riêng từng làng được. Như vậy thời phải cổ-động cho khéo, mà trong việc này thời bộ Giáo-dục cần phải có các quan hành-chính tận-lực giúp, vừa các quan tỉnh vừa các quan sứ. Đến kỳ khai-trường sau này, tôi sẽ đi hành-hạt ở các tỉnh để tự quan-sát cho biết hiện-tình việc học thế nào.

Ông xem đó thời biết hiện nay chúng tôi còn đương làm việc cai-trị cả; chưa có thời giờ nghĩ đến khoa sư-phạm chuyên-môn; sớm trưa rồi cũng phải xét đến, dầu có muộn cũng không thiệt gì.

Bao giờ các trường nhà quê đã chỉnh-đốn cả, thời bấy giờ mới nghĩ đến sửa đổi các chương-trình học, theo như cái phương-châm tôi vừa kể mới rồi...

Tôi nói:

— Có kẻ nói viện Dân-biểu ngày nay quyền-hạn hẹp-hòi, không được tham-dự vào việc chính-trị mấy tí.

Nhưng mới đây chức-quyền của viện Dân-biểu đã có mở rộng ra nhiều, số người đi bầu cũng tăng thêm lên nhiều; tưởng hiện giờ cũng khó lòng cho rộng quyền hơn được nữa. Đại-nhân nghĩ có phải không?

Quan Thượng đáp:

— Ông nói phải lắm. Sự cải-cách mới đây đã mở rộng quyền-hạn của Nghị-viện và tăng thêm số người đi bầu. Sánh với trước cũng đã tấn-tới lắm. Tưởng hiện nay khó lòng cho hơn được nữa. Ở Hội-đồng cải-cách, ông Nghị-trưởng Nguyễn Trác đã có dự bàn-bạc nhiều, và chúng tôi cũng châm-trước theo lời bàn của ông. Nghị-viện vẫn giữ cái tính-cách là một cơ-quan để tư-vấn, nhưng tự nay về sau thì sẽ được hỏi-han về nhiều việc hơn trước. Đó cũng là một bước đầu, rồi sau này các ông nghị-viên tập việc càng ngày càng quen, càng tấn-tới hơn lên, thời quyền-hạn cũng sẽ tùy theo mà mở rộng ra. Vì hiện nay phải thú thật rằng các ông còn chưa được thông-thạo lắm, cứ cái phạm-vi của nghị-viện bây giờ cũng đủ cho các ông làm việc rồi.

Nhưng việc cải-cách về nghị-viện vừa rồi, có một điều đặc-sắc, không phải là quyền-hạn được rộng hơn trước một đôi phần, chính là từ nay nghị-viện sáp-nhập vào trong vòng-khuôn chính-thể của Nam-triều. Vì chắc ông cũng biết rằng viện Tư-vấn cũ sau đổi làm viện Dân-biểu, từ đầu là do Chánh-phủ Bảo-hộ thiết-lập cả, vẫn hành-động ở ngoài phạm-vi của Nam-triều. Thường giao-thiệp với

Chánh-phủ Bảo-hộ nhiều hơn là giao-thiệp với Triều-đình. Tựa-hồ như nghị-viện là một cái cơ-quan tư-vấn của Bảo-hộ đặt ra để dùng riêng cho mình mà thôi. Tình-hình ấy kể cũng là trái ngược, cứ theo cái hiệp-ước năm 1925, Bảo-hộ thế quyền Nam-triều mà làm việc trong khi Hoàng-đế còn tuổi nhỏ và xa vắng nước nhà, thì hoặc cũng có lẽ. Nhưng ngày nay Hoàng-đế đã trưởng-thành, đã về nước, đã thân-hành ra cầm quyền chính-trị, thì không có lẽ gì mà làm như vậy nữa. Một cái nghị-hội An-Nam không thể làm một cơ-quan của Bảo-hộ được; phải sáp-nhập vào trong chính-thể nước Nam, thành một cái chế-độ chung của Nhà-nước Việt-Nam mới được. Đạo thượng-dụ ký ở *Dalat* mới rồi chính là chủ-ý như vậy.

Tôi nói:

— Nói tóm lại thời nước Nam hiện đương dự-bị làm một quốc-gia tân-thời, ở dưới quyền chủ-trương vững-vàng và sáng-suốt của một vị quốc-vương tân-thời.

Quan Thượng đáp:

— Chính phải thế; vì nghị-viện tuy hiện nay chỉ mới là một cơ-quan để tư-vấn mà thôi, nhưng vẫn có thể đem ý-kiến cùng lời bàn mà giúp cho chính-phủ Nam-triều. Sau này rồi cũng có ngày thành một cơ-quan giám-đốc, để kiểm-sát công-việc của Chính-phủ; cái đó là tự cái cách làm việc của Nghị-viện. Hiện bây giờ thời đã là một cái cơ-quan để liên-lạc Chính-phủ với quốc-dân, và mới đặt ra một ban thường-trực, thời tức là sự liên-lạc ấy được thường-thường luôn. Ngoài kỳ Hội-đồng của Nghị-viện, ban thường-trực vẫn có thể thời-thường hiệp-tác với Chính-phủ, để mưu sự lợi-ích cho nhân-dân.

Từ trước đến giờ viện Dân-biểu chỉ thư-từ vãng-lai với tòa Khâm-sứ mà thôi, từ nay trở đi thời trực-tiếp với bộ Lại cùng các bộ khác, tùy việc sở-quan về bộ nào. Quan Khâm-sứ đã truyền cho các ty các phòng ở tòa Khâm từ giờ thông-tư gì cho Nghị-viện cũng phải đo qua chính-phủ Nam-triều.

Thế tức là thi-hành đúng cái chính-thể Bảo-hộ đó, các quan Bảo-hộ đã công-nhiên khuynh-hướng theo đường lối đó, ta cũng nên cảm ơn vậy.

Tôi nói:

— Nhiều người muốn xin lập hiến-pháp; vậy Hoàng-đế có dự-định ban hiến-pháp cho dân không?...

Đại-nhân trước kia chính là một người nhiệt-thành chủ-trương cái thuyết lập-hiến. Mới đây tôi có đọc lại mấy bài luận-thuyết trứ-danh của đại-nhân đã đăng trong một tờ báo Pháp ở Bắc-kỳ về hồi tháng năm đến tháng tám năm 1930.

Quan Thượng tủm-tỉm cười mà đáp rằng:

— Phải, tôi là người chủ-trương cái thuyết lập-hiến, cũng như chủ-trương cái thuyết bảo-hộ đối với thuyết trực-trị. Tư-tưởng tôi năm 1930 thế nào thì nay tôi vẫn giữ như thế. Nhưng nay tôi không phải là nhà lý-thuyết ngồi không mà bàn chuyện chính-trị nữa; phải đem lý-thuyết ra mà thực-hành, tùy cơ châm-chước, được phần nào hay phần ấy.

Thế nào gọi là lập-hiến? Lập-hiến là quốc-vương đem một phần chính-quyền của mình mà nhường cho một hội-nghị thay mặt dân. Nhưng muốn nhường quyền thì trước phải có quyền đã; rồi phải biết nhường quyền ấy cho ai.

Cái chính-sách chúng tôi đang theo ngày nay chính là cái chính-sách bảo-hộ theo như hòa-ước năm 1884, mục-đích là khôi-phục lại quyền nội-trị cho quốc-vương. Việc khôi-phục đó phải tuần-tự mà tiến-hành, hễ chính-

phủ Nam-triều càng biết nhận-chân quyền-lợi cùng trách-nhiệm của mình thời càng ngày càng tiến lần lên. Khi nào khôi-phục đã đều đủ rồi, thời bấy giờ mới có thể nghĩ đến cách cho đại-biểu của nhân-dân tham-dự vào quốc-quyền được. Nhưng viện Dân-biểu từ trước đến giờ là do Bảo-hộ thiết-lập ra, còn thuộc cả ở quyền Bảo-hộ; tất phải thống-thuộc vào Nam-triều thì mới có thể hợp-tác với Nam-triều được. Việc cải-cách vừa rồi là khiến cho nghị-viện từ nay thống-thuộc vào Nam-triều đó.

Ông coi đó thì biết chúng tôi vẫn tiến-hành ở trên con đường lập-hiến đó, tiến-hành tự-nhiên mà không biết. Nước đã có Vua, Vua đã có quyền, mà bên cạnh chính-phủ lại có một hội-nghị do dân bầu-cử ra để tham-dự về việc nước, thời thế là đã phôi-thai ra cái chính-thể lập-hiến rồi đó, chỉ mỗi ngày một tăng-tiến và phát-đạt lên mà thôi. Nhưng cốt nhất là làm sao cho Vua có thực-quyền đã.

Công việc chúng tôi ngày nay là chỉ chủ một cái đích đó...

Tôi nói:

— Hoàng-đế hiện có nghiên-cứu việc cải-cách gì mới về sau này không?

Quan Thượng đáp:

— Ông hỏi tôi rằng Hoàng-đế có dự-định việc cải-cách gì mới về nay mai nữa không. Trước hết việc cải-cách mới tuyên-bố vừa rồi còn phải đem ra thi-hành. Như cải-cách về tư-pháp là mới bắt đầu đó mà thôi, vì mới ban-bố được một bộ luật Hình; còn phải ban-bố một bộ luật Hộ nữa (như luật của Bắc-kỳ thay đổi đi một đôi chút cũng có thể thông-dụng ở đây được). Rồi lại phải tổ-chức lại các tòa-án. Còn việc chấn-chỉnh về hành-chính, thời hiện nay mới làm được ở các bộ, rồi còn phải làm rộng ra các tỉnh nữa.

Sau nữa còn một vấn-đề rất quan-trọng và rất khó-khăn: là vấn-đề Bắc-kỳ đối với Nam-triều. Bắc-kỳ và Trung-kỳ, thể-lệ hành-chính có khác nhau một đôi chút, nhưng Bắc-kỳ không phải là không còn thuộc quyền Vua nữa; bây giờ phải tìm một cái phương-pháp thế nào để điều-hòa cho quyền địa-phương tự-trị không trái với quyền trung-ương chúa-tể...

Kể ra thì còn nhiều việc cải-cách nên làm nữa. Nhưng Hoàng-đế biết rằng phàm cải-cách là phải suy-nghĩ cho sâu-xa và phải thi-hành cho hợp-thời. Những việc cải-cách Hoàng-đế vừa ban-hành đó tưởng cũng đã đủ công việc cho chúng tôi làm trong ít lâu. Làm vợi rồi, bấy giờ sẽ nghĩ tới việc khác...

Câu chuyện nói đến đó là vừa hết...

Quan Thượng đứng dậy, tiễn chân chúng tôi ra tận ngoài, một cách ân-cần nhã-nhặn.

Lúc bắt tay từ-biệt, quan Thượng Phạm còn nói một câu sau cùng, giọng nói thiết-tha nhiệt-thành:

— Ông có thuật lại trong báo thì xin nói cho các độc-giả biết rằng Chính-phủ mới ở Huế ngày nay toàn là những người có chí muốn làm việc cả. Hiện nay bết thảy đều làm việc nhiều lắm. Chỉ xin dư-luận trong nước đem lòng tin cho vui-vẻ mà làm việc, lấy bụng khoan-dung mà đối-đãi...

Rồi quan Thượng nói một cách trịnh-trọng:

— Công việc thì nhiều, dù anh em chúng tôi có chưa làm được hết, hay là những việc đương làm, có chưa được hoàn-toàn cho lắm, thời xin cũng lượng-thứ cho, và biết cho rằng tình-thế khó-khăn, không phải là lỗi tự chúng tôi cả..

(Dịch theo Pháp-văn của René Lays *trong báo* Impartial *Sài-gòn, ngày 26 Août 1933)*

SỬ-LIỆU NƯỚC NHÀ

I

Một đoạn lịch-sử Nội-các về triều ta

« Nội-các » tiếng ấy gần đây thường thấy trên các báo : Nội-các Anh, Nội-các Nhật, Nội-các này đồ, Nội-các kia thay, v. v.., ai có đọc báo tất đã nghe thấy hơi quen quen. Tiếng « Nội-các » ấy là chỉ một cơ-quan tối-cao đứng đầu bộ-phận hành-chính, dầu là nước quân-chủ hay là nước cộng-hòa. Tòa Nội-các thường dùng cái tên người Thủ-tướng mà gọi, như « Nội-các Trai-đẳng », « Nội-các DALADIER » v. v. tỏ ra người đứng đầu tòa Nội-các, tổng-lãm quyền-cương và chịu cả trách-nhiệm, làm trung-tâm-điểm cho nền chính-trị trong một nước. Bởi thế nên tòa Nội-các thay đổi, ảnh-hưởng rất lớn.

Chế-độ Nội-các ở nước ta thì thế nào ?

Nội-các lập về đời Minh-mạng

Chỉ nói cái tên hai chữ « Nội-các », bên Tàu có từ triều Minh, bên Ta có từ triều Minh-mạng (nói rõ sau), chớ không phải mới. Song nói về nội-dung thì khác hẳn với tính-chất và quyền-hạn như Nội-các nước văn-minh nói trên. Xem chuyện sáng-tạo Nội-các ta dưới này thì đủ rõ.

Nói về chế-độ triều Nguyễn, từ đời Gia-long về trước, lúc mới gầy dựng, trăm việc chưa được hoàn-bị ; từ đời Thiệu-trị, Tự-đức về sau, toàn là thủ-thành và suy-đồi dần dần, nhiều điều sai lạc với bản-ý lập-pháp lúc đầu. Độc nhất triều Minh-mạng có chế-độ kiến-thiết nhiều, nào dụng-nhân, lý-tài kiến-quan, hành-chính, nội-trị, ngoại-phòng, cho đến các điều khác, dầu là ở trong chú-trọng về lối chuyên-chế (không đáng trách về thời-đại ấy) song phàm một chế-độ gì, cũng có ngụ ý phòng tệ mà đặt ra qui-tắc, chớ không phải là toàn vô ý-nghĩa. Ai đã xem bản Minh-mạng chính-yếu, tất đã rõ, mà Nội-các là một cái chế-độ trong các chế-độ khác.

Năm Minh-mạng thứ 10 (1829), vua bảo các tôi đình-thần rằng: (trích lược).

« Từ xưa đế vương cầm chánh quyền, lo việc nước, thường có các tôi thị-tùng hầu gần nơi cấm-cận, theo thời đặt ra, mỗi đời mỗi khác.

« Nước ta sau lúc đại-định, đức Cao-hoàng có đặt « Thị-thư viện », kịp ta lên ngôi, đổi tên là « Văn-thư phòng », danh sắc có khác, nhưng đều là dùng để giữ xem sách vở và xu-bồi tả hữu. Nay ta nghĩ cái tên « Văn thư phòng » chưa được thỏa đáng, nên đổi tên là « Nội-các », đặt 4 viên quản-lãnh, dùng quan tam tứ phẩm trong các bộ viện mà sung, chức ấy thuộc viên 28 người, cũng dùng người có viện-hàm sung vào, ban liệt ở dưới lục bộ. . . . . »

Đến năm 11 (1830) vua lại có một tờ dụ giao cho sử-quán, đại-lược nói :

« Từ đời Tống về trước chưa có Nội-các. Thái-tổ đời Minh (thế-kỷ 15) trừng cái tệ gian-tướng Hồ Duy-Dung lộng quyền, nên bỏ chức Tể-tướng, giao chánh-quyền về lục bộ. Đến đời Thánh-tổ mới đặt tòa Nội-các, dùng các viên Hàn-lâm vào trực, thăng đến đại-học-sĩ, nhưng trật chỉ ngũ-phẩm, để cung chức cố-vấn mà thôi. Lần lần về sau, phẩm càng cao, quyền càng trọng, không có cái tên Tể-tướng mà có cái thiệt như Tể-tướng, như Nghiêm Tung (嚴嵩) đời Minh Thế-tôn và Hòa-Thân (和珅) đời Thanh Cao-tôn để che tai mắt vua, một tay oai phúc, cái gương kia không xa.

« Tuy vậy, việc đời cũng nên châm-chước, không nên nhân nghẹn mà bỏ ăn. Huống tòa Nội-các ta đây, quan chức chỉ tam-phẩm mà ban thứ ở sau lục-bộ, không phải có quyền thủ-tướng như Minh, Thanh kia. Nay định điều nghiêm nhặt để rõ chức-thủ.

«Nội-các nghị chỉ mà không hiệp thì lục-bộ trích tham, lục-bộ nghị tấu mà không hiệp thì Nội-các trích tham, có dị đồng nhau thì hai bên cứ thiệt tâu lên, đợi ta tài-định. Cái gì đáng trích mà không trích thì có tội. Nếu âm-kiết bè bạn trong ngoài làm gian, thì tội ấy sẽ nghiêm-trị không tha. Con cháu ta nên giữ phép, không được thay đổi sinh ra cái ổ tệ ».

Đấy, Nội-các ta lúc mới đặt ra, chức-trách quyền-hạn là thế, nghĩa là hầu cận vua, giữ giấy mực, soạn chiếu chỉ và được trích tham những đều không hợp trong các tập sớ lục-bộ. Song không phải là có quyền tối-cao, vì Nội-các nghị-chỉ không hợp thì lục-bộ lại có quyền trích-tham mà ban thứ cũng ở dưới lục-bộ. Sở-ý đặt phép như vậy, cốt là để giám-đốc nhau, phòng cái tệ lộng-quyền và kiết-đảng, không phải là không hay, nhưng sau rồi sai lầm.

Nội-các triều Tự-đức

Đến triều Tự-đức thì tòa Nội-các thành ra một cái trường thi văn, chọn các nhà văn-học vào đấy để họa thi, làm thi và bình thi; tuy có việc khác, song thi văn là phần trọng-yếu. Ai cũng biết nước ta vào đời Tự-đức, bề trong thì mùa mất, dân đói, giặc cướp lung-tung; bề ngoài thì trong Nam ngoài Bắc, cắt đất mất thành, tình-thế nguy-ngập là dường nào! Nội-các là một cơ-quan trọng-yếu và bí-mật cận một bên vua, cần-thiết với quân-cơ quốc-chính là dường nào! Thế mà quanh năm trọn tháng, nhóm lại mà bàn chuyện thi văn. Trên vua thì lấy thi văn hay dở mà dùng người, dưới tôi thì được dấu khuyên dấu điểm và lời phê-bình của vua lấy làm vinh-diệu (thường thấy trong các tấu-sớ thi văn của Nội-các lúc ấy những chữ «khâm phụng châu khuyên, khâm phụng châu điểm, và thưởng kim-tiền», cho đến quan đại-thần cũng thế). Xem bản «Luân-âm cung-kỷ» của ông Nguyễn Thuật (Hà-đình), từ vào Nội-các năm Tự-đức 24 (1871) cho đến năm 35 (1882), kể trên 10 năm trời, rất được lòng vua tin dùng, mà xem trong tập chép những lời vua, mười phần đến chín phần rưỡi nói về việc thi văn. Có một việc đi sứ Tàu là quan-hệ đến việc ngoại-giao mà cũng đem làm cái liệu thi để ngâm-vịnh, thì đủ rõ công việc Nội-các đời ấy ra thế nào. Nghe như ngày sau vua có câu thơ:

Võ tướng giải sầu nhờ có rượu,
Văn thần lui giặc khổ không thơ

武將解愁惟有酒
文臣退賊更無詩

thì hình như biết ăn-năn, song đã muộn lắm rồi!

Nội-các sau triều Tự-đức

Tòa Nội-các ở triều Tự-đức, tuy xu trọng về đường thi văn, chuyên việc soạn-thuật, nhưng sung vào chức ấy, là những người văn-học có danh, vẫn giữ cái phẩm-cách thanh-cao cùng giá-trị Hàn-lâm Nội-các, thường được vua yêu mà quan-trường cũng kính-trọng. Sau vua Tự-đức mất rồi, thì Nội-các mất cái địa-vị trọng-yếu như trước. Về đời phế-đế (năm 1884), Hồng Sâm (con đức Tuy-lý) ở các, có tính cương-trực, thấy triều-chính lộn-xộn, quyền-thần chuyên - quyền, có dâng mật-sớ xin thu hồi oai-binh. Quyền-thần lúc ấy là ông Tôn-Thất Thuyết và Nguyễn Văn-Tường xử ông Hồng Sâm đến tội chết. Đến triều Đồng-khánh ông Hồng Sâm mới được khai-phục,

chiêu-tuyết sự oan ấy. Trong bài truy-phong có câu nay còn truyền tụng :

Lưu-tử-Kính nhiên lê Hán-các, khẳng-khái trần phong sự chi thư ; Khuất Linh-Quân nhẫn bội Sở-giang, nhất-uất sái hành ngâm chi lụy. 劉子敬燃藜漢閣,慷慨陳封事之書;屈靈均緋秋楚江,一,鬱酒行吟之淚.

Người thần-thần ở nơi cấm-cận nói đến việc nước mà bị lụy như thế, thì ai còn dám nói việc nước nữa, mà tòa Nội-các cũng thành ra tên trống.

Đến triều Thành-thái thì tòa Nội-các càng sa-sút nữa, chỉ nói một mặt văn-học cũng kém xưa nhiều. Có một lần vì cái ấn thủy-tinh thất-lạc mà các-thuộc có người bị đem ra tam pháp tra tấn không có sự thế gì cả.

Nói tóm lại, lịch-sử Nội-các triều ta là tự vua đặt ra để giữ việc soạn chiếu-chỉ, xem văn thơ và xu-bồi nơi cấm-cận, không phải là cơ-quan tối-cao trong bộ phận hành-chính như ở các nước văn-minh mà trên các báo thường gọi kia. Đã gọi là cơ-quan riêng của vua nên quân-quyền còn thịnh thì Nội-các được vinh-vang ; kịp đến ngày quân-quyền trụy-lạc thì Nội-các cũng mất cái địa-vị cao-quí, đó là cái lịch-sử đã qua trên 100 năm nay vậy.

Trước ngày 2 *Mai* vừa rồi, hai tiếng « Nội-các » ta, cũ không giống cũ, mà mới chưa thành mới. Như nói « Nội-các Nguyễn Hữu-Bài » ấy là xưng-hô theo lối mới, chỉ người thủ-tướng đứng đầu cơ-quan chính-trị mà nói, như nói « Nội-các POINCARÉ » (Pháp), « Nội-các Khuyển-dưỡng-nghị » (Nhật), v. v.. Còn nói Nội-các thuộc về ngự-tiền văn-phòng tức là theo lối cũ như « Thị-thư-viện » trong bài dụ của vua Minh-mạng đã dẫn trên. Cái mới với cũ đó không phân-biệt.

Lại theo như chế-độ mới thay đổi ở Nam-triều hôm 2 *Mai* thì « Ngự-tiền văn-phòng » như Nội-các cựu ta ngày xưa, còn ban Thượng-thư mới giống như Nội-các ở các nước văn-minh ngày nay. Nói «giống» là cái đại-thể bề ngoài, chớ theo như lời dụ ngày 2 *Mai* thì trong có chỗ khác :

1° Tòa Nội-các các nước có vị Thủ-tướng, như Nội các BRIAND (Pháp), Nội-các MAC DONALD (Anh) v. v. hình như chức Thủ-tướng đương cái trách-nhiệm cả bộ-phận hành-chính. nay năm quan Thượng mới của Nam-triều đều bình-đẳng, thì ra không ai là thủ-tướng.

2° Bộ-phận hành-chính có Nội-các chịu trách-nhiệm thì vua không có trách-nhiệm, nay vua đứng chủ-trương viện Cơ-mật tức là đức vua chịu trách-nhiệm. . . . . .

Lịch-sử Nội-các ta là thế.

X. X.

II

Lại câu chuyện Nội-các

Kỳ báo trước kia, Tiếng-dân có bài thuật đoạn lịch-sử Nội-các triều Nguyễn ta, rất được độc-giả chú-ý, nhất là bạn thanh-niên. Vì việc trong cấm-cận nhà vua, nhất là việc bản-triều, dân-gian không có sách vở và không ai được thấy, có chăng chỉ xếp trong các cung trong sử-quán mà thôi. Vì thế nên có nhiều độc-giả viết thơ khuyên bản-báo sưu-tập món sử-liệu ấy mà lần-lượt đăng báo cho công-chúng cùng xem, viện lẽ rằng chuyện cũ nước nhà, còn hơn chuyện xưa bên Tây bên Tàu kia.

Bản-báo vì tài-liệu thiếu-thốn, không sao làm vừa lòng độc-giả, song thỉnh-thoảng có sưu-tập được chuyện gì, xin cống-hiến ngay.

Nội-các ta khởi sáng từ triều Minh-mạng, mà vua Minh-mạng là một đấng minh-quân, rõ cái tệ lộng-quyền ủng-tế trên lịch-sử mấy triều-đại, nên cách phòng-nhàn và trừng-phạt rất là nghiêm-minh, không ai che đậy dối trá được.

1) Năm Minh-mạng 12 (1831), Thị-lang bộ Hộ sung biện các-vụ là ông Hà

Tôn-Quyền. Ông Quyền là một tay văn-học nổi danh ở Hàn-các, rất được vua yêu, ai cũng biết tiếng. Phụng chỉ giao ra bài thi ngự chế « thu thành », lời phụ-chú có chữ « Thanh-xuyên huyện » (青川縣) mà các-thuộc viết lầm là « Thanh châu » (青州縣) Như đức xem qua mà ký tên là xong, làm sao thấy được chữ lầm ấy. Vậy mà con mắt tinh của đức Minh-mạng, không sao che được. Vua hỏi ông Hà Tôn-Quyền, ông ta có lẽ không muốn nhận cái lỗi ấy là tại Nội-các hay sao không biết, bèn tâu rằng: « Đấy là y theo như trong sớ ở ngoài trấn. Sau biết là lầm, ông lại cả gan đem tờ sớ kia đổi chữ ấy đi cho hợp với lời tâu của mình. Mình lầm mà không tự nhận, đã là một điều bậy rồi, lại đổ cho kẻ khác, là hai điều bậy; đổ cho người khác làm cho người ta vốn không quấy mà trở nên người quấy, ấy là ba điều bậy. Chỉ sửa một chữ mà cái quả không tốt của nó ra thế nào!

Các-thuộc là Trần Lý-Đạo dựng ra hạch ông Quyền và tâu lên vua. Việc ấy giao xuống đình-nghị, kết án ông Quyền là khi-võng, cách chức làm lính đi phải dương-trình-hiệu-lực, sau mới được khai-phục. Còn Đông-các ông Thân Văn-Quyên cùng ông Nguyễn Huy-Chiêu bị nghị là « thất-sát » (xét không kỹ càng đều bị giáng.

2) Năm Minh-mạng 13 (1832), Nội-các soạn dụ có sót lầm sao đó, kiểm-thảo Trần Lý-Đạo lên bảo Nguyễn Chánh-Tiếc (Đãi-chiếu) sửa đổi lại. Cả gan dùng ngự-bửu toan thay đổi dụ ấy. Các-thần là Hoàng Quỳnh, phiên-trực là Lê Vạn-Công, Tôn-thất Bạch, kẻ thì biết mà không nói, người thì không kiểm-soát. Việc phát-lộ ra, vua giao đình-thần tra xét, luận cái tội «phe đảng dối vua, thiếu-vị tình-diện », làm tội Trần Lý-Đạo và Nguyễn Chánh-Tiếc rất nặng; còn Các-thần cũng bị cách...

Cái tệ « bằng-đảng và tình-diện » kia đời nào cũng có, phòng-nhân sơ-suất, thì ai mà biết được?

3) Năm 18 (1837), vua ban lời dụ rằng: Lâu nay dụ chỉ, bản-thảo thì giao cho Nội-các, còn dùng ngự-bửu, chỉ có Nội-các cùng một viên võ-ban khâm-nghiệm, lục-bộ không dự biết. Với cách phòng-nhân như thế, chưa được châu-mật. Nay định qui-trình cho lục bộ, tham-đồng xem xét mới khỏi mối tệ. Bộ tâu xin từ nay về sau, phàm chương-tấu dụ-chỉ, do bộ soạn thì các duyệt, do các soạn thì bộ duyệt, còn dùng ngự bửu, hay bất-thời vua có phê-phán chữ gì thì quan bộ đương-trực hội-đồng cùng Nội-các cùng nhận phong để rõ sự thận-trọng, v.v. (trích trong bản « Minh-mạng chánh-yếu »).

« Một ngày muôn việc », dầu vị đế-vương nào thông-minh đến đâu, cũng không thể việc gì tự một mình làm lấy được, nên phải phó-thác cho bầy tôi mà nhất là tôi ở cấm-cận. Nếu không có qui-trình nghiêm-mật, phòng lối ủng-tế gian-dối thì không khỏi có mối tệ. Triều Nguyễn về đời Minh-mạng trong nước được trị-an lâu dài, xem một việc sắp đặt qui-chế Nội-các trên, đã thấy chỗ thận-trọng không phải khinh-suất.

T. D.

(*Tiếng-dân*)

Mừng vua Bắc-tuần

Lời Hạ-ngạn có câu rằng: « Vua ta vi chẳng chơi bời, thì ta sao được nghỉ-ngơi lúc này; vua ta vi chẳng vui vầy, thì ta chẳng biết nhờ ai giúp mình; vui chơi xem xét dân-tình, để làm khuôn-phép trị-bình bầu-bang ». Câu ấy là lời Hạ-ngạn của người đời xưa, chúc các vua đi quan-phong, nay kẻ sô-nghiêu này cũng thuật để mừng « Kim Hoàng-thượng » khi ngự-giá Bắc-tuần vậy.

Xét ra sự đi tuần-phương, ở trong cổ-điển, lịch-triều đế-vương cũng vẫn thường làm. Đại-để cũng là đi xem phong-thổ, trông nghe những việc lợi tệ ở chốn dân-tình trong các địa-phương. Lịch-đại đều như thế cả, dẫu bây giờ cũng ý ấy mà thôi. Nhưng xem ra xứ Bắc-kỳ ta ở hồi ngự-giá Bắc-tuần này, trên tự chốn đô-hội, dưới đến chốn thôn-quê, nghị-luận rất là sôi-nổi. Nói về chung đoàn-thể cả người trong xứ thì rằng: tháng mười hai năm ngoái, ngự-du các tỉnh Trung-kỳ, thì tiếng cung-nghênh đã vang cả rừng Ngang, bể Nẵng. Tháng mười năm nay, ngự-giá lại du-quan ngoài Bắc, thì tiếng cung-nghênh lại vang cả núi Tản sông Hồng, nào nghi-trượng đón, nào thể-môn chao, nào các quan Bảo-hộ dâng lời chúc-từ, nào các quan-thân dân-thứ dâng bài bạ-biểu, nào súng bắn ran đất, nào cờ cắm rợp đường. Nghi-vệ ngoài Bắc tưởng cũng không khác gì xứ Trung-kỳ vậy.

Nói về ý riêng từng phái: Chính-phủ Bảo-hộ thì rằng: Vua nay ra, thật là sắp đặt chính-thể « quân-chủ lập-hiến ». Nam-triều chính-phủ thì rằng: Vua nay ra thực là tỏ chính-kiến «Pháp-Việt đề-huề». Quan trường thì rằng: Vua nay ra tất có điều chấn-chỉnh quan-trường; dân-gian thì rằng: Vua ra tất hay đỗng-sát dân-tình; các nhà báo ta thì rằng: Khi vua về nước, vẻ náo-nhiệt đã dậy cả kinh-thành Thuận-huế, khi tuần-du Trung-kỳ các tỉnh, thì vẻ náo-nhiệt khắp cả đường trong. Nay ra Bắc-tuần thì vẻ náo-nhiệt khắp cả đường ngoài. Mới biết nghĩa « tôn-quân » ở phương Nam vẫn còn cố-kết, các nhà báo tây thì rằng: Khi vua mới về nước, thì tiếng hoan-hô vang cả núi Ngự sông Hương, khi tuần-du Trung-kỳ, tiếng hoan-hô vang cả một giải Hoành-sơn, một dòng Nam-hải. Nay ra ngự-du ngoài Bắc, thì tiếng hoan-hô lại vang cả một miền Đông-hải, một giải Bắc-sơn. Mới biết nghĩa quân-quốc ở phương Nam châu Á vẫn còn đạt-tôn. Các nhà tân-học thì rằng: Vua nay có vẻ như vua Anh vua Nhật, các nhà cựu-học thì rằng: Vua nay còn vẻ như vua Thuấn vua Nghiêu, các nhà lão-thành thì rằng: Các vua xưa thâm-cư cửu-trùng, vua nay thì vượt bể nghìn-trùng, xuất-dương du-học; các bậc thanh-niên thì rằng: Các vua xưa thì quân-môn vạn-lý, vua nay thì lối xe dấu ngựa trải khắp giang-sơn; nhà công thương thì rằng: Vua ra xem nghề buôn, nghề thợ của xứ ta ngày nay so với ngày xưa thế nào? Nhà canh-nông, nhà học-vấn thì rằng: Vua ra xem nghề học, nghề cày của xứ ta ngày nay so với ngày trước thế nào? Các nhà khai-khoáng, các sở cơ-khí cùng các hội thì rằng: Vua ra xem các xưởng khai mỏ, các nhà máy móc, các đoàn-thể của xứ ta ngày nay đã tấn-tới chưa? Các nơi có cổ-tích tổ-quốc, hay các cổ-tích lịch-triều đế-vương thì rằng: Vua ra tất cũng thăm xem cổ-tích của xứ ta đã tốt đẹp chưa? Ngày nay mừng thấy long-nhan, tất cũng có nhiều điều hi-vọng, cái hi-vọng ấy, mấy năm xưa đã từng khuynh-hướng đấng Tiên-đế, nay lại khuynh-hướng đấng Kim-hoàng. Rộn-rịp thay! tiếng đàn sáo; rực-rỡ thay! bóng tinh-kỳ. Trước đã từng cung-nghênh đấng Tiên-đế, nay lại được cung-nghênh đấng Kim-hoàng. Thế mới biết: *Dân-tâm còn nhớ Hán, Nhân-tâm còn nhớ Đường; Cỏ cây vẫn đội ơn Chu, Niên-hiệu vẫn để lịch Tấn; Nước chính lòng trời thuận, Dân mừng chúa thánh ra.*

Bể Á rừng Âu, ban-bố kẻ bao tân-chính kiến, thành Nam lũy Bắc, thái-bình lại thấy cựu-uy-nghi.

Nghe tin báo «Triều-cương cải-cách» giang-sơn mừng có chủ-nhân. Được tin ban «Ngự-giá Bắc-tuần» thảo-thụ đều sinh hỉ-sắc. Cuộc Bắc-tuần này đối với cổ tiên-vương, cũng là theo cổ-chế, đối với kim thời-cục cũng là hợp thời-nghi. Mượn bút biên ghi, mạo muội kính dâng Thánh-hoàng vạn-tuế!

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

BÌNH-LUẬN VỀ SÁCH KHÓA-HƯ

Khóa-hư 課虛 giảng về nghĩa hư-không, là một quyển sách khuyên-hóa tu-hành về Phật-giáo, của vua Trần Thái-tôn soạn ra. Thái-tôn là một ông vua anh-hùng, muốn biết vì sao ngài đốc-tín Phật-giáo và viết ra sách *Khóa-hư* này, thì phải xét đến cái ảnh-hưởng của thời-đại Phật-giáo Việt-Nam bấy giờ và đời làm đế-vương của ngài đã.

Thời-đại Phật-giáo — Việt-Nam từ khi tái-tạo lại quốc-thống, hai đời Đinh, Lê đều nhờ nhân-tài trong Phật-giáo như bọn Ngô Chân-Lưu, Đỗ Thuận tác-trợ việc nước nhiều lắm. Đến đời Lý càng mộ Phật-giáo mà Phật-học càng thịnh. Các vương-hầu đều qui-y thụ-giới, bọn Viên-chiếu thiền-sư thâm-thấu những nghĩa vi-diệu, trước-thuật nhiều, lại thường dự mưu trong nơi khu-mật nhà nước, suốt đời nhà Lý, Phật-học toàn-thịnh. Trần Thái-tôn lúc đó là con nhà quí-tộc, từ nhỏ đã thân-cận những vị cao-tăng mà sớm có cái khuynh-hướng về Phật-giáo.

Đời làm đế-vương — Trần Thái-tôn tên là Cảnh, con Trần Thừa, một nhà ngoại-thích chuyên-quyền cuối đời nhà Lý. Trần Thái-tôn còn thơ-ấu, chú họ là Trần Thủ-Độ bày mưu cho Trần Thái-tôn phối Nữ-quân là Lý Chiêu-hoàng, rồi ép Chiêu-hoàng nhường ngôi cho mà lên làm vua. Trần Thừa làm Thái-thượng-hoàng, giúp coi việc chính. Song Trần Thái-tôn vốn tính thông-minh nhân-hiếu, trọng đạo-đức, giàu cảm-tình. Lên làm vua được mấy năm, Trần Thủ-Độ tận-thành giúp cho, nhưng Thủ-Độ là người vô-học tính tợn-bạo, làm nhiều việc quyền-nghi thương-luân bại-lý để giữ vững lấy ngôi vua cho nhà Trần. Như là những việc xử với Lý Huệ-tôn và họ-hàng nhà Lý rất tàn-nhẫn. Lại nhất là việc xử với hai bà Công-chúa nhà Lý, ép Thái-tôn bỏ Chiêu-thánh công-chúa mà lấy Thuận-thiên hoàng-hậu là vợ anh đã có thai cho chồng có con nối. Thái-tôn rất lấy làm xấu-hổ, đối với lương-tâm không yên, bèn bỏ ngôi vua đang đêm trốn ra đi, vào núi An-tử, quyết ở lại đó xuất-gia tu-hành. Đó là việc năm Thiên-ứng-chính-bình thứ năm (1237).

Hôm sau Thủ-Độ đưa triều-thần cố-lão tìm vào chùa An-tử cố ép mời ngài về kinh. Mời khuyên đến ba bốn lần, Thiền-sư chùa An-tử cũng lấy cái nghĩa « Lòng yên lặng mà nghĩ thấu thì tức là đấng Phật chân-chính đó, chứ không phải cầu ở ngoài » để khuyên ngài về. Bất-đắc-dĩ ngài phải về làm vua. Ngài có câu : « Lại cố gượng lên ngôi vua ». Coi đó thì biết Trần Thái-tôn coi luân-lý nặng như núi Tản-viên, mà coi phú-quí nhẹ như cái lông chim vậy. Ấy cái tư-tưởng « sắc, không » nó in sâu vào trong tâm-niệm Trần Thái-tôn từ thủa thiếu-niên đó.

Trần Thái-tôn tự đó tuy không xuất-gia, nhưng cũng vẫn là người tu tại-gia. Phật-giáo gọi là tu theo lối « Bồ-tát tâm-địa », nghĩa là giữ giới-hạnh mà vẫn có gia-đình, làm việc đời như người thường.

Trần Thái-tôn về làm vua, trước sau ba-mươi-ba năm cả thảy, là một ông vua sáng-nghiệp, việc chính việc giáo, tôn Nho sùng Phật, kiến-thiết rất nhiều. Nhất là việc chống cự với nhà Nguyên, sự-nghiệp lại càng rực-rỡ. Ngài lại là một ông vua luân-lý đạo-đức, mà luân-lý đạo-đức một cách tự-do bình-đẳng khoáng-đạt, chứ không câu-nệ thúc-

phục như lối tục-nho. Ngài tự vỗ-về mà giải-hòa với anh là Trần Liễu đã vì bị đoạt-ái mà khởi loạn; làm bài minh để dạy các Hoàng-tử về trung-hiếu cung-kiệm. Các quan thì thường vời vào ăn yến trong nội-đình, khắp mặt đều được dự. Khi uống rượu thì cho kẻ hành-tửu đội mũ mo đi chuốc rượu để khôi-hài cho vui. Rượu say rồi thì các quan đều đứng dậy gian tay nhau mà múa hát.

Đối với giặc Nguyên khi xâm-phạm vào Bình-lệ-nguyên, Trần Thái-tôn tự làm tướng đi đốc-chiến, xông-pha nơi tên đạn. Tuy thế giặc Hung-nô đang mạnh, quân ta bị lui, mà ngài chỉ một mình cưỡi ngựa ra ra vào vào giữa nơi trận giặc mà nhan-sắc vẫn thản-nhiên như không. Vậy ngài lại là một ông vua anh-hùng nữa.

Đời học-vấn — Đối với việc học thì ngài vẫn không nhãng bỏ, khi nào việc nước có chút thư-thả, thì ngài lại nghiên-cứu khắp cả các kinh sách của Nho, Đạo và Thích mà đời ấy gọi là « tam-giáo ». Nhưng ngài rất khuynh-hướng về Thích-giáo hơn. Cứ trong sách *Khóa-hư* này đã nói thì ngài soạn được ba quyển sách về Phật-học là *Chú-giải kinh Kim-cương*, sách *Thiền-tông chỉ-nam ca* và sách *Khóa-hư* này. Nhưng nay sách *Kim-cương-kinh chú-giải* và sách *Thiền-tông chỉ-nam* đều mất mà mỗi sách chỉ còn lại một bài *tự-tự* in ở trong sách *Khóa-hư* mà thôi.

Bài *tự-tự* sách *Thiền-tông chỉ-nam* ghi việc định đi xuất-gia và chỗ giác-ngộ đạo Phật, lời nói thực, ý-nghĩa thực, vậy dịch toàn bài ra sau này cho biết chỗ uyên-nguyên Phật-học của nhà vua:

« Trẫm trộm nghĩ rằng: Phật vốn không có phân-biệt gì nam với bắc, thì ở đâu cũng có thể tu mà cầu được; tính người ta tuy có kẻ trí kẻ ngu, nhưng nhờ Phật thì cũng cùng giác-ngộ được như nhau. Thế cho nên lấy phép phương-tiện mà dạy cho những kẻ mê, lấy con đường tắt mà hiểu cho người đời biết nghĩa tử-sinh, là đạo lớn của đức Phật ta đó. Còn như đức Tiên-thánh (Khổng-tử) thì trách-nhiệm của ngài là lập ra mực-thước, đặt ra khuôn phép về đạo trị-thế để dạy cho đời sau vậy. Ấy vì thế mà Lục-tổ có câu rằng: *«Tiên-đại thánh-nhân với Đại-sư không khác gì nhau.»* Coi đó thì biết đạo của đức Phật ta lại phải nhờ đấng Tiên-thánh-nhân mà truyền ra cho đời vậy.

« Vậy thì nay, Trẫm há lại không lấy cái gánh của đấng Tiên-thánh làm gánh của mình và lấy đạo-giáo của đức Phật ta làm đạo-giáo của mình được dư. Vả Trẫm từ khi tuổi còn thơ-ấu hơi có trí khôn, được nghe thấy những lời giáo-huấn của các đấng thiền-sư thì trong lòng đã biết suy-nghĩ một cách ngấm-ngầm mà lấy làm mát-mẻ tinh-tao, có ý lưu-tâm về Phật-giáo từ đó rồi. Từ đó hay xem sách Phật, thành-tâm mộ-đạo tìm thầy, lòng hồi-hướng tuy đã nảy mầm ra mà chưa có dịp cảm-súc mạnh. Đến năm Trẫm 16 tuổi, Thái-hậu qua đời, Trẫm đang gối đất nằm rơm, khóc than thương xót, mới được vài năm, đau-đớn chưa nguôi thì Thái-tổ hoàng-đế cũng qui-tiên. Chưa xong điều khổ nọ đã tiếp nỗi đau kia, Trẫm rất lấy làm buồn rầu áy-náy trong tấc dạ. Tự nghĩ rằng cha mẹ đối với con nâng-niu bú mớm, thương-yêu không biết là dường nào, kẻ làm con dầu nát thân cũng không đủ báo. Phương-chi đấng Hoàng-khảo ta trải bao vất-vả để dựng nên cơ-nghiệp, để đắp vững nước nhà, rồi Ngài dem báu lớn trao lại cho Trẫm đương tuổi ngây thơ. Trẫm thực ngày đêm nơm-nớp không lúc nào khỏi lo. Mình tự bảo mình rằng như trẫm nay, trên đã không có cha mẹ để nương nhờ, dưới lại e không xứng-đáng cho muôn dân trông cậy. Biết làm sao đây, nghĩ đi nghĩ

lại, chỉ cho bằng tìm vào nơi rừng núi, giảng-cầu đạo Phật, cho thấu-hiểu được cái nghĩa lớn tử-sinh, cho báo-đền được ơn-đức cù-lao, chẳng là hơn dư. Chỉ Trẫm bấy giờ đã quyết như thế rồi. Giữa đêm hôm mồng ba tháng 4 năm Thiên-ứng-chính-bình thứ năm, Trẫm bèn vi-phục đi ra ngoài cửa cung, Trẫm bảo mấy người theo hầu rằng : Trẫm muốn cất-lên đi chơi để lặng nghe dư-luận mà xem chí-nguyện của dân thế nào, cho được biết những công-việc gian-nan của dân thế nào.

«Bấy giờ đi theo Trẫm chỉ có độ bảy, tám người. Giờ hợi đêm ấy, một mình Trẫm cưỡi ngựa đi thầm cùng bọn theo hầu ấy. Sang qua đò Giang-đông rồi, Trẫm mới bảo thực cho bọn theo hầu ấy biết, thì họ đều kinh-ngạc và giỏ nước mắt khóc. Sáng mai giờ mão thì đi đến bến đò Phả-lại sông Đại-than. Sợ người ta biết chăng, Trẫm phải lấy vạt áo che mặt mà sang đò.

«Qua đò rồi thì đi đường núi, tới trưa vào nghỉ ở chùa vị sư Giác-hạnh. Sáng mai lại ra đi, trèo đèo lặn suối, mà suối thì thẳm đèo thì cao, sau ngựa mỏi không đi được nữa. Trẫm phải bỏ ngựa, vịn mau vào vách núi mà đi. Giờ mùi mới đến nơi, ấy là khoảng vai núi An-tử. Nghỉ lại đó, sáng sớm mai đi thẳng lên đỉnh núi, vào yết đấng Quốc-sư Trúc-lâm Đại-sa-môn.

« Thiền-sư mới thấy Trẫm thì vui mừng lắm. Thong-thả hỏi Trẫm rằng : « Lão-tăng này vốn ở nơi rừng nội, xương đã cứng mà da đã già-giạn ra rồi, cơm hằm rau đắng, uống nước suối, đi chơi trong rừng khe. Lòng kia như đám phù-vân bay theo gió mà tới đây. Nay đấng Bệ-hạ bỗng bỏ cái ngôi nhân-chủ cao-sang mà mến cái thú rừng-rú tịch-mịch này mà tới đây thì ngài định cầu gì ? »

«Trẫm nghe thầy hỏi, hai hàng nước mắt ứa ra, bèn nói lại với thầy rằng : « Ta còn thơ-ấu mà đã sớm mất cả hai thân, một mình côi-cút đứng trên mọi kẻ sĩ-dân, thật không còn nương tựa vào đâu được. Nhân lại nghĩ đến sự-nghiệp đế-vương, hưng-phế bất-thường. Vì vậy ta vào ở đây để cầu tu cho thành Phật, chớ chẳng cầu gì.»

« Thầy nói : « Trong rừng vốn không làm gì có Phật, Phật chỉ ở lòng người. Nếu lòng yên-lặng mà nghĩ thấu thì tức là đấng Phật chân-thực đó. Nay nếu Bệ-hạ mà giác-ngộ được lòng ấy thì đứng ở đâu là thành Phật ở đó ngay, chớ không phải đi tìm ở ngoài cho vất-vả ». Bấy giờ Trần-công là thúc-phụ trẫm, tụng-đệ của Tiên-quân mà Tiên-quân đã đem trẫm thác-cô cho ông đó, sau khi Tiên-quân bỏ quần-thần mà qua đời, trẫm ban cho ông chức Thái-sư Tham-phụ quốc-chính, biết tin trẫm đi rồi, ông sai người đi tìm khắp các ngả, rồi ông cùng với người trong nước mà vào tới núi này thì gặp trẫm. Ông nói thống-thiết với trẫm rằng : « Thần chịu lời phó-thác của Tiên-quân, tôn thờ Bệ-hạ để làm chủ cho thần với dân. Dân người ta đang tôn thờ Bệ-hạ như con thơ mến cha mẹ. Nay các cố-lão trong chỗ triều-đình đều là những bậc tôi thân, những kẻ sĩ-thứ chốn dân-gian ai nấy đều tin phục, dù đến đứa trẻ con nó cũng biết Bệ-hạ là cha mẹ dân rồi. Vả Thái-tổ bỏ thần này mà về chưa héo cái cỏ, nỏ hòn đất, lời ngài dặn lại còn ở bên tai thần này. Thế mà Bệ-hạ trốn đời vào ẩn ở chỗ sơn-lâm để cho toại cái chí riêng của mình. Cứ như ý thần đây sở-nghĩ, thì Bệ-hạ làm như thế đối với cái kế tự-tu cho mình thì phải, còn như đối với quốc-gia xã-tắc thì làm thế nào ? Vì bằng Bệ-hạ muốn sẽ đem những lời không-ngôn để dạy đời sau, thì sao bằng đem ngay thân mình làm phép cho thiên-hạ thì có hơn không. Nếu Bệ-hạ không nghĩ lại, chúng tôi và người

nước, xin chết cả ở đây hôm nay, quyết không trở về nữa ».

« Trẫm thấy Thái-sư và các quan cố-lão, tỏ ý thế nào cũng không chịu dời trẫm ra. Trẫm bèn đem những lời ấy bạch với Quốc-sư. Quốc-sư nâng tay trẫm mà rằng : « Đã làm đấng nhân-quân, thì phải lấy cái lòng dục-vọng của dân làm dục-vọng của mình. Bây giờ dân người ta muốn rước ngài về thì ngài không về thế nào được. Còn như sự giảng-cứu về sách Phật thì xin ngài chớ có một phút nào quên... »

« Vì vậy Trẫm cùng người nước lại trở về Kinh, miễn-cưỡng mà lại lên ngôi vua. Từ đó mười mấy năm nay, hễ khi nào thư việc cơ-mật, thì Trẫm lại họp cùng các đấng Cao-tăng đại-đức để hỏi bàn về nghĩa đạo. Bao nhiêu bộ kinh đại-giáo (đại thừa) Trẫm đều đọc kỹ. Có một lần Trẫm đọc sách *Kim-cương* đến câu: «*Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* 應無所住而生其心 = Tâm mình phải giữ không có vướng vào cái gì thì nó mới khuấy-phát ra được. » Trẫm bèn đặt kinh xuống mà ngâm-nga nghĩ-ngợi câu ấy mãi, thì bỗng tự-nhiên giác-ngộ ra, bèn đem những cái lẽ đã giác-ngộ được ấy mà làm ra bài ca này, gọi là « *Thiền-tông chỉ-nam* 禪宗指南 ».

« Năm ấy đấng Quốc-sư ở An-tử ra thăm cửa khuyết, Trẫm mời người ở lại chùa Thắng-nghiêm, và mở ra sở khắc kinh. Trẫm mới đem bài ca này đưa người xem. Người xem rồi khen ngợi hai ba lần rằng : « Tinh-thần của chư Phật rút hết cả vào trong bài này, vậy sao ngài không cho khắc mà in ra để dạy cho bọn hậu-học ». Trẫm nghe lời người bèn sai thợ viết ra lối chữ in rồi ban sắc cho khắc bản in. Làm như vậy là không những chỉ cho đời sau khỏi mê mà cũng muốn để mở mang công-đức của Thánh-nhân ngày trước nữa. Nay tự-tự. »

Xem lời tác-giả tự-thuật như trên đó, cái lòng hồi-hướng tức là cái lòng tu-hành của tác-giả, tuy đã nảy mầm ra, nhưng chưa có dịp cảm-súc mạnh. Dịp cảm-súc mạnh tức là cái lúc mấy cái sự-biến phi-thường là tuổi còn thơ-ấu, hai thân đã vội kế-tiếp qua đời biết lấy ai để tin cậy nỗi lòng, lại cái việc đối với chị em Thuận-thiên hoàng-hậu là việc bị ép mà là việc ngược đời đáng xấu-hổ, thì bảo người có tâm-huyết làm sao khỏi phấn-uất một cách rất kịch-liệt được. Ở đây tác-giả chỉ nói cái việc hiếu-niệm mà thôi, nhưng sử-ký đã nói rõ Trần-Thái-tôn trốn đi vào An-tử là vì ngài xấu-hổ về việc Thuận-thiên hoàng-hậu đó.

Đối với những việc thương-luân bại-lý, người nhân-giả trông thấy cũng đã đau đớn lòng, phương-chi là việc thiết đến thân mình, thân một người đã có giác-ngộ cái lẽ sắc-không, thì bỏ ngôi vua mà đi tu cũng là lẽ tất-nhiên. Nhưng bị thế bách không xuất-gia được, thì những sự thương-luân bại-lý kia lại đều là việc người ta làm lợi cho mình, mình nhân lấy cả, thì kẻ thành-tín khỏi sao không ăn-năn hối-tội chung-thân được. Ấy cái tâm-lý Trần Thái-tôn sở-dĩ tu tại-gia, viết ra những bài khuyến-hóa về sự tu-hành, sám-hối, góp thành quyển *Khóa-hư* này là thế. Chứ không phải như những cách mộ đạo của các đế-vương ở Âu-Á ngày xưa, làm ra mộ đạo là để khuyến-khích cho lòng dân hồi-thuần vậy. Vậy đem sách *Khóa-hư* chia ra từng phần mà xem như sau này :

1° *Nội-dung.* — *Khóa-hư* là một tập có nhiều bài văn linh-tinh hợp lại. Là một quyển khuyến-hóa về tu-hành, sám-hối, thông-dụng cho cả xuất-gia, tại-gia. Có hai quyển : Quyển trên có 20 bài là : Bài đầu nói về *tứ-sơn* 四山, bốn cái núi : *sinh, lão, bệnh, tử*. Phổ-

thuyết sắc-thân 普說色身 khuyên khắp kẻ có cái thân xác thịt phải tu. *Khuyến phát-tâm văn* 勸發心文 khuyên người đời phát-tâm làm thiện. Năm bài về ngũ-giới: *Giới sát, giới tửu, giới sắc,* v. v. *Giới định tuệ luận* 戒定慧論, luận về phép *giới, định* và *tuệ*. *Thiền-tông chỉ-nam tự* 禪宗指南序. *Kim-cương tam-muội kinh tự* 金剛三昧經序 và bài *Bạt-hậu* 跋後, v. v.

Quyển dưới có sáu bài làm lễ sám-hối về sáu giờ trong một ngày đêm.

Văn-thể trong sách *Khóa-hư* đủ cả văn xuôi, văn biền-ngẫu và văn vần (kệ). Quyển dưới thuần là những lời răn dạy cho kẻ tu-hành lễ-bái, không có lý-luận gì, nhưng mỗi bài lại có một đoạn khải-bạch tả cảnh của thời-gian trong một ngày, dùng lời văn-chương đẹp. Sẽ trích dịch vài đoạn để xuống dưới bài này. Quyển trên thì nhiều bài lý-luận có giá-trị, song lại phải cái bệnh là nhiều bài viết bằng lối văn biền-ngẫu và dùng điển cũ. Biền-ngẫu cũng là lối văn đẹp. Cứ hai câu đi song-hành đối nhau từng chữ về từng tính-chất. Lối này về thể văn đọc-âm, tính cờ trong mỗi bài chỗ nào có thể tự-nhiên viết được thì dùng năm ba câu cũng hay, chứ chỗ nào cũng cố ý gò gẫm mà viết cho đối nhau, thì nó làm cho nghĩa-lý vụn-vặt đi mà không thấy được đủ tinh-thần. Còn lối văn dùng điển cũ thì tuy tỏ ra là bác-học, nhưng trong một bài văn mà dùng thuần lời cũ điển cũ ghép lại, thành ra tác-giả dù có ý gì mới cũng là vùi vào trong những lời cũ cả. Ấy cái thông-bệnh của nhà văn-phái biền-ngẫu điển-cố từ Đường Tống trở về sau không phát-biểu được ý-tưởng gì cũng là vì đó. Sách *Khóa-hư* này cũng vậy, ít chỗ thấy được ý mới của tác-giả cũng vì dùng nhiều lối biền-ngẫu và điển cũ. Còn những bài *kệ* thì thanh-thoát mới-mẻ nhiều, nhưng nghĩa thường bí-ẩn lắm. Cho nên sau đây chọn phải lấy những chỗ văn-lý có chút mới-mẻ và ý-tứ rõ-ràng thì mới dịch ra để bình-luận.

2° *Triết-lý.*— Trong sách *Khóa-hư* có hai chỗ đích-xác là ý-kiến mới-mẻ của tác-giả Trần Thái-tôn như sau này:

a) *Nghĩa điều-hòa.*— Trước kia Lục-tổ là nhà sư bên Tàu đã nói: « Tiên-đại Thánh-nhân (Khổng-tử) với Đại-sư (Thích-ca) không khác gì nhau». Song nói thế là hàm-hồ dễ khiến cho kẻ khác nhận sai. Hai cái chủ-nghĩa: Khổng chủ hiện-thế, Thích chủ xuất-thế, vốn tương-phản nhau, nay nói không khác gì, thì đạo họ Khổng cũng là đạo xuất-thế, mà đạo họ Thích cũng là đạo hiện-thế được dư? Ở đây nhà vua giải thêm rằng: « Đạo của đức Phật ta lại phải nhờ đấng Tiên-thánh-nhân để truyền ra cho đời ». Nghĩa là hai cái chủ-nghĩa chia chức-quyền mỗi bên làm mỗi việc đều cần-thiết cho đời người, tuy tương-phản nhau mà đều tương-ích cho đời, chứ không phải là tương-hại nhau vậy. Thế là điều-hòa mà vẫn phân-biệt, chứ không phải là hàm-hồn. Phật đã phải nhờ Thánh thì tức là Phật không làm được, mà Thánh cũng không phải là Phật, nhưng việc đã đều tương-ích cho đời mà không tương-hại nhau, thì cũng có thể cùng làm ảnh-hưởng mà bổ-khuyết cho nhau được. Chủ-nghĩa xuất-thế mà chịu ảnh-hưởng của chủ-nghĩa hiện-thế thì muốn cho tròn được phúc-quả ở thân sau càng phải làm hậu lấy thiện-nhân ở thân nay, mà chủ-nghĩa xuất-thế không đến hư không tiêu-diệt quá. Thế thì nhân-sinh mới có lợi. Đến như chủ-nghĩa hiện-thế cũng vậy. Chủ-nghĩa này mà chịu ảnh-hưởng của chủ-nghĩa xuất-thế thì mới chế bớt được những cái nhục-dục

nồng-nàn tí-ô của kẻ phàm-phu. Mới giữ bền được những tư-tưởng cao-thượng như : coi sự phú-quí bất-nghĩa như đám mây bay thoảng qua và trọng thiên-tước mà khinh nhân-tước.. Ấy cũng vì Phật-giáo ở hai đời Lý, Trần người ta truyền-thụ và thực-hành cho nhau được cái nghĩa điều-hòa như thế, nên người ta sùng Phật mà không có hại chăng.

b) *Nghĩa thường-nhiên.* — Phật Thích-ca lấy cái nghĩa đời là không, việc đời là bất-thường để thuyết-pháp mà độ cho những kẻ u-ám hôn-mê về cái đời vật-dục, mà không biết hồi-hướng về đạo-nghĩa cao-siêu. Phật Thích-ca chủ-trương như thế là Phật sớm cảm-súc ở bốn cái trạng-thái sinh-hoạt của đời người không thể tránh được và không thể định-hạn được là « sinh, lão, bệnh, tử ». Phật cho làm bốn hiểm-tượng mà gọi là bốn cái núi.

Suy-nguyên cái lẽ sở-dĩ khiến cho người đời chiến-phục vào trong vòng bốn cái núi hiểm-tượng ấy, Phật Thích-ca gọi là cái nghiệp-duyên luân-hồi, là cái cõi khổ. Nay muốn tránh bốn hiểm-tượng ấy, trừ cõi khổ ấy thì phải thoát vòng sinh-tử, phá nghiệp luân-hồi, tức là phải khổ-hạnh chân-tu mới tới đến cõi đạo được.

Nay nói cho rõ-ràng nghĩa ấy ra thì khổ-hạnh chân-tu là cần đứt hẳn dây tình-ái, giảm cảm hẳn hết sự sinh-hoạt của mình và người-lạnh hết những sự nguyện-vọng về tiến-hóa của đời người.

Đời là không, sự đời là bất-thường, thì cái thân xác-thịt thô-tục ô-uế này, còn đáng lưu-luyến chi mà không sớm vất bỏ đi, để tu-hành cho tới cõi đạo là chốn hư-không sáng-láng thanh-cao mà tồn-tại mãi-mãi.

Ấy cái chỗ đại-yếu của cái quan-niệm về tu-hành trong Phật-giáo là như thế. Thật là một chủ-nghĩa cực-đoan, một chủ-nghĩa tiêu-cực, phản-bội với chủ-nghĩa tiến-hóa. Song đó cũng chẳng qua là một phương-pháp kích-luận cho kẻ hôn-mê mãnh-tỉnh mà thôi, nhưng kẻ chấp-nệ thì không hiểu được. Tưởng chỉ làm cho tuyệt hết sinh-cơ đi thì thành đạo, mà không dụng công tới cái chỗ gieo thiện-nhân để cầu phúc-quả. Thành-thử đạo đã chẳng tới được cõi cứu-cánh, mà cuộc đời chỉ càng thêm thoái-hóa tiêu-điều, khổ càng thêm khổ mà thôi. Bởi vậy Trần Thái-tôn phải vì những kẻ sơ-học thiển-cận hay chấp-nệ mà giải lại cái lẽ sinh, lão, bệnh, tử ấy.

Ở đầu sách thì nhà vua đem thuyết tứ-sơn mà diễn lại cho rõ-ràng mỗi cái hiểm-tượng ấy là thế nào. Đến cuối sách thì nhà vua lại lấy cái lẽ sinh, lão, bệnh, tử ấy để kết-luận mà giải theo cái nghĩa thực-hiện cho biết nó là cái lẽ thường-nhiên của đời người không tránh khỏi. Sự cầu Phật tu đạo không ở chỗ chỉ chực giải-thoát cái lẽ ấy. Nhà vua bèn có bài kệ « khuyên chúng » rằng :

Sinh, lão, bệnh, tử,
生老病死
Lý chi thường-nhiên ;
理之常然
Dục cầu giải-thoát,
欲求解脫
Giải phọc thiểm chiến ;
解縛添戰
Mê nhi cầu Phật,
迷而求佛
Hoặc nhi cầu thiền ;
惑而求禪
Thiền đã bất cầu,
禪也不求
Đỗ khẩu vong ngôn.
杜口忘言

Dịch : *Sinh, lão, bệnh, tử,*
Là lẽ thường-nhiên ;
Muốn dứt dây nọ,
Dợ kia trói liền ;

Thế mà những kẻ,
Học Phật cầu thiền;
Cứ mê ấn giải-thoát,
Là mê là điên;
Nghĩa thiền mầu nhiệm,
Khó nói cho nên.

Thế là nhà vua cho cái lẽ sinh, lão, bệnh, tử của đời người là cái lẽ thường-nhiên, nó tuy là cái cờ vô-thường của mỗi sinh-mệnh, nhưng nó chính là cái lệ thường của cả các chúng-sinh. Cũng như cái có ở cõi thế-gian nó vốn do không mà có, nhưng nó đã có rồi thì tuy nó có thường thay đổi, nhưng nó vẫn có mãi. Thế là trong cái không vẫn có cái có, mà trong cái vô-thường vẫn có cái thường. Xét lý mà mếch về một bên thì lầm. Đã lầm thì không đạt đến mục-đích của đạo được. Nhà vua thực là sáng-kiến, có công bổ-trợ cho Phật-giáo chính ở thuyết thường-nhiên của đời người nay đó.

3° *Nghĩa sinh-hóa.* — Bài đầu sách, trước khi nói về thuyết tứ-sơn. Nhà vua suy-nguyên cái lẽ sinh-hóa của đời người mà rằng:

«... Đời người là do ở cái chỗ không mà bỗng khởi ra một cái ý-nghĩ cản-bậy, ý-nghĩ cản-bậy ấy bèn thành ra các cái sắc hình, nhưng các cái sắc hình ấy nó cũng vẫn là vốn không. Coi đó thì biết rằng cái ý-nghĩ cản-bậy kia là tự chỗ không, chỗ không đã hiện ra cái ý-nghĩ cản-bậy rồi thì cái ý-nghĩ cản-bậy ấy nó mới sinh ra các cái hình sắc nọ.

Trước kia vũ-trụ vốn không sinh không hóa gì, sau nó mới trái cái lệ đó mà thành ra có hóa có sinh mãi mãi. Giá nó cứ không có sinh hóa thì nó cũng chẳng làm gì có hóa có sinh, nhưng chỉ vì nó có hóa sinh rồi cho nên nó mới thành ra có sinh có hóa.

由空起妄，妄成色，色自真空。是妄從空，空現妄，妄生衆色。既背無生無化，永爲有化有生。無生化，則無化無生。有化生故有生有化。»

Đây là nhà vua tuy suy-diễn thêm cái nghĩa «*sắc không*» ra, nhưng cách suy-lý như thế cũng đã là cùng-tận. Song chỉ có câu: «*chỉ vì nó có hóa sinh rồi cho nên nó mới thành ra có sinh có hóa*» là mới mẻ và đúng với cái nghĩa thực-tại của nhà khoa-học ngày nay, còn cái ý nghĩ ở giữa chỗ không sang chỗ hình-sắc ma nhà vua cho là cái «ý-nghĩ cản-bậy» thì cũng là thành-kiến của nhà tôn-giáo mà thôi.

Diễn lại cái quan-niệm cho nhất-thiết là không-hư, chỉ có đoạn này là đặc-sắc. Còn xuống dưới những lời nhà vua cho cõi đời đáng thương, người đời là cái thân ô-uế, để khuyến-khích người đời biết quí cái thân tinh-thần tức gọi là pháp-thân, thì cũng là những lời-lẽ cũ-kỹ cả.

4° *Nghĩa hiện-thực.* — Nhà vua luận về cái nghĩa nguyên-lý thì rất không-hư, như trên kia đã dẫn, mà luận về cái nghĩa thường-lý thì lại rất là hiện-thực như câu sau này. Tuy câu sau này chưa phải là thuyết riêng một nhà, nhưng cũng đủ biểu-lộ một cái quan-niệm khoáng-đạt. Nhà vua nói ở bài *Bạt-hậu* có câu:

«Khi nói khi lặng, khi động khi tĩnh, đều là phép Phật. Khi ăn khi uống, khi ngủ khi thức, đều là phép Phật. Khi đi đái đi ỉa, đều là phép Phật.»

Nghĩa chữ *Phật* ở đây tức là chỉ về ông trời, chúa tạo-hóa hay là lẽ tự-nhiên của vũ-trụ. Người ta với vũ-trụ đều do ở một cái lẽ tự-nhiên tổng-quát nó tạo-thành ra, hay là tôn thì gọi là đấng tạo-hóa gây dựng lên. Thế cho nên hết thảy bao nhiêu những sự sinh-hoạt của đời người phải làm để nuôi sống, cùng bao nhiêu những sự biến đổi của vũ-trụ thường vận-hành, đều không phải tự người ta không phải tự

vũ-trụ, mà ở một cái lẽ trên ấy cả. Những sự-trạng đó nó tổ-chức đều có duyên-cớ can-liên bí-mật, đều có cái tinh-lý bay-ho cả. Nó lại đều bình-đẳng như nhau cả. Vậy nhà khoa-học có thể xét ở đó mà hiểu được chỗ cơ-xảo của lẽ tự-nhiên, nhà tôn-giáo có thể xét ở đó mà tỏ được chỗ thiêng-liêng của đấng tạo-hóa. Chứ người ta không được phép lúc nào cũng nói đi ỉa đi đái là việc hèn, mà múa-mang hát xướng mới là việc quí được. Những việc đó đều cần-thiết cho sự sống mà do phép-tắc nhiệm-mầu khiến nên cả.

Đã biết từ mọi sự sinh-hoạt hằng ngày của đời người, cho đến mọi sự biến-đổi có thường có bất-thường của vũ-trụ, đều là phép Phật cả. Thế thì đối với mọi sự sinh-hoạt của chúng-sinh, mọi sự biến-đổi của vũ-trụ, cái gì là lợi-lạc cho chúng-sinh, cái gì là khổ-não cho chúng-sinh, kẻ môn-đồ Phật đều phải ra tay thi-phục cứu-nạn cho họ cả thì mới là hiểu biết phép Phật. Chứ Phật có coi việc gì là qui, việc gì là hèn đâu.

5° *Văn-chương.* — Sách *Khóa-hư*, quyển dưới có sáu bài sám-hối về sáu giờ trong một ngày đêm, mỗi giờ sám-hối về một thứ tội bởi một cái căn trong sáu cái là : Nhỡn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và ý. Những nghĩ-văn và những lối sám-hối để ăn-năn tội, đều thuộc riêng về của kẻ tu-hành, không quan-hệ gì cho sự học-vấn biện-thế, nên đây tôi không bình-luận đến, mà chỉ trích dịch lấy sáu đoạn văn đẹp trong sáu chỗ khải bạch về sáu giờ, vừa mượn để phản-xạ cho sự cảnh-tỉnh tâm-thân, vừa để cho biết mùi văn-chương tả-cảnh của Trần Thái-tôn mà thôi. Đây dịch ra lối liên-cú tự-do.

a) Về giờ dần. — Tiếng gà mới giục, bóng thỏ đã mờ. Áng khói mây vừa ràng-rạng chốn non sông, tiếng xe ngựa đâu đã rộn-ràng ngoài đường phố. Khúc dịch trên lầu vừa dứt tiếng, chén hoa trước cửa khách đã la-đà. Mây liễu kia ra chiều bớn-hở, thướt-tha dưới bóng chiêu-dương ; mặt hoa nọ dường có ý thẹn-thò, e-ấp mấy giọt sương buổi sáng. Đó là lúc quang-âm đã lỏ rạng, ta luống thương những kẻ mơ-màng. Thâu đêm những mê-muội trong giấc mộng liên-miên, nay thức dậy thì lòng lại càng thêm bối-rối.

b Về ban trưa. — Gà đâu báo ngọ, ác đã đứng đầu. Giữa vườn nắng dãi màu hoa cùng mầu ngọc-nhuận rập-rờn. Ngoài bãi gió đưa, sắc liễu với sắc kim-quang nhóng-nhánh. Lò nghê khói tỏa, giữa trời vầng tuệ-nhật rỡ-ràng ; gối phượng giấc nồng, trên gác giọt đồng-hồ thánh-thót. Đương lúc đó, về mùa hạ thì vàng sôi đá chảy, về mùa đông thì tuyết tâu băng tiêu. Dương-đức đã thịnh-hành thì âm-khí phải tiêu diệt. Người ta đối với thời-gian ấy, cảm với cảnh-tượng ấy, tất phải giữ tính trời của mình kia tự-nhiên phải sáng-láng, mà tâm-địa của mình nọ tự-nhiên phải sạch trong. Phàm tư-tưởng hành-vi lúc ấy cái gì cũng đều quang-minh mà không có chút chi âm-muội...

c) Về hoàng-hôn. — Bóng khuất đầu nghềnh, mây phong đỉnh núi. Hiệu còi gọi nguyệt, lanh-lảnh đầu thành ; tiếng chày nện sương, thình thình bên trại. Gà đà xao-xác trên chuồng, lửa chửa lập-lòe ngoài đồng. Khách đi đường tất-tả mau chân, thuyền về bến vội-vàng bẻ lái. Đương lúc ấy ta thương những kẻ hồn-mê, đi vào đường tối. Sáng rõ-ràng họ còn chửa biết đi đâu, nữa lúc nhá-nhem này thì họ sẽ quên cả không biết đâu là nhà cửa...

d) Về chập tối. — Chốn bụi hồng, ngựa hồng im tiếng bét ; nơi nước bạc, cá bạc xếp vây. Trong gác phượng-hoàng, khách ham rượu miệt-mài tiệc yến ; trên lầu anh-vũ, người mê hoa say đắm cuộc vui. Nào kẻ cười trăng

cọt giỏ, nào kẻ đàn ngọt hát hay. Ai ai đều chỉ hát cái thú hôm-nay, nào xá nghĩ đến cái lo ngày khác.

e) Về nửa đêm. — Cây đèn bạc, lửa tàn dầu cạn; cõi bụi hồng, người vắng tiếng im. Cõi ngoài quang muôn dặm gió mây, giữa trời treo một vầng trăng bạc. Trông vào rừng trúc, lấp-lánh như vàng; ngó tới vườn hoa, long-lanh tựa ngọc. Tiếng nhạn lẻ oán than nơi trường huệ, khúc vượn sầu văng-vẳng chốn chùa thông. Sao vân-hà xê-xế ngang trời, hồn quỉ khốc âm-thầm nơi nội vắng. Giọng quyên thêm khắc-khoải, giấc bướm càng mơ màng. Người ta lúc đó có khác nào chiếc thân côi-cút trọ ở giữa rừng, mà hồn mộng thì lang-thang ngoài nghìn dặm. Cam chịu cho con ma ngủ nó ám-ảnh suốt ngày mà không biết đến thần-trí vẫn sáng-láng ở trong như ngọn đuốc, hay sao?..

f) Về gần sáng. — Gương bạc ngậm vành núi biếc, vầng hồng chưa ló biển xanh. Tiếng trùng nọ càng râm-ran nơi thành cổ, móng ngựa ai đà lộc-cộc chốn thành vua. Đầu thành cuồn-cuộn mây bay, ngoài cõi mơ-màng sương phủ. Đó là lúc khách tu tiên hành-đạo, đó là khi người tu Phật cầu kinh, tuy các nhà chưa mở cửa mà công-phu học-vấn của ta thâu đêm đã hoàn-thành. Rồi đây đường đời man-mác, nhân-nhân chúng-sinh, tuy giật mình thức dậy bàng-hoàng mà việc lớn chung-thân thế nào, nào ai đã rõ...

Kết-luận

Xem như trên ấy thì chỗ tinh-thần học-vấn của Trần Thái-tôn trong sách *Khóa-hư* là ở hai nghĩa. Nghĩa điều-hòa và nghĩa thường-nhiên. Nghĩa điều-hòa thì phân bẩm chức-quyền, tương-trợ mà không tương-hại. Thế là điều-hòa một cách phân-xử, chứ không phải là hỗn-hợp làm như lối ăn hầu-lốn: bất-luận rượu thịt chè giấm đồ lộn-xộn cả vào một bát, thì dung nhau làm sao được. Còn nghĩa thường-nhiên thì để tỉnh-thức cho chúng-nhân biết trong cái nghĩa vô-thường còn có cái nghĩa thường-nhiên, mà khỏi mê-hoặc ở cái nghĩa kích-luận, với sinh ra bi-quan bết thảy cả cõi hiện-tại, mà chẳng ích gì cho ai, cũng chẳng ích gì cho mình. Coi đó thì biết nhà vua tin Phật mà vẫn tỉnh, học Phật để mà đạt-quan, để mà tu-dưỡng, chứ không bị Phật làm cho ra mê ra điên như những kẻ phàm-phu khác. Đối với cõi hiện-thực thì nhà vua cùng họ Khổng cùng bàn-bạc về đạo tu-tề trị-bình; mà đối với cõi siêu-việt thì nhà vua cùng họ Thích cùng tiêu-dao ở cõi từ-bi phả-độ. Một cái tư-tưởng bao-la như thế mà lại ở vào một vị đế-vương thì lại càng lợi-ích cho hiện-thế.

Viết đến đây tôi càng tin rằng đời thịnh hay là suy là toàn do ở học-thuật tư-tưởng. Nhưng học-thuật tư-tưởng mà bị một chủ-nghĩa nào chuyên-chế cả các phương-diện thì chính cũng lại là một cái hại. Là bởi vì Phật-giáo mà không có Nho-giáo khiên-chế thì chủ-nghĩa xuất-thế thành ra chủ-nghĩa yếm-thế mà đời bị thoái-hóa cho đến diệt-vong. Nho-giáo mà không có Phật-giáo ảnh-hưởng thì chủ-nghĩa hiện-thế thành ra chủ-nghĩa su-thế mà đời chuộng bảo-thủ cho đến hủ-bại. Ấy thế cho nên Việt-Nam sở-dĩ ở về thời-đại Lý, Trần, lòng người tiến-thủ, thế nước hưng-thịnh, là người ta biết điều-hòa phân-phối được cả hai cái tinh-thần của hai cái giáo Nho với Phật. Thế mà ở về cận-đại, lòng người thoái-súc, thế nước suy yếu tự trong, là vì một mình Nho-giáo chuyên-chế cả trên cái tư-tưởng, phương-chi Nho-giáo lại chỉ là cái xác mà cái hồn thì lại là khoa-cử, thì còn gì mà không hỏng.

Sau này phụ lục và dịch một bài thơ của Trần Thái-tôn. Trần Thái-tôn có một quyển thi-tập, truyền rằng hay lắm. Nhưng nay tập thơ ấy mất rồi, chỉ còn chép lại được có một bài tặng nhà sư chùa Thanh-phong-am như sau này :

風打松聞月照庭
Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình,
心與風景共悠清
Tâm dữ phong cảnh cộng thê thanh :
个中滋味無人識
Cá trung tư vị vô nhân thức,
當與山僧樂到明
Đương dữ sơn tăng lạc đáo minh.

Dịch :

Gió đập cành thông nguyệt sáng trưng.
Cảnh chùa đêm ấy thú bao chừng ;
Thức chơi suốt sáng sư cùng tớ,
Chỉ có hai ta biết thú chăng.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

HOÀI-CẢM

(TẬP HỒI-ỨC-LỤC CỦA ĐÔNG-HỒ)

Lời nói đầu

« ... Tôi vẫn không có bụng viết tiểu-thuyết, vì sao mà có tập văn này ? Nhân một hôm Lan hỏi tôi có tiểu-thuyết gì hay cho nàng xem. Tôi nói đùa rằng : Trong cuộc đời ta đã tự có « tiểu-thuyết » hay rồi, còn phải tìm đâu. Rồi từ đó, nàng cứ đòi tôi chép lại cho nàng xem những cảnh-tình trong cuộc đời tôi với nàng. Một là chiều ý cho nàng vui lòng, tôi bao giờ đối với nàng cũng vẫn thế ; hai là cũng nghĩ : cuộc đời ở giữa khoảng trời đất bao-la vũ-trụ vô-cùng, tấm thân bọt bể bóng chiều, tan chớp trong nháy mắt, thì những cảm-tình sức-động, cảnh-ngộ trải qua, dầu vui, dầu buồn, dầu hay dầu dở, cũng đều nên ghi chép lại, để trong cõi « không » còn lại một chút « có ». Vì thế mà có tập Nhật-ký này.

Khi chép chỉ cần biên lấy chuyện, ghi lấy cảnh có khi sau trước gián-đoạn nhiều ít bất-thường, đều có là chuyện có thực xảy ra như thế cả, chứ không tô-vẽ cho sán-lạn, mở buộc cho gẩy-gọn theo thể-tài văn tiểu-thuyết, bạn có người đọc đến, chê là lụng, ký-giả xin vâng vì ký-giả đã nói là không định viết tiểu-thuyết. Lại bạn có người quá nghiêm bẻ rằng : chuyện ái-tình vơ-vẩn hoài-cảm mơ-màng đã có ích gì cho đời mà ghi-chép lại, thì ký-giả cũng xin thưa rằng : « Ký-giả vẫn không định viết tiểu-thuyết hay làm sách đạo-đức cho đời xem... » Đoạn trên đó là tôi mượn trong bài tự-ngôn của tập Nhật-ký anh Xuân-giang. Tôi không quen anh Xuân-giang nhưng tập Nhật-ký của anh tôi có được xem, nhan là « Mảnh văn tàn ». Tập « Hoài-cảm » của tôi có cùng một tính-cách với tập « Mảnh văn tàn » không mà tôi lại mượn lời tự-ngôn nọ để làm lời nói đầu cho tập văn hồi-ức này. Dẫu không phải cùng một loài văn Nhật-ký nữa cũng là một lối văn ghi chép những mối hoài-cảm, những cảnh nên thơ đã trải qua trong cuộc đời người. Duy văn nhật-ký là ghi chép ngay sau khi việc xảy ra, mà văn hồi-ức là việc xảy ra đã lâu, trải qua một thời-gian bát-ngát mơ-màng, rồi sau này nhớ lại mà ghi chép, như đi cóp nhặt những mảnh tinh-

cảnh vụn-vặt trong mẩu đời dĩ-vãng. Văn nhật-ký hay văn hồi-ức cũng đều có một tính-cách là để lưu lại trong khoảng « nhân-sinh thiên-địa gian chi nhất nghịch lữ », trong khoảng hư-vô mộng-ảo này một cái dấu vết của sự thoảng qua, và để kéo dài ra những cái vang cái bóng ngân-ngủi mơ-màng mà lòng mình đã quyến-luyến cảm-thương muốn giữ lại ở với mình nhưng nó đã đeo theo cánh thời-gian mà bay vụt mất. Nếu không thế thì bao nhiêu những cảnh bày ra, bao nhiêu những sự xảy ra, cho đến những tiếng đập của quả tim, những mối lay động của giây tình-cảm đối với cảnh kia sự nọ mà phát-sinh ra, cho đến người chịu đựng trong cảnh kia sự nọ nữa cũng đều thấp-thoáng như bóng quang-âm, phất-phơ như sương buổi sáng, chợt còn, chợt mất, phút có, phút không như cái bóng lâu-đài hiện trên mặt biển, hiện rồi tan. Nay mắt mình đã thấy, tai mình đã nghe, lòng mình đã cảm, mà không ghi chép lấy thời hết thảy bao nhiêu sự-vật đều là phù-sinh bào-ảnh, hư-không cả, cả đến thân mình rồi cũng đến chốn hư-không mà tan đi như giấc mộng, giấc mộng mà khi mở mắt bàn-hoàn muốn tìm nhớ lại những cảnh thú trong lúc chiêm-bao không thể được, có nhớ được nữa, cũng chỉ là nhớ một cách mơ-màng không chắc-chắn, không có đuôi đầu mành mối, một ngày qua, hai ngày qua rồi dần-dần những cảnh thú mờ nhòa trong tâm-trí, rồi quên bẵng đi lúc nào không biết.

Lời thơ tây nói : « Nên yêu mến cái gì không trông thấy hai lần ». Biết cõi thế là cõi không, cuộc đời là giấc mộng thì sao khỏi đem lòng lưu-luyến mến-yêu ; mến-yêu mà mến-yêu những cái không trông thấy lại hai lần thì trong sự mến-yêu ấy tất-nhiên là có cái lòng âu-yếm nồng-nàn như muốn vồ lấy, bắt lấy, bồng-ẵm lấy vào mình, lại tất-nhiên là có cái ý xót-xa thương-tiếc, đau đớn ngậm-ngùi. Có lòng âu-yếm nồng-nàn là biết trước rằng cái mình yêu-mến đó không để cho mình được mến-yêu mãi mãi, mà mình chỉ được mến-yêu trong chốc-lát mà thôi, âu-yếm nồng-nàn, vội-vàng lật-đật là vì tiếc cái thì-giờ được cùng với cái yêu-mến ấy gặp gỡ chẳng bao lâu, lại xót-xa thương-tiếc, đau-đớn ngậm-ngùi là biết trước rằng cái mình yêu-mến đó sắn bỏ mình mà đi dần vào cõi chết. Đã đối với cái chết thì lòng nào mà chẳng đau-đớn ngậm-ngùi ; mà bao những cảnh quanh mình trước mắt ta, hằng ngày kia, há chẳng phải là những cảnh chết và những cảnh sắp đi vào cõi chết cả đấy hay sao ? Chiếc lá rụng, cánh hoa tàn, tan-tác khóm mây bay, nao-nao dòng nước cuốn, mặt trời lặn, bóng trăng tà, tiếng con chim réo-rắt não-nùng gọi tiếc buổi xuân qua, kêu sợ ngày thu lạnh, nỗi thương nhớ phôi-pha, mối cảm-tình phai-nhạt hết thảy đều là cảnh chết và cảnh sắp bước vào cõi chết cả, đối với người đa-cảm khách đa-sầu, cũng thấy thảm-thê đau-đớn não-nuột bi-thu như đối với cái chết hiển-nhiên trước mắt ghê sợ hãi-hùng như cái cảnh người hấp-hối vật-vã quằn-quại trong lần tử-khí để từ-giã cõi « có » bước vào cõi « không » mà rơi xuống chốn vực sâu vô-đề lạnh-lẽo tối-tăm. Cảnh-sắc dầu đậm-đà tốt-đẹp thế nào, cảm-tình ân-ái dầu nồng-nàn đằm-thắm thế nào rồi cũng đều một giây một phút, một giờ một ngày tiền-định nào đó mà biến đi, mà lướt qua, mà tan mất như cái hòn đá ném xuống mặt nước đánh tõm một cái rồi chìm lỉm, để lại trên mặt nước những vòng nhỏ mà ngắn to, những vòng ấy càng vùng rộng ra thì ngắn sẽ nhỏ đi, dần dần xóa-nhòa, tan mất, mặt nước lại âm-thầm lặng-lẽ, không còn sót lại một chút tăm-tích gì. Cảnh-ngộ thân-thế cảm-giác ái-tình của mình tất rồi cũng đến cái giờ phút ấy ; mình vẫn nơm-nớp đợi, không biết nó đến vào lúc nào, mà cái kỳ-hạn nó đến hẳn là không lâu, nay muốn cho cái kỳ-hạn ấy được lâu-dài ra một chút thời những người yêu, cảnh đẹp,

những tiếng động, bóng vang, thoáng lướt qua trên con đường mình đi, nên có gì chép lại, đó vì như tiếng ca hát nghêu-ngao để vui chân trong lúc đi đường, để khi mình đi qua rồi, người đi sau, trên con đường ấy, tuy là không thấy bóng người đi trước, mà trong khoảng rừng núi gió mây còn nghe văng-vẳng cái dư vận, dư-âm du-dương bất-tuyệt...

Vì có cái cảm nghĩ tự như trên mà tôi viết tập hồi-ức « Hoài-cảm » này. Hoặc-giả bạn xem văn có người bảo đó toàn là chuyện riêng mình đã có ích gì cho đời và đã có hay gì cho kẻ khác thì tôi xin mượn câu nói của P. Loti *văn-sĩ Pháp để trả lời hộ tôi. « Tôi bình-sinh có làm sách bao giờ đâu ; chỉ khi nào trong bụng tôi băn-khoăn về một sự gì, trong lòng tôi đau-đớn vì một điều gì, tôi mới cầm bút viết mà thôi, cho nên trong sách của tôi chỉ nói chuyện tôi nhiều... »*

Vì là văn hồi-ức, lại viết rồi thì cho đăng báo ngay, nên những bài viết đây không xếp kịp cái trật-tự trên dưới để ghi cái thời-buổi trước sau, đây chỉ nhớ lại chuyện nào thì biên chép lấy chuyện ấy ngay, có khi chuyện xưa thì còn nhớ mà chuyện mới thì đã quên thì cũng đành như thế ; toàn là những bài mới viết cả. Thỉnh-thoảng cũng có bài viết đã lâu là những bài viết ngay sau khi việc vừa xảy ra, cảnh vừa trải qua, đó thuộc về văn ký-sự, lại cũng có bài trích trong tập sổ tay biên chép hằng ngày, ngày nào việc ấy, đó thì thuộc về văn nhật-ký. Khi đọc thì chỉ xem từng bài một độc-lập mà thôi. Việc xếp đặt cho có trật-tự phân-minh, là việc sau này ; hoặc tác-giả tự làm, hoặc người sau tác-giả sẽ vì tác-giả mà làm giúp cũng không biết đâu được.

Ngày gió nam, năm quí-dậu (6-8-1933)

Tác-giả *chí*

*
* *

1. — Lòng ngây thơ

Trường học đã hết kỳ nghỉ hè, mới mở dạy được vài ngày. Buổi học hôm chiều thứ ba 18 tháng 9 năm 1928, ngọn gió nồm-nam thoảng-thoảng lộng qua các cửa lớp có cái khí-vị mát-mẻ êm-đềm. Bấy giờ bài tập đọc vừa giảng xong, tôi ngồi trên trông xuống các học-trò có lắm cảm-tình hi-vọng, trong lòng khi vui, khi buồn lên xuống, không biết tôi nghĩ thế nào mà bỗng hỏi một câu rất là vô-vị, không có cái vô-vị nào bằng.

« Các em có muốn cho thầy đem con roi vào lớp học không, ai muốn thì đưa tay trước, rồi ai không muốn thì đưa tay sau ». Trong lớp có 26 người, có hai học trò gái là thuộc về hạng học-sinh đặc-biệt, vì trường tôi dạy là trường con trai. Phần muốn cho đem roi chỉ có 9 người, còn thì không muốn hết cả. Tôi trông thấy mà bật cười. Nghĩ những đứa không muốn ấy là bởi tính tự-nhiên ngây thơ của con trẻ, còn những đứa muốn ấy là có bụng giả-dối. Chắc họ cũng nghĩ : « Nếu thầy muốn đem cái vật ác-nghiệt kia vào thì dẫu chúng mình không muốn cũng không được, chi bằng mạnh-mẽ tự-nguyện muốn, để cho thầy khen là vì mình siêng học nên mới dám bạo-dạn như thế ». Tôi cười nói : « Bây giờ phần không muốn nhiều hơn phần muốn thì thầy cũng chiều theo lòng phần nhiều ấy mà không đem roi vào đâu, nhưng các em cũng đừng lấy thế mà lười-biếng ham chơi, phải cố mà làm việc cho ngoan. Các em học-hành cho siêng năng

đứa nào đứa nấy ngoan-ngoãn thầy yêu thương thì thầy có đem roi vào làm gì ». Tôi nói rồi, ai nấy lấy tay xuống. Ngảnh lại bên góc bên thấy con bé Thanh-San ngón tay nhỏ-nhắn mà xinh-xinh đưa lên có cái dáng-điệu ngây thơ tỏ lòng không muốn cho thầy đem cái vật đau-đớn ác-nghiệt ấy vào lớp hãy còn chưa lấy xuống, nét mặt ngơ-ngẩn chìm trong chòm tóc nhanh-nhánh đen, vừa chấm trán, nét mặt như đang suy-nghĩ về một chuyện gì lắm. Tôi gọi thì ngẩng lên rồi bỗng cúi mặt xuống khóc mướt ; giọt lệ long-lanh lăn trên đôi cái má phún-phính nũn-nịu.

Tôi lấy làm lạ gọi lên đứng bên cạnh, tôi thỉnh-thoảng hỏi vì sợ con bé khiếp mà khóc. Nghe tôi hỏi thì ngập-ngừng thưa :

— « Em nhớ em em... »

— Em em, gái hay trai, mấy tuổi, có học đâu không ?

— Em gái em 8 tuổi, học ở trường Mỹ.

— Hôm em theo chị em lại Hà-tiên học đến nay, em có nhớ nhà và đã khóc lần nào chưa ?

-- Thưa, em có nhớ mà em chưa khóc.

— Sao bây giờ nghe thầy hỏi chuyện « đem roi » mà em khóc ?

— Thưa, em sợ em em bị đòn. Em khóc vì em không biết em em ở Mỹ đi học có gặp được thầy giáo hiền-lành như thầy ở đây hay không.

Con bé nói rồi nức-nở khóc. Tôi yêu con bé quá, cầm tay một cách âu-yếm bảo : « Thôi em đừng khóc nữa, thầy giáo của em em học ở Mỹ hiền-lành lắm, hiền-lành hơn thầy nữa, thôi em đừng khóc. » Tôi xoa đầu con bé, rồi cho về chỗ ngồi. Chiều hôm ấy tôi vơ-vẩn suy-nghĩ mãi được lắm lẽ hay thuộc về mối cảm-giác tự-nhiên trong lòng người ta.

Tháng 9, năm 1928

2. — Cảnh mai trên bãi biển

Cảnh mai nghiêng-ngả bên đồi,
Cảnh mai ấy của thợ trời điểm-trang.
Cảnh mai trước gió dịu-dàng,
Cảnh mai dưới tuyết đoan-trang tinh-thần.
Vườn trời tỏ mặt đông quân,
Hương trời thoang-thoảng non thần cung tiên.

. . .

... Bây giờ vào khoảng xế một ngày mùa đông. Khí lạnh sớm mai đã thấy dần dần tan mà nắng nóng chiếu xuống mặt biển, hơi nước bốc lên cũng thấy dần-dần ấm, cái khoảng giữa lúc lạnh và tan, ấm mới đến ấy có cái khí-vị nhẹ nhàng tươi-tỉnh, đầm-ấm vui-vầy. Gió bấc đang thổi mạnh, bỗng dịu-dịu dần thì nghe thấy tiếng lá cây trên mặt gành rào-rào khua động như khúc dàn báo hiệu cho biết sắp có trận nồm-nam, trong lòng bất-giác thấy vui-sướng tỉnh-tao như chứa-chan tình-tứ. Hôm ấy là ngày 25 tháng 11, năm bính-dần (29-12-1926) ở bên một gành đá trên bãi biển trong vùng thắng-cảnh đất Phương-thành mà tôi được thưởng-giám bức tranh một cành mai tuyệt xinh vẽ bên bức cảnh nước biếc trời xanh tuyệt đẹp. Cành hoa ấy là cành hoa trong vườn cảnh « thâm-nghiêm kín cổng » đã trải qua tay người chăm-nom bón tưới, nắng chở mưa che, đẹp thì tuy có đẹp thực, nhưng đã kém mất vẻ kiều-diễm đậm-đà thiên-nhiên thanh-thú. Nay cành hoa ấy mà đem cho góp vai kết bạn với những dã-thảo nhàn-hoa trong chốn vườn trời, lộ-thiên khoáng-đãng kia thì càng thấy bội-phần sinh-sắc.

Một vùng trời nước, bát-ngát minh mông, chỉ loáng-thoáng vài bốn cái đảo-dữ khởi phục dàng chơn trời xa tít là điểm-nhiễm lấy cái chân-tướng.

Tiếng người êm lặng cả, chỉ nghe hơi gió cuốn mặt gành dìu-dặt và tiếng sóng đánh vào bực đá dào-dạt dịp-dàng, tấu lên như khúc âm-nhạc quân-thiên... Cành mai nghiên-ngả bên đồi... Mỗi lần nước biển bò tràn lên bãi cát làm ướt ngập cả gốc hoa như đem tầm tưới cho cành mai kia thêm màu tú-nhuận; mỗi lần sóng biển đánh tạt vào bực đá làm bọt nước bắn tóe, bám lên cánh hoa như những giọt tuyết đem tô-điểm cho đóa mai kia thêm vẻ tinh-thần... Gió nồm thoang-thoảng lúc nhặt lúc khoan, ngấn nước chập-chờn, khi lên khi xuống, vẻ dìu-hiu mà mau-mắc biết chừng nào, như hát, như ru, như ca, như tụng, cành mai thì nét rầu-rầu như người thiu-thiu ngủ, hình như đã đem cái hồn hoa mà sáp-nhập với hồn non nước, bàng-bạc du-dương trong cảnh êm-đềm lặng-lẽ, đương cái giờ thần-tiên say-sưa ân-ái ấy... Trời tây bảng-lảng, bóng vàng tha-thước dọi xuống mặt biển, gợn lăn sóng lăn-tăn, ánh phản-chiếu vào gành đá thì cái vẻ tuyết-mai trong ngọc trắng ngà kia lại lóng-lánh điểm-nhiễm thêm cái ánh hồng-hồng trong áng tà-huy nhân-nhạt, bày ra một cái vẻ đẹp tuyệt-trần...

Tôi, bấy giờ, tựa bên cành mai hữu-tình ấy mà lặng ngắm cái cảnh nên thơ của Tạo-hóa kia, trong lòng bỗng thấy sinh ra một thứ cảm-giác nhẹ-nhàng vui-vẻ bát-ngát mơ-màng tưởng như đã đặt mình vào một chốn non thần cung tiên nào, dương thưởng hứng cái hương-vị đằm-thắm thơm-tho của các dị-thảo kỳ-hoa mà dưới trần này không tìm đâu cho có được...

Tháng 12 năm 1926

3. — Cuộc hào-ngâm

Hôm mồng 10 tháng 8, kỷ-niệm ngày giỗ cụ Tiên-điền

Chiếc thân bất-tài đa-bệnh, đối với cuộc đời tấm lòng đã chán ở cơ tồn-vong hưng-phế, con mắt đã mỏi cho màu tiêu-trưởng doanh-hư. Duy đối với văn-chương thì huệ lan sực nức, duyên hãn-mặc còn nồng, đối với giang-hồ thì giao-tất dễ-huề, tình gió mây đang đậm, mà hào-hoa khí-cốt, phong-ngyệt tình-hoài, lòng vẫn chưa chán, mắt vẫn chưa mỏi được.

Sáng sớm hôm mồng 10 tháng 8 năm mậu-thìn, đang đứng đối với dám mưa thu lún-phún mà ngâm câu thơ Đường chữa đi một chữ: « *Trúc-thành chiêu vũ ấp khinh trần...* », chưa kịp ngâm câu nữa thì chợt đã có các bạn lại gọi đi chơi bãi biển Lộc-trĩ. Xem ra thì là bác Quang-Đầu, bác Trọng-Toàn, bác Bạch-Như, và bác Tử-An đều là bạn thân, hỏi ra thì đã liệu-lý đủ cả giấy bút thơ rượu các vật đều là chu-tất, thực là cuộc chơi liệu những từ nhà liệu đi. Bèn nhận lời và nói rằng: « Người ta nhân buổi trời quang mây tạnh mà đi chơi thì cũng hào mà cũng chưa hào, các bác mạo phong vũ mà đi chơi thì mới thật hào đó thay. » Tự khắc khởi hành.

Đây là chỉ ghi qua cái thời-tiết cuộc hào-ngâm cho nên những phong-quang tình-cảnh lúc đi chơi bất-tất phải kể. Lại cái cảnh « sơn hề thương-thương, thủy hề ương-ương » ở đất Phương-thành này phải bao nhiêu văn mới tả hết vẻ đẹp, và cái cảnh « vân hề mang-mang, vũ hề lương-lương » của tiết thu-thiên này cũng phải bao nhiêu văn mới tả hết vẻ buồn.

Cảnh bãi Lộc-trĩ: sau, là một dải đồn lục-trúc cần cộc, lá bay hiu-hắt; dọc, là một dặng cây nam-mai phấp-phới, hoa rụng tơi bời; trước, là trời biển một màu mênh-mông bát-ngát; gió vùn-vụt cuốn, mưa lún-phún bay... Đối cảnh mà vô cùng cảm-khái, bỗng cất tiếng ngâm: « *Ngọn triều non bạc trùng-trùng, vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo...* »

Bác Trọng-Toàn nói: Hôm nay chính là ngày giỗ cụ Tiên-điền Nguyễn tiên-

sinh ta mà bác ngâm câu ấy ở giữa cảnh này thì hợp lắm.

Bác Quang-Đẩu nói : Chúng ta đã tự-phụ là con nhà thơ cả mà đối với một bậc thi-sĩ thiên-tài như cụ Tiên-điền, đến ngày giỗ cụ, không làm được cái lễ kỷ-niệm cũng chẳng là không đáng quá. Bác Bạch-Như nói : Cái ngày lễ kỷ-niệm cụ Tiên-điền ấy chúng mình không phải là không có nghĩ đến, nhưng vì cái hoàn-cảnh của chúng ta không được ấm-áp lắm mà không làm được. Nhưng mà thôi, không thể làm lễ kỷ-niệm cụ ở một chỗ thi-xã tao-đàn nào thì nay hẳng làm lễ ngay ở chốn này, giữa chốn trời cao biển rộng này mà làm một cái tao-đàn thiên-nhiên, khang-trang quảng-đại là chừng nào, để kỷ-niệm ngày giỗ cụ thì cũng chẳng hay lắm ru ? Ai nấy đều tán-thành và đồng-thanh hỏi : bây giờ mới định cách hành-lễ như thế nào. Bác Tử-An với hái mấy cái bông hoa Nam-mai (nhất-danh là bông Mù-u) đứng tung ra mặt nước mà nói : Ấy chúng ta làm lễ cụ Tiên-điền như thế ấy. Bác Quang-Đẩu vội hỏi : Như thế là nghĩa làm sao ? Bác Tử-An đáp : Cảnh-ngộ cụ Tiên-Điền tức là khúc « đoạn-trường », Tố-Như quốc-sĩ tức là Thúy-Kiều giai-nhân, khúc đoạn-trường kết-liễu ở sông Tiền-đường, « này thôi hết kiếp đoạn-trường là đây ». Thì cảnh sông Tiền-đường tức là kết cuộc cái lịch-sử của Tố-Như quốc-sĩ. « *Một thiên tuyệt bút gọi là để sau* ». Nay chúng ta hãy mượn cảnh biển Lộc-trĩ này bày lại cái cảnh sông Tiền-đường thuở nọ mà sở-đồng-chiêm sở-đồng-cảm để tưởng nhớ đến cái công-nghiệp của một bậc thiên-tài hãn-hữu đã đem cái tiếng nói tốt đẹp văn-vẻ, thần-thánh thiêng-liêng của nòi giống mà chung-đúc lại cho ta một áng văn-chương tuyệt-tác nọ. Kìa trông xem cái cảnh hoa mai đang trôi man-mác tơi bời bên làn sóng nọ, há không phải là cái thân phận phiêu-linh lưu-lạc của khách hồng-nhan bạc-mệnh ở trong cõi giang-hồ đó ru ! Ai có đứng trước cảnh này mới biết Tố-Như tiên-sinh là khéo tả. Ai nấy đồng-thanh khen phải. Bác Trọng-Toàn nói : Nay cảnh đã bày như thế, còn phải làm bài thơ bài văn kỷ-niệm nữa. Có thơ có văn ngâm đọc lên, trước là để ghi lấy ngày kỷ-niệm hôm nay, sau là để lạc-thành cái tao-đàn thiên-nhiên này, chúng ta hãy mệnh-danh là « Phương-Trúc tao-đàn » tức là hai chữ Phương-thành và Trúc-bằng-thành cổ-danh của tỉnh-lỵ Hà-tiên này vậy. Bác Quang-Đẩu nói : Tự nãy giờ bác Trác-Chi vẫn đứng lặng, dễ thường mà bác đang cấu-tứ làm thơ hẳn, nhưng cái phần làm bài thơ này đã về phần bác rồi, bác không thể chối được... Mưa cứ bay, gió cứ thổi, lượn sóng dào-dạt ỳ-ầm cuồn-cuộn lên bãi cát, cứ lần lượt hết lớp này đến lớp khác không ngừng, ký-giả đứng lặng trông thẳng ra mặt biển chân trời, các cánh hoa mai tung ra khi nẫy hãy còn tấp-tới, nổi chìm trong một vùng sóng nước nhấp-nhô, khói sương mù-mịt, nhật-quang tờ-mờ buông tỏa xuống các cánh hoa bày ra mầu thảm-bạch, có vẻ thê-lương lạnh lẽo khả tích khả liên. Tuy là đối với cánh hoa là cảnh hoa vô-tri, cảnh biển là cảnh biển Lộc-trĩ, nhưng chẳng khác nào đang chứng-kiến cái tấm thảm-kịch « đắm ngọc chìm hương » trong cảnh « *trời cao sông rộng một màu bao la* » ở sông Tiền-đường thuở nọ mà bất-giác ngơ-ngẩn thương-tâm. . bèn đọc thơ :

« Đoạn-trường » ngày nhớ khúc thơ thần,
Trước chốn biển trời hợp hội văn ;
Gió cuốn mơ-màng hồn quốc-sĩ,
Hoa trôi man-mác bóng giai-nhân ;
Sóng Tiền xưa vẽ tranh phiêu-lạc,
Biển Lộc rày trông cảnh tả-chân ;
Kìa trận mưa thu bay phấp-phới,
Hồng-quân như cảm chuyện hồng-quần.

Đọc xong, dư-âm dư-vận theo trận khinh-phong mà du-dương trong cõi vô-cùng, tưởng chừng như đã đưa cuốn đến chốn Hồng-sơn Lam-thủy...

Ngày hôm ấy chúng tôi vơ-vẩn ở ngoài bãi biển ngồi dưới tàn cây, mạo phong vũ mà giở cuộc liên-ngâm đối-ẩm, đến chiều xế mới ra về. Bác Bạch-Như trèo hái mấy cành mai hoa đưa cho ký-giả mà nói rằng: Tôi xin thay lời cho non nước mà đưa tặng bác chút lễ thanh-nhã này, và nhờ bác về làm cho bài ký cuộc hảo-ngâm hôm nay, ký-giả đa tạ mà vâng lời.

Sau này phụ-lục năm bài thơ: của bác Bạch-Như một bài, của bác Tử-An một bài, của ký-giả một bài, còn hai bài thì cùng nhau liên-ngâm. Thơ có câu không chải-chuốt nhưng không chữa là muốn giữ cái tự-nhiên trong lúc ứng-khẩu.

Cảnh bãi biển (Liên-ngâm)

Q.-Đ. *Cửa biển vời trông sóng trắng phau,*
T.-C. *Cây xanh bãi lục quanh hơi thu;*
B.-N. *Lòng thơ như gởi theo mây gió,*
T.-A. *Gió lạnh mây mờ tình biết bao!*

Riêng sở-cảm (Tử-an)

Biển thẳm mịt-mù sương khói sa,
Đồi cây mưa phủ vẻ tiêu-sơ;
Tình riêng một mối bao làn sóng,
Để khách ngâm thơ những thần-thờ.

Cảm-cựu (Bạch-như)

Lún-phún mưa thu chiếc lá sa,
Tình này cảnh ấy biết bao là;
Đồn tre ngày trước còn trơ dấu,
Chiến-sĩ hồn xưa khói nước mờ.

Về đường (Liên-ngâm)

T.-C. *Non thu thấp-thoáng trận mưa qua,*
B.-N. *Lác-đác rừng bên sẵn mấy nhà;*
Q.-Đ. *Ướm hỏi phải chăng đây xóm Hạnh,*
T.-A. *Hành-nhân ai đó lạnh ru mà?*

Về đường (Trác-chi)

Qua rừng xuống biển lại lên đồi,
Đem hết lòng thơ dãi đất trời;
Hứng-tận bi-lai thôi chớ ngại,
Chiều về, non nước tặng hoa mai.

Hôm nay bài ký viết xong tôi mời bạn lại duyệt, đêm ấy ở gác Nam-phong, lại bày một cuộc liên-ngâm suông nữa, thơ như sau này:

Đêm thu (Hai bài, liên-ngâm)

I

B.-N. *Khi thu tiêu-sắt bóng trăng mờ,*
T.-A. *Chó cắn nhà ai tiếng vẳng xa;*
Q.-Đ. *Gió thoảng lầu Nam đưa tiếng sáo,*
T.-C. *Khách thơ vẫy lại cuộc làm thơ.*

II

T.-A. *Trăng lọt bên lầu đêm đã khuya,*
Q.-Đ. *Sương gieo gió cúc giọt đầm-đìa;*
T.-C. *Đêm tàn khách chửa tàn thi-hứng,*
B.-N. *Lai-láng tình thơ khó dứt về.*

Tiễn khách (Trác-chi)

Tiễn khách về trăng lặn,
Trông theo dạ chẳng đành;
Gác thơ vơ-vẩn mãi,
Dư-hứng mộng tàn-canh.

12 tháng 8, mậu-thìn (1928)

LÂM TẤN-PHÁC (Hà-tiên)

(*Còn nữa*)

Một quan-niệm mới về đời người (1)

Thưa các ngài,

Tôi lạm-dự một chân trong hội văn-học là hội Trí-tri này, có cái nghĩa-vụ phải nói một đôi vấn-đề, tỏ bày ý-kiến, để cùng mọi người nghiên-cứu; vậy tôi nói tuy vụng-về mặc dầu, cũng không thể từ-chối được, vì ông Hội-trưởng hội Trí-tri là ông Ngô Vi-Liễn, với các ông trong ban trị-sự của hội rất nhiệt-tâm cổ-động về các cuộc nói chuyện này.

Các nhà diễn-giả, phần nhiều nói những chuyện cao-xa, không nói học-thuyết bên Tàu thời nói văn-học bên Tây, tôi đây thì không, tuy tôi đối với đường văn-hóa các nước, có hiểu thấu đến đâu, tôi cũng chưa muốn nói, tôi chỉ muốn nói chuyện nước Nam trước đã, vì chúng ta là người nước Nam mọi việc của nước Nam, rất quan-thiết đến ta lắm, không có thể bỏ nhãng không nói mà lại nói những chuyện đâu đâu.

Đầu đề tôi muốn nói đây, là: « Một quan-niệm mới về đời người », đời người hiện-tại và tương-lai.

Chúng ta sinh vào cái đời văn-minh, nhân-loại tiến-hóa, đã đạt tới tột bậc, mà chúng ta thì ở trong một nước cũ-rú cũ-rích này, chỉ có cái thói ỷ-lại, cái tính cầu-thả, cái tục hủ-bại, mà con mắt của mọi người cứ mập-mờ, khối óc của mọi người vẫn không biết phán-đoán, không thay cũ đổi mới được chút nào, một dân-tộc như thế, thì sao cho tiến-hóa được, nếu muốn tiến-hóa mà không đánh đổ những cái cũ-rích đó đi, thì sao được.

Câu chuyện tôi muốn nói hôm nay đây, tôi xin đứng về cái địa-vị khách-quan, nghĩa là như một người ngoại-quốc nói chuyện nước Nam, xin các ngài lượng cho như vậy.

Ông Nguyễn Trọng-Thuật là nhà soạn ra quyển *Quả dưa đỏ*, vừa diễn-thuyết ở hội Trí-tri đây tháng trước, ông có làm một bài luận-văn, tự-nhận rằng ông là người Việt-Nam, tôi hôm nay nói chuyện ở đây, lại trái hẳn với ý ông, tôi tự-nhận rằng tôi không phải là người Việt-Nam, vì tôi phải đứng về cái địa-vị khách-quan, để tiện tỏ bày những câu chuyện sau này.

Cái quan-niệm mới của tôi về đời người thế nào? Chúng ta sinh ở nước Nam, nếu đến ngày nay mà hãy còn khu-khu giữ theo cái hoàn-cảnh; một cái hoàn-cảnh: ỷ-lại, cầu-thả, hủ-bại, mấy nghìn năm về trước, ông cha ta có thế nào, thì nay cũng giữ như thế ấy, không chịu thay đổi chút nào, thì sao được, vậy nên tôi mới có cái quan-niệm mới, muốn do cái quan-niệm mới đó, để tạo ra cuộc đời người mới.

Chúng ta đã bị tạo-vật sinh ra làm con người, thì chúng ta phải nghĩ phải làm, cho đến kỳ cùng, thế nào cũng làm cho xứng-đáng cái con người, ai ai cũng nên để ý vào chỗ đó, tôi cho chỗ đó là một cái chủ-nghĩa nhân-sinh.

Chủ-nghĩa nhân-sinh nghĩa là người sinh ra ở trên đời, phải hoạt-động, phải cần-mẫn, tự-do tự-lập lấy cái thân mình, theo chỗ học-vấn kiến-thức và lực-lượng của mình làm được chừng nào thì làm chừng ấy, dựng một chút sự-nghiệp với đời, thế mới không thẹn cái tư-cách làm người đời, mà không phụ cái chỗ tạo-vật sinh ra mình.

(1) *Nói chuyện ở hội Trí-tri Hà-nội ngày 2 Octobre 1933.*

Cái quan-niệm làm con người là cái chủ-nghĩa nhân-sinh, người Việt-Nam ta cần phải phấn-chấn lên mới được, chỗ ấy là chỗ cầu tiến-hóa đó. Như mấy điều tôi đã nói ở trên : ỷ-lại, cầu-thả, hủ-bại, đều là cái xấu của người mình ; mà sở-dĩ đến nỗi như thế, đều do cái hoàn-cảnh ; cái hoàn-cảnh nó thế nào, một là do cái chế-độ gia-đình ; hai là do cái ác-tập ở hương-thôn ; ba là do cái phong-khí xấu-xa của xã-hội.

Ba cái hoàn-cảnh đó, tôi xin lần-lượt kể ra sau này :

1°) Cái chế-độ gia-đình của ta. Người các nước từ lúc còn dương thanh-niên, nghĩa là từ mười-tám tuổi trở lên, đã hiểu cái bổn-phận làm con người, đã biết lo cái đường tương-lai của đời người, tuy dầu xanh tuổi trẻ, đã lo sự tự-lập, trong khi nói chuyện, họ thường than-vãn rằng : Tôi tính thế nào bây giờ, thế nào cho cái đời người tương-lai của tôi được vẻ-vang bây giờ? Tuy họ là con nhà phú-quí mặc dầu, mà họ lo-nghĩ không bao giờ quên, vì cái chế-độ gia-đình của họ, phàm đã đứng tuổi thì phải tự-lập chớ không thể cầu-thả ỷ-lại với cha mẹ luôn được, chế-độ gia-đình của ta thì không thế, con ỷ-lại với cha mẹ, thực là vô-cùng vô-tận, hai-mươi tuổi, ba-mươi tuổi, bốn-mươi tuổi không hạn, nếu ỷ-lại với cha mẹ được, thì cứ ỷ-lại, cha mẹ cũng cho sự đó là sự thường, không có đốc-trách gì cho con biết đến tuổi tự-lập, thì phải tự-lập lấy thân, cứ để vậy đã thành thói quen, nếu mình có thể nuôi được, nuôi cả con cả cháu cả chắt cũng không cần, đó cũng là một cái chế-độ hủ, không dạy cho con biết tự-lập, nhưng cứ theo lối cũ thời lại cho là rất quí-hóa lắm.

Người làm cha mẹ thực không hiểu-thấu đến cái thiên-chức của mình đối với con là thế nào, không biết mưu tính đường thành-lập cho con, không biết đốc-trách cho con tự-lập, không biết rằng đã sinh ra đứa con nào, thì phải nuôi nó cho thành-nhân, dạy cho nó có tài-nghề trong tay, để có thể tự-lập mà vẫy-vùng với thiên-hạ. Người ta xưa nay coi sự sinh con rất là tầm-thường, nếu có thể sinh ra được hàng tá con, cũng không lo gì về sự tác-thành cho nó, nhà có tiền thì cho nó học, nhưng cũng không biết đường đốc-trách giáo-dục ra làm sao ; cái sự giáo-dưỡng rất là cầu-thả. Còn những nhà không có tiền, thì để cho nó sinh-trưởng một cách tự-nhiên, không cần có giáo-dục gì, mình nuôi được chừng nào thì nuôi, nó lớn ra một cách thế nào thì lớn, như thế thì tuy có đầu người mà không ra con người, chính như câu thơ của ông Tú Xương : « *Bồng-bế nhau lên nó ở non* ». Mà thực vậy, cái giống người ấy, thực không thích-hợp với cái cuộc sinh-tồn ở trong vũ-trụ này được.

Lại thí-dụ trong nhà có một người phú-quí hiển-đạt, thì cả gia-tộc đều ỷ-lại vào đó, tục có câu : « *Một người làm quan cả nhà ăn lộc* ». Nghĩa là cả nhà đều ỷ-lại vào một người ; kẻ được ỷ-lại thì cứ ỷ-lại mà không lo học lo hành, lo ăn lo làm, chỉ biết hưởng cái phú-quí phong-lưu mượn, cho sướng một cái đời, như giống ký-sinh-trùng vậy. Kẻ bị ỷ-lại, thì cứ hết cái sức của mình, đùm-bọc cho những người ăn bám vào mình đó, cho như là một cái thiên-chức tự-nhiên ; hóa ra một người làm nên cả nhà đều hư, mà người làm nên đó rồi cũng phải đến hư-hỏng, vì cái sức mình hữu-hạn, gánh vác hết cho một cái gia-tộc to, thời còn tài-năng lực-lượng nào mà làm nên sự nghiệp vẻ-vang gì được, cho nên những người đã hiển-đạt, cũng hóa thành một người tầm-thường vô-dụng ; không những

thế, người đã hiền-đạt đó có khi lại bị cái hoàn-cảnh bắt buộc, hóa phải làm xằng, đến nỗi hư mất thân-danh, mà người ấy đã hư rồi, những người ỷ-lại vào đó, lại cũng xô-ngã vào trong một cái cảnh-ngộ khốn-nạn cả. Điều đó là một sự rất nguy-hiểm cho dân-tộc ta, mà người mình không nghĩ đến. Ở xã-hội ta bây giờ, không thiếu gì cái tình-cảnh đó. Tôi thấy có nhiều kẻ thanh-niên, biết lo học-hành, mà tự-lập lấy cái thân, thời phải nuôi bao nhiêu em, bao nhiêu cháu của phụ-huynh mình bắt phải trông nom, không còn chút dư-lực nào để lo sự đua-đòi với đời; đó chẳng phải là một người mới ngóc đầu lên, thì vô-số người lại đè đầu xuống đấy dư, nếu mọi người đều bị như vậy, thì nòi-giống ta không bao giờ có anh-hùng hào-kiệt nẩy-nở ra được. Nói tóm lại, cái chế-độ gia-đình ta là một cái chế-độ rất hủ-bại, cần phải cải-lương đi, mà bày ra một cái chế-độ gia-đình tự-lập, cha mẹ phải hết cái nghĩa-vụ giáo-dưỡng các con cho đến thành-lập; con phải biết tự-lập sau khi đứng tuổi, không cho cầu-thả ỷ-lại, hay là sinh con ra thì bỏ bừa như trước nữa, mọi người hết cái bổn-phận thì tự-nhiên dựng lên nền luân-lý mới, nền đạo-đức mới, cho hợp với cuộc tiến-hóa của loài người.

2°) Người Việt-Nam ta, sở-dĩ không tiến-hóa, phần nhiều lại vì cái ác-tập của hương-thôn; hương-thôn của ta cũng như một cái nước con con. Mỗi hương-thôn có một tục-lệ riêng, mỗi hương-thôn có một chế-độ riêng, mà nhất là cái quan-niệm về giai-cấp, người ở trong hương-thôn ấy, chỉ biết có một hương-thôn, làm việc gì cũng cốt để tranh-dành cái vị-thứ, tranh cái thế-lực trong hương-thôn, ngoài ra không có nghĩ đến gì, cái tục chuộng phẩm-hàm, chuộng chức-tước, chứa đầy ở trong óc mọi người, những người đã hiền-đạt, làm chức-nghiệp gì thời làm, nhưng cũng phải bận áo gấm về làng, để lòe với phụ-nhụ; các người ở cái địa-vị nhỏ cũng mang tiền đi lo ông Hàn ông Bá, bác Phó, bác Cai, để chiếm cái vị-trí ở trong làng; cho cái sự ăn thủ lợn đầu gà là một việc vinh-hạnh nhất cho đời người, nên tục có câu: « *Một miếng thịt làng, bằng sàng thịt chợ* ». Cái óc tranh-hùng tranh bá ở trong làng, cả đời chết sống ở đó; dẫu ở đâu đất ngả trời nghiêng, cũng không quan-tâm đến, chỉ quan-tâm một cái làng mình thôi. Cái hương thôn đó, chính là một cái địa-ngục của người Việt-Nam, cái thân bị bó-buộc ở tại đó, cái óc hèn-hạ cũng ở tại đó, trăm nghìn việc hủ-bại cũng do đó mà ra. Chúng ta đã sinh ra ở trong một cái hoàn-cảnh gia-đình như đã nói ở trên, lại ở vào trong một cái hương thôn hủ-bại như vậy, muốn cho cái đời người của mình độc-lập sao được? siêu-thoát sao được? dựng nên cái sự-nghiệp gì to lớn sao được?

Cách đây không lâu có một ông quê ở Bắc-kỳ, ông là bậc người có tài giỏi, muốn làm lý-trưởng trong làng, nhưng bọn kỳ-hào không ai chịu bầu, ông bực mình bỏ làng ra đi, ra theo quân-thứ, lập được nhiều quân-công, sau làm nên đến chức Tổng-đốc. Ấy cũng vì ở trong làng không thể tranh với họ làm một tên lý-trưởng, bỏ làng ra đi, thì làm nên Tổng-đốc, xem thế thì cái làng không phải là cái địa-ngục là gì? mà xưa nay không biết bao nhiêu anh-hùng hào-kiệt có thể làm sự-nghiệp to-tát đến đâu, chỉ vì khu-khu ở trong làng, may thời làm được một tên lý-trưởng, không may thì làm một tên dân cùn, cái địa-ngục hương thôn, thực đáng ghê lắm. Lại tôi đã từng thấy các nhà hào-phú ở các nơi thành-phố đô-hội, có của cự-vạn, thì

cũng chỉ mong về để làm trường học, làm nhà thờ trong các hương-thôn mình lấy công-đức với bọn ngu-dân, mà không bao giờ ở nơi đô-hội nào dựng lên một cái sự-nghiệp gì, để ích chung cho người một nước, ấy cũng là cái óc bị trói buộc ở trong hương-thôn, cho những người ở ngoài cái hương-thôn mình không có quan-hệ gì đến mình, thế thì còn mong tư-tưởng gì đến nước.

Tôi dám cao-thanh tật-hô lên rằng: nên đánh đổ cái ác-tập hương-thôn đi, mở cái cửa địa-ngục đó cho người Việt-Nam mình ra, thời mới mong có ngày tiến-hóa được. Đánh đổ cái ác-tập ấy thì phải làm thế nào? Nên bỏ hết cái chế-độ hương-thôn cũ, khu-hoạch ra từng khu, chỉ đặt lý-trưởng để thu-thuế, đặt lính tuần để giữ trị-an, do quan sở-tại đó cai-trị, như một quan đốc-lý vậy. Còn các hủ-tục gì ở trong hương-thôn, thì nên nghiêm-cấm hết cả, có như thế thì cái tư-tưởng của người mình mới thoát khỏi chốn hương-thôn, tránh khỏi hết bao nhiêu điều tục-lụy, may mới có hạng người lỗi-lạc, nghĩ làm được nhiều công cuộc lớn lao.

3°) Là cái phong-khí hủ bại của xã-hội.

a) Là cái học-phong sai lầm;

b) Là cái khí-vị quí-tộc;

c) Là cái bại-tục trong các gia-đình;

d) Là sự mê-tín nhảm-nhí;

Tôi xin trước nói về Học-phong. — Học-phong của ta, thực không có bản-lĩnh, xưa học mượn của Tàu, thì cái gì cũng chỉ biết theo của Tàu; nay học Tây, thì cái gì cũng chỉ biết của Tây, còn đối với cái nguồn gốc nước nhà, thì không ai lưu-ý đến, thành ra một cái học-phong rất vơ vẩn, không biết lịch-sử hiến chương, chế-độ của nước nhà là thế nào. Làm dân Việt-Nam mà không biết đến nước Việt-Nam thế nào. Người ngoại-quốc có hỏi đến, thì ngẩn-ngơ không biết thế nào mà trả lời; cái học-phong quên nước, cái học-phong không biết nước là gì, đó thật là mất cả cái tư cách làm quốc-dân.

Mới đây có một ông bác-sĩ người Nhật, tên là MATSUMOTO, hiện làm giáo-sư một trường đại-học lớn là trường Khánh-ứng đại-học ở Đông-kinh (*Tokyo*), sang chơi Hà-nội đây hơn một tháng, nghiên-cứu về nhân-loại-học, lịch-sử-học, và địa-dư-học ở nước ta. Ông có nói chuyện với tôi rằng: « Lúc trước ông lưu-học ở kinh-thành *Paris*, có được biết nhiều học-sinh nước Nam, nhưng ông hỏi đến chế-độ hiến-chương nước Nam, thì ít có người trả lời được, ông lấy làm ngạc nhiên; à ra người Việt-Nam, mà không biết đến nước Nam, thì làm thế nào! » Ông vừa nói vừa phàn-nàn, tôi trả lời rằng: « Những hạng người như vậy, là vì tự thủa bé theo học bên Pháp, nên không hiểu biết việc bản-quốc, nhưng cũng là số ít người, chứ không phải là người nào cũng vậy ». Tôi xin trả lời như vậy, nhưng cái sắc mặt của tôi nó đỏ bừng lên, hiện ra cái vẻ hổ-thẹn. Ấy cái học-phong không biết nước, là một cái học-phong rất nhục, mà cũng vì cái chỗ đó, nên lâu nay tôi cùng các bạn đồng-chí, xướng mở ra « Quốc-học đồ-thư-quán » hiện đương lần lượt trần-liệt tại hội-quán Trí-tri đây, để cho đồng-bào ta cùng nhau nghiên-cứu sự học nước nhà; cái kết-quả đó, có được mỹ-mãn hay không, thì tôi chưa dám biết, nhưng tôi muốn hi-sinh cái đời của tôi vào cái công-việc đó.

Cái khí-vị quí-tộc của nước ta là thế nào? — Khí-vị quí-tộc, nghĩa là cái khí-vị làm bộ làm tịch, hay lên mặt, hay tự-tôn tự-đại, thí-dụ các công-ty các hiệu buôn của Tàu của Nhật, tuy một cửa hàng rất to, nhưng ông chủ các nhà ấy, vẫn nhũn-nhặn như người

S. E. Tôn-thất Quảng

Thượng-thư bộ Công-tác, Mĩ-thuật và Lễ-nghi

S. E. Bửu-Thạch

Nghi-lễ đại-thần

làm công, không có cái khi-vị tôn-đại gì, chủ là chủ, người làm công là người làm công, nhưng đều lo kinh-doanh cho hiệu được phát-đạt, chớ không phải có phân ra giai-cấp gì. Người nước ta thì không thế, mở một cái hiệu nhỏ thì ông chủ đã lên mặt, xem như một ông Quận-công con con; nhưng các hiệu ấy sẽ vỡ đến nơi, cũng không biết chừng, hình như mở hiệu ra như vậy, cốt để vênh-vang làm ông chủ, chớ cái mục-đích không phải lại sự mong phát-tài vậy, có quái-lạ không! Cho đến Nhất-bao học-trò dương học chỉ cốt áo-quần đẹp-đẽ, nhưng ở vào chỗ nào, thì thấy chỗ đó bụi-rác bừa-bãi, không hề động tay đến, hình như sự học ở tại chỗ quần-áo đẹp là đủ, cũng là một cái kỳ-quan khác đời. Những lời tôi nói trên đây, không phải là lời tôi nói vu, lời ngay trái tai, xin thể-lượng cho.

Ba là cái bại-tục trong các gia-đình.— Gia-tộc của người Việt-Nam ta, là một cái gia-tộc ở chung, con em trong một nhà, thường phải nhờ người dạy bảo, thế mà có nhiều nhà dung-túng cho vợ con say-mê cờ-bạc, không hề ngăn-cấm, để cái gương xấu cho con em trong một nhà; chỗ đó quan-hệ đến sự giáo-dục Gia-đình lắm, mà người Việt-Nam ta cho làm thường, há không phải là một việc kỳ. Tôi xem cái gia-đình giáo-dục của Nhật tuyệt-nhiên không có như vậy, mà các nước văn-minh có lẽ cũng không có như thế; nước ta thì khác hẳn, tha-hồ cho phóng túng cờ-bạc, việc đó là việc có quan-hệ đến cái đời tương-lai của tử-đệ, tôi rất mong chúng ta ai cũng nên tỉnh-ngộ lại.

Bốn là sự mê-tín của người mình.— Sự mê-tín của người mình, rất là nhảm-nhí, mà nhất là xứ Bắc-kỳ ta, xem ra thần-quyền thịnh-hành lắm; nên những bọn thầy tướng thầy bói xằng-xịt, mới thừa cái phong-khí ấy mà lừa-dối lấy tiền; cách lừa-dối của chúng nó rất là quỉ-quyệt, làm cho bọn có lòng mê-tín quỉ-thần, phải sa vào bẫy, nhất là cái thời-buổi làm ăn khó-khăn này, không biết làm thế nào cho ra tiền, rủ nhau đi xem bói xem tướng, xem hậu-vận mình ra thế nào, lại nhiều người bị lừa lắm.

Thí-dụ một người đàn bà đến xem tướng xem bói, xem cái hậu-vận làm ăn của mình hay dở thế nào, kẻ làm nghề thầy tướng thầy bói đó, hỏi dò-la để xét-đoán, chúng nó chỉ dự-đoán một cái hậu-vận của mọi người, ai cũng là tốt cả, rồi nó hạ một câu rằng chỉ ở trong vòng năm nay, tháng nọ tháng kia, có cái ách-nạn to, có thể nguy đến tính-mệnh của mình, hay là cả một nhà; nếu người có cái ách-nạn đó, đưa ra một số tiền một trăm đồng hay năm bảy chục đồng, để nhương-trừ đi, trong vòng mấy tuần lễ, thì sẽ thoát được cái ách đó; nhưng trong khi nó đương nhương-trừ, thì người bị cái ách nạn đó không được đến xem, nếu xem thì lại vướng lấy nạn. Lạ gì cái óc mê-tín của đàn bà, cái tính sợ-hãi của đàn bà, thực là dễ mắc lừa lắm, mà chúng nó đã làm nghề lừa dối lại hay khéo phô-bày tán-tỉnh dễ nghe, thì dù không có tiền cũng lo vay mượn, để đưa cho nó, cho khỏi cái ách-nạn, huống chi là người có tiền.

Người Việt-Nam ta, hiện đương bị thầy tướng thầy bói lừa-phỉnh như vậy, không biết là bao nhiêu người, mà chưa có ai xướng lên rủ nhau bài-trừ đi, há không phải là người Việt-Nam ta đành chịu khoanh tay, nhìn xem đồng-bào bị người ta lừa dối, mà không nghĩ một phương-pháp gì để giúp cho người mình khỏi bị lừa.

Vì cái nạn bọn thầy tướng thầy bói lừa dối ở bên nước Tàu cũng nhiều, lâu nay chính-phủ Tàu đã nghiêm cấm không cho người Tàu làm những nghề-nghiệp ấy, kế đến chính-phủ Hương-cảng cũng hạ-lệnh khu-trục

biết bao nhiêu thầy tướng thầy bói, nào là Qui-cốc-tử, nào là Thần-cốc-tử, nào là Thánh-cốc-tử, nào là Tiên-cốc-tử, cho đến hàng nghìn hàng vạn chi chi cốc-tử, cũng đều phải bỏ nghề, không được làm nghề lừa dối đó nữa, nên chúng nó mới lần sang ta để giở nghề lừa dối kiếm ăn.

Ôi, may thay cho dân Tàu được thoát cái vòng mê-tín đó khỏi bị người lừa dối. Còn ở nước mình, hiện nay thì đương bị nguy vì cái bọn ấy, vì chúng nó ở Tàu ở Hương-cảng bị trục, lại kéo sang để lừa đồng-bào ta kiếm tiền, thế là cái may cho người Tàu, mà lại là cái không may cho người ta, người Nam ta nên tỉnh-ngộ, và nên xin với Chính-phủ khu-trục bọn đó đi để khỏi làm hại cho đàn bà ta.

Bốn điều kể trên này, đều là cái phong-khí xấu của dân-tộc ta xưa nay, chúng ta nên chú-ý thay đổi bắt đầu từ đây.

Hễ chúng ta đã cải-lương được cái chế-độ gia-đình, ra khỏi được cái địa-ngục hương-thôn và sửa đổi bài-trừ những cái không-khí hủ-bại trong xã-hội, thì cái tư-tưởng mới, cái đạo-đức mới, cái luân-lý mới, mới nẩy nở ra, mọi người mới có hoàn-cảnh cao-siêu, cái tư-tưởng tự-do, mới thực-hành đạt đến cái chủ-nghĩa nhân-sinh, thực-hành được cái chủ-nghĩa nhân-sinh, thì mọi người đều có hoàn-cảnh mới mà dưỡng-thành cái nhân-cách mới, ai ai cũng mới thì nước Việt-Nam sẽ mới, mà cuộc đời phải mới. Người Việt-Nam ta mới bước lên cái trình-độ văn-minh là từ đó.

Chúng ta nếu bắt đầu từ hôm nay mới, thì cuộc đời cũng từ hôm nay mới, ngày mai trở đi, chúng ta hãy mới, thời ngày mai trở đi cuộc đời hãy mới. Vài trăm năm vài nghìn năm nữa chúng ta sẽ mới, thì vài trăm nghìn năm nữa cuộc đời mới mới; mới với không mới cũng đều là quyền ở ta, mau hay chậm cũng là quyền ở ta. Hôm nay tôi nói đây, rất mong chúng ta mới ngay cho cuộc đời mới ngay.

Thưa các ngài, tôi nói đến đây là kết-luận, tôi xin lại quay về cái địa-vị người Việt-Nam như khi nẩy, để cùng các ngài nghiên-cứu lại cái thuyết của người khách-quan nói đó, phải chăng ra thế nào.

LÊ DƯ

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

XI

CHƯƠNG THỨ VII. — *Danh-gia* 名家

Các học-phái cuối đời Châu có cái sức suy-nghĩ ra mà biện-bác rất lanh-lợi, là những nhà chư-tử về phái danh gia. Mục-đích phái danh-gia, cốt là biện rõ cái chỗ quan-hệ về danh với thực. Danh là mọi khởi-nghĩ ở trong tâm ta tức là cái quan-niệm; thực là ở cái hình và cái tính-chất bề ngoài. Biện rõ cái chỗ quan-hệ của danh với thực, tức là biết rõ cái quan-hệ của quan-niệm và sự-vật bề ngoài. Thời bấy giờ trật-tự trong xã-hội rối loạn, cái chỗ quan-hệ của danh với thực, không được rõ ràng, vậy nên các nhà danh-gia cho rằng phải biện rõ danh với thực, là cái bước đầu cải-lương xã-hội. Sách *Hán-thư nghệ-văn-chí* kể ra có bảy nhà danh-gia ba-mươi-sáu thiên sách, mà truyền về ngày nay chỉ còn thấy có bốn

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phố-đẳng-tác ; Trương Tôn-Nguyên Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem *N.-P.* từ số 168.

nhà là : Đặng Tích-tử 鄧析子, Doãn Văn-tử 尹文子, Huệ Thi 惠施, Công-Tôn Long 公孫龍. Đặng Tích-tử với Huệ-Thi là nhà hiền-quan có quyền-lực trên đường chính-trị ; Doãn Văn-tử với Công-Tôn Long thì thuần là nhà học-giả.

Các nhà Danh-gia rất sở-trường về thuật luận-lý, vậy nên không thích những cái lý-thuyết bình-thường nó đã tự rõ rồi, lại thường biểu-kỳ mà viện lấy cái lý ở ngoài lý, nên hay thành ra những lời quỉ-biện trái bẩn với lý-luận; mà nhất là lời biện-luận của Huệ-Thi. Phái Danh-gia lại đái có cái tính-chất Pháp-gia; phái Pháp-gia thì giảng-minh về cách vận-dụng pháp-luật chế-độ ; phái Danh-gia thì thường bàn về cái nguyên-lý căn-bản của pháp-trị ; tức như Đặng Tích-tử và Doãn Văn-tử rất là trứ-danh. Phái Danh-gia cũng lấy cái thuyết của họ Hoàng họ Lão, để làm cái cơ-sở cho học-thuyết của mình, cũng giống như phái Pháp-gia. Phái Pháp-gia thì cho rằng cứ do pháp-trị rồi có thể đạt tới cái cõi chính-trị vô-vi; phái Danh-gia thì cho rằng cứ chính được danh-thực mà duy-trì được trật-tự cho tốt, thì cũng có thể thực-hiện được cái xã-hội vô-vi. Danh-gia và Pháp-gia đều tin rằng cuộc đời mà đến được trí-trị, thì lại quay về đời đại-đạo vô-danh. Doãn Văn-tử có nói rõ rằng những phái Danh, Pháp, Nho, Mặc, đều ở về cuối đời đại-đạo giòng Hoàng Lão. Thuyết của phái Danh-gia thường không có quan-hệ với cái tư-tưởng luân-lý, nay đem những điều đại-yếu giới-thiệu ra sau này :

Đặng Tích-tử 鄧析子. — Là quan Đại-phu nước Trịnh, kiêm cả hai phái Pháp-gia và Danh-gia, hăng hái quỉ-biện để bài-bác chính-trị của Tử-Sản, vì thế bị giết. *Hán-thư nghệ-văn-chí* còn chép có hai thiên sách *Đặng Tích-tử*, *Bách-khoa toàn-thư* cũng còn tìm được hai thiên *Vô-hậu* 無厚, và *Chuyển-từ* 轉辭.

Cứ lấy cái danh mà xét cho đến cái thực, là cái chỗ chủ-nhãn của phái Danh-gia, Đặng-tử theo cái lối ấy mà thuyết-minh cái chỗ quan-hệ của vua tôi bảo rằng : « Cứ theo cái danh mà xét đến cái thực là việc của vua; phụng-pháp tuyên-lệnh là chức-phận của kẻ bề tôi. Kẻ dưới không được tự-chuyên, phải tự người trên cầm lấy quyền, thế mà chẳng trị được thì chửa khi nào thế bao giờ. » (Thiên *Vô-hậu*). Lại rằng : « Đấng minh-quân đốc-trách kẻ đại-thần, cứ theo cái danh mà xét đến cái thực, thì kẻ thần-hạ sợ phải tội bị giết, tự-khắc là không dám làm những việc tư-túi. » (Thiên *Chuyển-từ*) Đặng-tử luận về danh-thực thường hay nói đến cái thuật của đấng quân-chủ ngự kẻ thần-hạ, tuy rằng là phái Danh-gia mà rất là gần như phái Pháp-gia. Ông ấy nghị-luận chỉ cốt về thuyết chính-trị, còn như cái phép luận về hình-thức cũng có truyền lại một đôi điều.

Ông ấy thường bảo rằng : « Núi với vực đều bằng nhau, vì rằng núi với vực đều là một mặt phẳng cho nên bảo là bằng nhau, cũng như bảo rằng trời với đất bằng nhau đều là một lẽ ấy. Lại còn câu biện-thuyết lạ-lùng bảo rằng : « Lưỡi câu có râu, trứng có lông. Nghĩa là lưỡi câu dùng để câu cá, cá mắc lên lưỡi câu thì tức là râu ở trên lưỡi câu vậy. Cái trứng hay nở ra con chim có lông, vì rằng trong cái trứng nó đã có cái năng-lực mọc lông, chứ không phải nó vốn không mà sinh ra có vậy. Câu nói trên là bởi cái cõi vũ-trụ rộng lớn, mà xét xem núi với vực ; câu nói dưới là bởi cái năng-lực của các loài mà đoán-định cái lưỡi câu với cái trứng vậy. Xem đó thì biết được cái lối quỉ-biện đại-khái như thế.

Doãn Văn-Tử 尹文子. — Ông này xuất-thế trước Công-Tôn Long, thường đem học-thuyết đến bảo vua Tuyên-vương nước Tề, có làm ra sách hai thiên *Đại-đạo thượng-hạ* đều căn-cứ về thuyết Đại-đạo của họ Hoàng họ

Lão mà xướng lên cái thuyết chắc-chắn ; không theo cái thuyết biện về danh-thực, mà lại theo cái thuyết biện về hình với danh. Nói về « thực » thì cái phạm-vi nó rộng hơn « hình », Doãn-tử thì cho là giống nhau cả ; bảo rằng : Đại-đạo với không tiếng không hơi, không có hình-trạng gì cả, lúc ban đầu không thể gọi là danh gì được. Đến như các vật khác lúc đầu cũng là vô-danh, song tự người ta mới đặt cho nó cái danh là bởi cái khái-niệm mà đặt ra cho nhất-định để biết đích cái danh mà trỏ gọi cho tiện. Hình là ở bề ngoài, danh là bởi cái hình ở bề ngoài, mà đặt ra thành tên là tự cái khái-niệm ở trong tâm. Hình với danh vẫn có tính-chất phụ-hợp với nhau, nhưng từ lúc đã thành-lập rồi thì nhiều khi hình lại lìa cái danh. Bởi vậy có cái danh là thiện mà không có cái thực là thiện, có cái danh là ác mà không có cái thực là ác. Sở-dĩ thế nên cần phải luận-biện về hình với danh. Cứ như thuyết của Doãn-tử thì không giống như các nhà danh-gia khác còn có cái hình-tích quỉ-biện, ông ấy nghị luận hay bàn về pháp, cũng có cái trác-kiến về phái Pháp-gia chuyên lấy chủ-nghĩa pháp-trị làm cơ-sở.

Huệ-Thi 惠施. — Huệ-Thi đồng-thời với Trang-tử mà lại ra trước Công-Tôn Long, làm ra sách rất nhiều. *Trang-tử Thiên-hạ-thiên* có nói rằng : « Huệ-Thi có nhiều phương, làm thành ra sách đến năm xe ». Đó là nói cái ý ông ấy làm sách nhiều đầy đến năm xe. Nhưng ngày nay không thấy truyền lại, chỉ do ở những sách : *Trang-tử*, *Tuân tử*, *Lã-thị xuân-thu*, *Hoài-nam-tử*, mới xét biết được lược-truyện và luận-pháp của ông ấy. Huệ-Thi lại giàu cái sức suy-nghĩ lanh-lợi và cái tâm hiếu-kỳ, trong phái Danh-gia, ông ấy có cái tính-chất quỉ-biện hơn cả ; nhưng ông không những lấy quỉ-biện làm cái mục-đích cuối cùng, cái tố-chí ông là muốn biện tỏ cái chỗ quan-hệ danh với thực để đạt được đến cái lý-tưởng đời trị. Khi vua nước Ngụy đánh nước Tề, Huệ Thi sai người can-ngăn, cho cái sự nước Tề nước Ngụy đánh nhau, cứ lấy cái cõi vũ-trụ rộng-lớn mà xét ra, thì không khác gì loài man loài súc tranh nhau ở trên vòi con sên. Ngụy-vương nghe nói lấy làm mang-nhiên. Nay kể qua cái lệ luận-pháp quỉ-biện của ông ấy một vài việc như sau : 1) Gà có ba chân ; ý là bảo ngoài hai chân nó ra rồi lại còn có cái đề mà bước đi, hợp lại là ba chân. 2) Bóng con chim bay kia nó vẫn bất-động ; chim bay vẫn là thấy bóng nó động, nhưng trong khoảng anh Giáp chớp mắt kia thì anh Giáp thấy có cái bóng chim, anh Ất chớp mắt kia thì anh Ất thấy có cái bóng chim, lúc thoáng trông đó nó bất-động, vậy cho rằng bóng chim bay nó vẫn bất-động. 3) Tên bắn ra nó không tiến lên mà nó cũng không dừng, biện lẽ ra cũng như hai lối trước. 4) Chó trắng đấy mà là đen ; cũng như con chó một mắt gọi là chó chột, thì con chó trắng mà mắt đen, cũng gọi là chó đen được. 5) Cái gậy độ một thước, mỗi ngày cầm lấy một nửa, thì đến muôn đời vẫn không mòn hết. 6) Đầu tuy không có tóc, không gọi là hói. Vì rằng nhổ một cái tóc không thể hói được, nhổ đến hai cái tóc cũng không gọi là hói được, cho rằng nhổ đến ba bốn sợi tóc đi, nhổ đến hết cả tóc đi cũng không có khi nào hói hết tóc được.

Công-Tôn Long 公孫龍. — Là người nước Triệu, tên tự là Tử-bình, từng làm gia-khách nhà ông Bình-nguyên-quân. Theo như *Hán-thư-nghệ-văn-chí* thì ông ấy làm ra sách có bốn thiên, nhưng nay truyền lại thì có năm thiên là ông tự làm ra. Ông muốn biện rõ cái chỗ quan-hệ danh với thực có làm ra năm thiên : 1, *Bạch-mã phi-bạch-luận* ; 2, *Chỉ-vật-luận* ; 3, *Thông-biến-luận* ; 4, *Kiên-bạch-luận* ; 5, *Danh-thực-luận*. Tựu-trung có bài « *Bạch-mã-phi-*

bạch-luận » và « *Kiên-bạch-luận* » là trứ-danh hơn cả, thực là một đời học-vấn của Công-Tôn Long vậy.

Luận về bạch-mã phi-bạch. — Nói ngựa bạch không phải là trỏ về ngựa ; gọi là ngựa là nói về cái *hình*, gọi là bạch là nói về cái *sắc*, nói ngựa bạch là gồm chung cả hình với sắc mà nói. Cái ý nói ngựa bạch cùng với cái ý gọi tên con ngựa khác nhau, cho nên bảo rằng nói ngựa bạch không phải là trỏ về ngựa. Đó là cái khái-niệm luận cho phân-tách ra.

Luận về Kiên với bạch. — Như nói có một hòn « Kiên bạch thạch », thế là có ba cái khái-niệm « *kiên* » với « *bạch* » với « *thạch* » họp lại mà có cái tính thuộc với nhau. Nhưng Công-Tôn Long thì chỉ cho là có hai cái khái-niệm họp lại, tức như nói *kiên thạch* với *bạch-thạch*, còn cái khái niệm về thạch-hình hãy gác để đó, chỉ luận về hai cái khái-niệm « *kiên* » với « *bạch* ». Kiên-thạch thì xét về cân-giác (xờ) mới biết, mà bạch-thạch thì xét về thị-giác (trông) mới biết, mỗi đàng khái-niệm khác nhau. Đó là phân-tích về đường tri-giác vậy.

CHƯƠNG THỨ VIII. — *Binh-gia* 兵家

Đương buổi đời Chiến-quốc, quần-hùng cát-cứ, chỉ chuyên việc đánh nhau ; cho nên nhiều nhà bàn về phép chiến-đấu, tổng-danh gọi là binh-gia. Tôn Võ 孫武, Ngô Khởi 吳起, Úy Liệu 尉繚 là những nhà trứ-danh hơn cả, hoặc làm quân-sư cho nước chư-hầu, mà lập nên công to hơn người cũng nhiều. Việc binh vốn là hung-khí không nên hiếu-động, chỉ vì muốn duy-trì lấy trật-tự cho xã-hội, nên bất-đắc-dĩ phải dùng đến binh. Các nhà binh-gia cũng đều biết rằng việc binh là hung-khí, nên không bày cái binh-pháp ra để làm cái phương-pháp vận-dụng hung-khí, mà chỉ làm cái thuật để tránh hung-khí. Tuy đến Ngô-tử là người thiên-tính khắc-bác, cũng bảo rằng nước mà yếu hay mạnh chỉ cốt ở tại đức chứ không tại hiểm, cực là tán-thành việc muốn dân hòa-bình.

Những sách binh-thư từ họ Tôn họ Ngô trở về trước. — Những sách *binh-pháp* của các binh-gia, thì trứ-danh nhất là sách của Tôn-tử với Ngô-tử ; nhưng trước họ Tôn họ Ngô cũng có nhiều nhà nói về binh-lược, như là sách : *Ác-kỳ-kinh* 握奇經, *Lục-thao* 六韜, *Tam-lược* 三略, *Tư-mã pháp* 司馬法 đều là sách trứ-danh cả.

Ác-kỳ-kinh 握奇經. — Cũng có tên là *Ác-cơ-kinh* 握機經, hoặc gọi là *Ốc-cơ-kinh* 幄機經, truyền là của bày tôi vua Hoàng-đế họ Hiên-viên tên là Phong Hậu làm ra, mà kỳ-thực là bởi người đời sau làm giả ra. Trong *Hán-thư nghệ-văn-chí* thì chỉ thấy chép có sách *Phong-hậu* mười-ba thiên, không thấy có tên sách *Ác-kỳ-kinh* ; đến *Tống-sử nghệ-văn-chí* mới thấy chép có tên sách ấy.

Lục thao 六韜. — Truyền là Thái-công Vọng Lã Thượng 呂尚 làm ra sách này, Trương Tử-Phòng mới được tự ông lão-nhân ở trên cầu truyền cho. *Hán-thư nghệ-văn-chí* về mục binh-gia không thấy chép tên sách ấy, duy nhà Nho chép vào *Châu-sử* nói có *Lục-thao* sáu thiên ; sách *Tùy-chí* mới chép rằng có sách *Thái-công Lục-thao* năm quyển, là tự ông Khương Vọng ở đời Châu Văn-vương làm ra. Đến đời Đường Tống các sách chí đều chép theo như thế cả.

Tam-lược 三略. — Cũng truyền là sách sót của Thái-công Vọng. Hoàng-Thạch-công mới truyền-thụ cho Trương Tử-Phòng bảo rằng : « Đọc sách này thì làm thầy cho đấng vương-giả. » Bái công dụng theo kế-sách của Tử-Phòng, đánh nhà Tần giết họ Hạng định được cả thiên-hạ. *Tam-lược* là thượng-lược, trung-lược, hạ-lược. *Lược* là những điều thiết-yếu, không dùng đến những điều âm-mưu qui-kế, chỉ bản ở đạo-đức mà bàn việc binh.

Tư-mã-pháp 司馬法. — Sách này bởi quan Tư-mã nước Tề là Nhương-Thư 穰苴 làm ra. Thư làm tướng giúp vua Cảnh-công để phòng bị quân nước Yên nước Tấn, vì có công làm đến chức Tư-mã. Xét sách này không những là tự Tư-mã Nhương làm ra cả, là do các bậy tôi nước Tề truy-thuật mà biên-tập lại. Sách này lập-thuyết phần nhiều trọng đạo-đức mà bài xích quyền-mưu thuật-số. Ban Cố bèn đem sách *Tư-mã-pháp* này mà để theo về loài lễ.

Tôn-tử 孫子.— Tên là Võ 武, người nước Tề. Thời vua nước Ngô tên là Hạp Lư 闔閭, làm tướng có oai-quyền chấn áp cả nước láng-diềng. Tôn-tử còn truyền di-thư lại mười-ba thiên, văn-tự rất là giản-khiết rõ-ràng, đầu đuôi nhất-quán, điều-lý chỉnh-tề, khó mà thêm bớt được một chữ, không những là sách binh-thư kiệt-tác của nước Tàu, mà kể về phần văn-học xưa nay vẫn rất là tôn-trọng. Nay kể tên mười-ba thiên sách như sau : *1, Thủy-kế* 始計 ; *2, Tác chiến* 作戰; *3, Mưu-công* 謀攻 ; *4, Quân hình* 軍形 ; *5, Binh-thế* 兵勢 ; *6, Hư-thực* 虛實; *7, Quân-tranh* 軍爭 ; *8, Cửu-biến* 九變 ; *9, Hành-quân* 行軍 ; *10, Địa-hình* 地形 ; *11, Cửu-địa* 九地 ; *12, Hỏa-công* 火攻 ; *13, Dụng-gián* 用間. Tôn-tử không có lung-tung sinh việc cử-binh để làm cho tổn-hại nhân-mệnh, bảo rằng cái điều cốt-yếu dụng binh chỉ cốt làm cho giặc yếu đi mà mình khuất-phục được. Vậy nên chỉ bàn mưu-lược làm cho giặc khuất-phục, để cho tránh khỏi cái thảm-hại đánh nhau phải đến tử-thương. Xưa nay vẫn bảo rằng Tôn-tử giảng-thuyết về chữ « đồng », Ngô-tử giảng-thuyết về chữ « hòa ». Đồng là làm cho đồng nhất dân-tâm ; hòa là khiến cho thân-hòa dân-tâm. Thiên *Thủy-kế* nói rằng : « Binh là việc lớn của nước, cái chốn sống chết, cái đạo còn mất ở đó, phải nên xét cho kỹ mới được. » Đó là điều cương-lĩnh về binh-pháp của Tôn-tử.

Ngô-tử 吳子. — Tên là Khởi 起 người nước Vệ. Đã từng theo học thầy Tăng-tử, khi mẹ Ngô-Khởi mất, Khởi không về tang mẹ, thầy Tăng tuyệt đi không dạy nữa. Khởi mới đi sang nước Lỗ, học binh-pháp, thờ vua nước Lỗ. Sau sang làm tướng vua Văn-công nước Ngụy, lại làm tướng giúp vua Niệu-công nước Sở. Khi ở nước Sở, dẹp yên nước láng-diềng, lập nên công to, không kém gì Tôn-tử. Song Ngô Khởi tính tàn-nhẫn khắc-bạc, gặp khi trong nước nổi loạn bọ bắn giết chết. *Hán-thư nghệ-văn-chí* nói có truyền lại sách *Ngô-khởi* 48 thiên ; nay chỉ còn sót có sáu thiên : *1) Đồ-quốc* ; *2) Liệu-địch* ; *3) Trị binh* ; *4) Luận-tướng* ; *5) Ứng-biến* ; *6) Lệ-sĩ*. Nhưng đều không phải tự tay Ngô Khởi soạn ra, đó là tự học-trò biên-tập lại, so với sách *Tôn-tử* có phần kém ; song nghị-luận chính-xác, trật-tự rõ-ràng, cổ-lai cũng ít thấy có sách như thế, khá cùng với sách *Tôn-tử* đều là sách Binh-thư kiệt-tác. Ngô-tử chỉ chuyên lấy hòa làm cốt-tủy cho việc binh-lược, và bàn phải nên cần lấy lễ đối-đãi để phấn-khích kẻ chúng-sĩ.

Úy Liễu-tử 尉繚子.— Sự-tích không được rõ, xưa nay có nhiều thuyết khác nhau. Sử-ký trong sách bản-kỷ Tần Thủy-hoàng có tên Úy Liễu, nhưng không biết có hẳn phải là ông Úy Liễu-tử làm ra sách không ? Có thuyết cho ông ấy là người nước Ngụy, là một người cao-ẩn ở Quỉ-cốc. *Hán-thư nghệ-văn-chí* liệt Úy Liễu-tử vào phái binh-gia, có làm ra sách 31 thiên, nay chỉ còn truyền có 24 thiên : *1) Thiên-quan* ; *2) Binh-đàm* ; *3) Chế-đàm* ; *4) Chiến-uy* ; *5) Công-quyền* ; *6) Thủ-quyền* ; *7) Thập-nhị-lăng* ; *8) Võ-nghị* ; *9) Tướng-lý* ; *10) Nguyên-quan* ; *11) Trị-bản* ; *12) Chiến-quyền* ; *13) Trọng-hình-lệnh* ; *14) Ngũ-chế-lệnh* ; *15) Phân-tắc-lệnh* ; *16) Thúc-ngũ-lệnh* ; *17) Kinh-tốt-lệnh* ; *18) Cần-tốt lệnh* ; *19) Tướng-lệnh* ; *20) Chủng-quân-lệnh* ; *21) Binh-giáo-thượng*;

22) *Binh-giáo-hạ*; 23) *Binh-lệnh-thượng*; 24) *Binh lệnh-hạ*. Trong hai-mươi-bốn thiên sách ấy văn-chương hùng-kỳ giản dị rõ-ràng, không cần phải chú-giải mà văn-lý đã tự rõ, cho nên xưa nay không có ai phải làm chú-giải cho sách *Ủy-Liêu-tử*. Những lời nghị-luận ở trong hai-mươi-bốn thiên sách ấy đều là chính-lý minh-pháp, chứ không bàn đến cái thuật quyền-mưu quỉ-quyệt; và nói rõ rằng việc binh không nên ham chuộng mà dụng càn, binh-pháp không phải dạy người ta đi giết hại người vậy. Ở đời Chiến-quốc mà hay biết lấy cái đạo chí-nhân đánh kẻ chí-bất-nhân làm cái chân-tủy của binh-pháp, thì thực là người trác-kiến đáng nên kính-phục vậy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN. — *Tạp-gia* 雜家

Những phái nào không thuộc về học-phái Nho-gia, Đạo-gia, Dương-gia, Mặc gia, Pháp-gia, Danh-gia, Binh-gia, thì cho là Tạp-gia; nói cho rõ là trở về phái nào hay chiết-trung điều-hòa mà làm riêng một phái chiết-trung điều-hòa. Xưa nay giải-thích nghĩa tạp-gia cũng không nhất-định, nói về nghĩa hẹp thì Tạp-gia tức là phái chiết-trung điều-hòa.

Phái chiết-trung điều-hòa. Là định lấy cái kiến-thức của mình mà thâu-thái lấy những điều sở-trường của các học-phái khác, tự lập-thành ra một phái. Như là hỗn-hợp cả Nho với Đạo, hoặc cả Nho, Đạo, Pháp, Binh, chủng-loại nó rất nhiều không kể xiết được; nay chỉ giới-thiệu ra đây một vài thuyết chủ-yếu mà thôi. Trước kia đã kể như Quan Doãn-tử, Hạt-quan-tử hai người ấy đều lấy phái Đạo-gia làm trung-tâm mà thâu-thái lấy những điều sở-trường của các học-thuyết khác, cũng nên để vào phái Tạp-gia này.

Tống Bình tử 宋鈃子. — Người nước Tống, cũng đồng-thời với Mạnh-tử Trang-tử. Chiết-trung lấy cái chủ-nghĩa quả dục của họ Hoàng họ Lão, và cái chủ-nghĩa phi-chiến của Mặc-tử, mà xướng lên cái chủ-nghĩa quả-dục, phi-chiến. Lý-tưởng ông ấy nghĩ rằng thiên-hạ có yên-ổn hòa-bình, muôn dân mới đủ cơm no áo mặc, đều được vui-vẻ mà sống lâu. Nay muốn làm cho đạt cái mục-đích ấy, thì phải dạy cho muôn dân hạn-chế bớt dụng dục, mà cấm sự công-chiến. Khi ấy thiên-hạ đương đời Chiến-quốc, ai cũng chỉ chuyên chuộng sự đánh nhau, thế mà ông ấy lại hay có cái ý-kiến muốn cho muôn nước hòa-bình, thực là kinh-phục vậy.

Yến-tử 晏子. — Tên là Anh 嬰, tên thụy là Bình trọng 平仲, người nước Tề. Trải làm quan đời vua Linh-công, Trang-công, Cảnh-công, là một người trọng-yếu ở nước Tề. Có làm ra sách *Yến-tử*, cũng gọi tên là *Yến-tử xuân-thu*. Thống-hệ về học-thuyết ông ấy không rõ, hoặc liệt về phái Nho-gia, có khi lại liệt về phái Mặc-gia. Xét sách ông ấy làm ra thì cũng hợp với tôn-chỉ sáu kinh của phái Nho-gia, mà cũng có hợp với cái thuyết tiết-kiệm lực-hành của phái Mặc-gia. Nói tóm lại Yến-tử là hỗn-tạp cả cái chủ-nghĩa công-lợi của hai phái Nho, Mặc. Ông ấy xướng ra cái chủ-nghĩa công-lợi cũng giống như Quản-Trọng, vậy nên xưa nay vẫn gọi là cái thuyết công-lợi của họ Quản họ Yến.

Tử-Hoa-tử 子華子. — Tên là Chu 朱, tên tự là Tử-Hoa, người nước Tấn. Đồng-thời với đức Khổng-tử. Khổng-tử có thường gặp Tử-Hoa-tử, khen là bậc hiền-sĩ trong thiên-hạ. Ông ấy xét về vũ-trụ-quan cũng là nối theo cái tư-tưởng của phái Đạo-gia; thuyết luân-lý thì ông ấy chủ Nho mà lại hỗn-hợp cả Mặc.

Thi-tử 尸子. — Tên là Giao 佼 người nước Lỗ. Đồng-thời với thầy Mạnh, làm thầy cho Thương-quân nước Tần. Có làm ra sách hai-mươi thiên, nói rằng: « Thuyết của Mặc-tử thì cốt ở kiêm-ái; Khổng-tử thì cốt ở chí-công; Hoàng-tử quí ở chiết-trung; Đ ền-tử quí ở quân-

đều ; Liệt-tử qui ở hư-vô ; Liệu-tử qui phân-biệt ; các học-thuyết trải mấy đời cùng bài-bác nhau, đều là có tư-ý cả. » Xem đó thì biết cái thái-độ điều-hòa của Thi-tử. Trong các học-thuyết, Thi-tử trọng nhất là Nho với Mặc, cốt là điều-hòa hai thuyết ấy để làm cái chủ-nghĩa căn-bản cho thuyết của mình. Vì là cái điều trọng nghĩa thì phái Nho với phái Mặc đều giống như nhau cả.

Tung-hoành gia 縱橫家. — Những người chỉ đem quyền-mưu thuật-số đi du-thuyết các nước chư-hầu, để cầu lấy cuộc ưu thắng trong đời Chiến-quốc, thì gọi là phái Tung-hoành-gia. Quỉ-cốc-tử với học trò là Tô Tần, Trương Nghi, tức là đại-biểu cho phái ấy.

Quỉ-cốc-tử 鬼谷子. — Người nước Sở, không có truyện ký truyền lại, nên không rõ họ tên. Đời nhà Châu, người ấy ẩn ở trong hang Quỉ-cốc, tự hiệu là Quỉ-cốc tiên-sinh. Nay xét Quỉ-cốc-tử có làm ra sách hai quyển. Cứ theo như thuyết ấy thì cho đạo là thần-linh tác-thành ra trời đất, cực-kỳ xảo-điệu không biết đâu mà lường được, nhất-thiết hiện-tượng trong khoảng trời đất, đều là bởi thần-linh ấy mà tác-thành, cho nên hết thảy đều chi-phối về một pháp-tắc nhất-định. Đạo ấy đều là cái tác-dụng của con tâm, con tâm phát-động ra bởi ở miệng, phàm ý, chí, mừng, muốn, tư-lự, trí mưu, đều ra vào bởi tự miệng. Vậy kẻ thuật-giả trước hết phải tường xét cái trạng-thế của kẻ địch, đến tiến thuyết cho một ông vua nào, thì trước phải xét biết cái tâm của ông vua ấy, như thế gọi là *Sủy* 揣. Phàm nhất-thiết sự-vật đều có liên-lạc với nhau cả, suy xét một đầu này mà hay biết đến đầu kia, như thế gọi là *Ma* 摩. Đương lúc ma-xét mà nó ứng hiện ra là cái điềm. Tóm lại là cứ theo lẽ trời đất, để xét những lúc động tĩnh biến-hóa, mà quán lấy cái ý-chỉ của mình để xem xét, đó là cái chủ-nhãn của nhà Tung-hoành vậy.

Tô Tần và Trương Nghi 蘇秦張儀. — Hai người này đều là học trò Quỉ-cốc tiên-sinh, học-thuyết hay thực-hành ra trong thiên-hạ, đó cũng là người gặp được thời-vận. Khi ấy bảy kẻ hùng đời Chiến-quốc, cậy thế-lực tranh-cạnh lẫn nhau, trong thiên-hạ nhân-tâm xao-xuyến ; tựu-trung có nước Tần giữ phần đất tự Hàm-cốc-quan trở về phía tây là một nước lớn, thường lấy uy-lực áp-bách các nước ngoài Sơn-đông. Các nước ngoài Sơn-đông nếu không hợp sức lại thì không thể chống nhau với nước Tần được. Tô-Tần mới nhân cái cơ-hội ấy, đi du-thuyết sáu nước, lập ra chước *hợp-tung* 合縱. *Hợp-tung* nghĩa là sáu nước ngoài Sơn-đông theo một chiều dọc cùng liên-hợp đồng-minh với nhau để chống với nước Tần. Tô-Tần làm một người Tung-ước-trưởng, kiêm cả tướng ấn sáu nước, uy-thế như một vị vua. Song nước Tần mới dánh lừa nước Tề nước Ngụy mà đi đánh nước Triệu, Tung-ước vì thế mới phá tan. Trương Nghi lại đem cái quyền-mưu thuật-số ra đi du-thuyết bày ra chước *Liên-hoành*. *Liên-hoành* 連橫 là liên-hợp cả sáu nước lại cùng phụng-sự nước Tần. Chước *hợp-tung* tan thì chước liên-hoành thành-lập, thế-lực Trương Nghi bấy giờ lớn lắm không ai bằng được. Về sau chước *liên-hoành* cũng tan, lại lập chước *hợp-tung*, đó là hai chước ngoại-giao đời bấy giờ. Tô Tần với Trương Nghi là một kẻ thư-sinh, khéo phùng-nghênh đón được ý các vương hầu, nhảy một bước lên đến ngôi tướng ; vì thế kẻ du-sĩ trong thiên-hạ đua nhau bắt chước, như là Công-Tôn Diễn 公孫衍, Tô Đại 蘇代, Tô Lệ 蘇厲, Châu Tối 周最, Lâu Hoãn 樓緩, đều là bọn ấy cả.

(Trong phái tạp-gia trừ các nhà đã kể như trên, lại còn như những phái Nông-gia, Âm-dương-gia, Tiểu-thuyết-gia, nay xin lược bớt).

Các nhà ngoại phái Nho gia

ĐẠO-GIA 道家

Thuyết thứ nhất. – Chịu ảnh-hưởng về địa-thế : Phương Nam đất tốt, khí-hậu ấm, nên mới thích-hợp cho cái thuyết tự-nhiên vô-vi phát-sinh ra.

Thuyết thứ hai. – Chịu ảnh-hưởng về giáo Bà-La-môn ở Ấn-độ ; cái tư-tưởng của Lão-tử là thuộc về dòng tư-tưởng Ấn-độ, chứ không hợp với cái tư-tưởng cố-hữu của Tàu.

Thuyết thứ ba. – Gốc ở ông Dung-Thành là một người tiên ở đời thái-cổ.

Thuyết thứ tư. – Uyên-nguyên ở kinh *Dịch*, trong kinh *Dịch* nhiều chỗ hợp với tư-tưởng Lão-tử.

Thuyết thứ năm. – Bởi ở dòng Sử-quan mà ra, Sử-quan thì hay xét về cái di-tích thành bại đời cổ, nên mới xướng ra học-thuyết đạo Lão.

Thuyết thứ sáu. – Bởi thời-thế phản-động mà sinh ra.

Thuyết thứ bảy – Những tư-tưởng của Trung-quốc từ đời Hoàng-đế truyền lại, đạo Lão là tập đại-thành.

Thuyết triết-học

(1) Vũ-trụ quan
1) Suy-xét những lẽ u-huyền trong vũ-trụ, là cái đặc-sắc của phái đạo Lão.
2) Cho rằng vũ-trụ với tâm-linh có mật-thiết quan-hệ với nhau, bản-thể của vũ-trụ tức là bản-thể của tâm mình.

(2) Luận về bản thể
1) Cho bản-thể tức là đạo.
2) Cho đạo là siêu-tuyệt cả cõi nhận-thức, thời-gian không-gian, và luật nhân-quả, cùng cõi tuyệt-đối, trước cả trời đất vạn-vật mà tồn-tại mãi,
3) Đạo là bản-nguyên của trời đất muôn vật, vô-danh mà lại huyền-diệu, đến khi phát-động mới hữu-danh, là cửa chúng-diệu sinh-thành ra trời đất muôn vật.
4) Đạo có đủ cái năng-lực sinh ra muôn vật, lại có đủ cái sức chi-phối thống-nhiếp cả muôn vật.

(3) Luận về hiện-tượng
1) Nhất-thiết hiện-tượng đều tự bản-thể sinh ra.
2) Bản-thể hư-vô, siêu-tuyệt không thể nhận biết được. Nhưng chẳng phải là không cả, nó vốn có cái năng-lực sinh ra muôn vật.
3) Đạo sinh ra số nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh ra muôn vật (đó là cái thứ-tự vạn-vật phát-sinh ra).
4) Bản-thể vốn là vô-vi, không có ý-tứ gì, tự-nhiên phát-sinh ra muôn vật.

(4) Luận về tính người
1) Lão-tử tuy không nói rõ tính người thiện hay là ác, nhưng xét thực ra thì vẫn đứng về bên tính-thiện.
2) Lão-tử lý-tưởng ra một cái xã-hội thuần-phác đời thái-cổ, vậy nên phải định tạm rằng tính người là thiện.

Lão-tử

- *Thuyết triết-học*
  - *(5) Xét về nhân-sinh*
    1) Lý-tưởng ra một cái xã-hội đời cổ là hay, nên mới chán cái xã-hội hỗn-trọc, mà sinh ra cái thuyết yếm-thế muốn đi ẩn-độn.
    2) Tuy rằng ghét cái xã-hội hiện-tại, nhưng không nói là giải-thoát hết cả, chỉ muốn làm thế nào cho thực-hiện được cái xã-hội lý-tưởng đời cổ.
    3) Người ta sinh ra là cái thời-kỳ đạo phát-hiện, chết đi lại trở về đạo; khi sinh khi tử chẳng qua là đạo nó biến-hóa.
- *Thuyết luân-lý*
  - *Luận về mục-đích*
    1) Lấy cái tư-tưởng côn-bản của thuyết triết-học làm cái cơ-sở cho thuyết luân-lý. Nên mục-đích tối-cao của luân-lý là lại trở về đến cõi đạo.
    2) Lại trở về cõi đạo là thanh-hư vô-vi, giữ được trạng-thái tự-nhiên.
    3) Đạo mà tự-nhiên vô-vi cũng như đứa trẻ thơ; hợp với đạo là lại như đứa trẻ thơ.
  - *Luận về cách tu-vi*
    1) Lại trở về đạo, không phải là bỏ cõi hiện-tượng mà trở về cõi thực-tại, nghĩa là loài người cũng cùng hợp với vũ-trụ lớn.
    2) Cái phương-pháp lại trở về đạo kể ra như sau:
       a.— Bài-xích sự nhân-vi mà lại trở về tự-nhiên vô-vi.
       b.— Bài-xích tích cực mà giữ về tiêu-cực. (Do động về tĩnh, do dương về âm).
       c.— Trọng điều thanh-tĩnh điềm-đạm (tuyệt bỏ tri-tuệ và cái lòng danh-lợi).
       d.— Hư-tâm nhún-nhường không tranh nhau với người.
    3) Luận về những điều đạo-đức cần để xử-thế.
- *Thuyết chính-trị*
  - *Luận về mục-đích*
    1) Thuyết chính-trị của Lão-tử chẳng qua là lấy thuyết luân-lý mà suy-xét ra đường chính-trị.
    2) Cái mục-đích rất cao về đường chính-trị, là lại trở về cái xã-hội thuần-phác đời thái-cổ.
  - *Luận về phương-pháp*
    1) Đạt được đến cái lý-tưởng chính-trị, là tự-nhiên vô-vi.
    2) Cái chính-trị tự-nhiên vô-vi là bỏ hết cả lễ nhạc hình-chính, khiến dân như đứa trẻ con vô-dục vô-tri.
    3) Thuyết chính-trị theo về chủ-nghĩa phóng-nhiệm, không có can-thiệp gì đến kẻ bị-trị.
    4) Bởi theo cái ý-kiến tiêu-cực nên bài-bác sự chiến-tranh.
- *Những nhà thừa-kế*
  - *Khái-luận*
    1) Tư-tưởng của Lão-tử, ảnh-hưởng ra nhiều phương-diện.
    2) Những phái Dương-gia, Danh-gia, Hình-gia, Pháp-gia, đều là trực-tiếp hoặc gián-tiếp mà chịu ảnh-hưởng cả.
    3) Tổ-thuật được triết-học của Lão-tử, mà là một học-phái chính-thống hay đủ cả cái tư-tưởng côn-bản tức là phái Đạo-gia.

Lão-tử

Những nhà thừa-kế

Đạo-gia

1) Sách Hán-thư nghệ-văn-chí kể ra 37 nhà Đạo-gia, 938 thiên-sách, mà trứ-danh nhất là Quan Doãn-tử, Liệt-tử, Trang-tử.
2) Quan Doãn-tử lại thoát-hóa đạo Lão mà tiến lên một bậc xướng ra cái tư-tưởng vạn-hữu thần-giáo.
3) Liệt-tử (sẽ kể sau).
4) Trang-tử (sẽ kể sau).

So-sánh Khổng với Lão

Chỗ trái nhau

1) Tư-tưởng của Khổng-tử là thuộc về luân-lý, tư-tưởng Lão-tử là thuộc về triết-học.
2) Tư-tưởng của Khổng-tử là thuộc về xã-hội, tư-tưởng của Lão-tử thì không thuộc về xã-hội.
3) Khổng-tử tư-tưởng về đường kinh-nghiệm thực-tế, Lão-tử thì tư-tưởng về đường hình-nhi-thượng.
4) Tư-tưởng của Khổng-tử là tích-cực là tiến-bộ, tư-tưởng của Lão-tử là tiêu-cực là thoái-bộ.
5) Tư-tưởng của Khổng-tử là thuộc về thế-gian, tư-tưởng của Lão-tử là xuất-thế-gian.
6) Tư-tưởng của Khổng-tử là lạc-thiên, tư-tưởng của Lão-tử là yếm-thế.

Chỗ giống nhau

1) Khổng-tử, Lão-tử đều là theo về chủ-nghĩa chuộng cổ.
2) Khổng, Lão đều là khuếch-sung cái thuyết luân-lý ra cái thuyết chính-trị.
3) Khổng, Lão đều lấy sửa mình trị người làm gốc.
4) Khổng, Lão đều giảng thuyết về đường kinh-luân trị đời trị nước.

Liệt-tử

Yếu-chỉ

1) Liệt-tử là một người cao-ẩn vui đạo, không có lòng danh-lợi.
2) Truyền lại có tám thiên sách *Liệt-tử*, người ta bảo là tự học-trò chép lại.
3) So với cái chủ-nghĩa tiêu-cực, chủ-nghĩa thoái-bộ của Lão-tử, thì Liệt-tử lại càng phát-chiển thêm ra.

Thuyết triết-học

Luận về vũ-trụ

1) Cho cái bản-thể của vũ-trụ là hư-vô, chứ không có nói chữ «đạo» như Lão-tử.
2) Cái thế-giới hiển-tượng hữu-danh đó, là do cái thế-giới chân-thực vô-danh kia sinh ra, bản-thể là vô-danh.
3) Do bản-thể rồi sinh ra muôn vật, qua bốn giai-cấp là thái-dịch, thái-sơ, thái-thủy, thái-tố.

Luận về định-mệnh

1) Liệt-tử luận về định-mệnh, đã nói rõ ở trong thiên *Lực-mệnh*.
2) Cho rằng người ta nhất-cử nhất-động, đều là bởi định-mệnh tự-nhiên cả, chứ ý-chí tự-do không thể cưỡng với mệnh được.

Liệt-tử

Thuyết triết-học

Xét về sự sống chết

1) Sống chết chẳng qua là bản-thể nó biến-hóa, chứ có hề chi mà mừng mà thương.

2) Cho lúc chết là lại trở về, thế là đã xướng rõ ra cái thuyết luân-hồi chuyển sinh.

Thuyết luân-lý

Luận về lý-tưởng

1) Theo về đường sinh-hoạt tự-nhiên vô-vi, là cái lý-tưởng rất cao trong luân-lý.

2) Nếu tiến lên để cố làm cho xã-hội tấn-bộ phát-đạt, thà lui về giữ cho sạch lấy mình.

Luận về phương-pháp

1) Cái phương-pháp theo về đường sinh-hoạt tự-nhiên vô-vi, thì phải gác bỏ cái tâm đi.

2) Gác bỏ cái tâm mình đi là không kể gì hay dở khen chê, lợi hại đắc thất, chỉ mờ mịt hợp với cõi hư-vô.

3) Hay hợp-thể với chân-lý vũ-trụ mà đạt đến cõi giải-thoát hết cả, là bậc thần-nhân hay chí-nhân.

4) Bậc thần-nhân hay có cái sức thần-thông biến-hóa, tung-hoành bay đi ở trong nước lửa cũng được.

Thuyết chính-trị

1) Theo cái tư-tưởng căn-bản mà luận về chính-trị, cũng giống như thuyết luân-lý.

2) Theo cái cách sinh-hoạt tự-nhiên vô-vi mà lý tưởng về chính-trị, nên mới tưởng-tượng ra một nước gọi là nước Hoa-tư

3) Theo về chủ-nghĩa phóng-nhiệm lại có phần hơn tư-tưởng Lão-tử.

So-sánh Lão với Liệt

1) Lão-tử lý-tưởng ra một xã-hội là cái đời thái-cổ thuần-phác; Liệt-tử thì lý-tưởng ra một nước là nước Hoa-tư.

2) Lão-tử lý-tưởng ra một hạng nhân-vật là bậc thánh-nhân đời cổ; Liệt-tử thì yết ra một bậc thần-nhân.

3) Lão-tử tuy nói chủ-nghĩa tiêu-cực mà tựu-trung vẫn nói đến phép kinh-luân cứu đời; Liệt-tử thì chán đời muốn giải-thoát đăng tiên.

4) Lão-tử tuy có cái tư-tưởng xuất-thế, nhưng vẫn nói đến cái đạo-đức cần để xử-thế; Liệt-tử thì thuần là tư-tưởng xuất-thế.

5) Lão-tử nhận rằng đạo trời với đạo người có cảm-ứng; Liệt-tử thì nói trời đã định-mệnh, sức người không thể tranh được.

6) Lão-tử không nói đến ảo-thuật và mộng; Liệt-tử thì nói đến mộng-ảo luôn.

Trang-tử

Yếu-chỉ

1) Cùng sinh đồng thời với thầy Mạnh-tử, nhưng không hội-diện với thầy Mạnh lúc nào
2) Thiên-tính bác-lãm cường-chí, văn-chương tài học đều giỏi mà lại sở-trường về nghị-luận.
3) Sách Trang-tử còn truyền lại 33 thiên, phân ra ba bộ: Nội, Ngoại và Tạp.
4) Là một nhà triết-học cự-phách về phái Đạo-gia, phát-chiển được cái tư-tưởng của họ Lão rất là quang-thái rõ rệt.

Thuyết triết-học

Luận về vũ-trụ

1) Cho đạo là bản-thể của vũ-trụ, cũng như Lão-tử.
2) Bản-thể vốn hư-vô, tuyệt không có si-biệt, siêu-tuyệt cả thời-gian và không-gian.
3) Luận về bản-thể so với Lão-tử lại tiến lên một tầng, cho rằng trên bậc hư-vô lại toàn là không không.
4) Đạo là bản-thể cả trời đất và muôn vật, cho nên không đâu là không có.

Luận về hiện-tượng

1) Cái gì cũng bởi bản-thể mà ra, nên mới xướng ra cái thuyết « vạn-vật nhất-thể ».
2) Vạn-vật ở trong cõi hiện-tượng đều là bởi bản-thể mà ra; như là loài người và muôn vật đều là sinh ra ngẫu-nhiên cả.
3) Sinh ra làm người, cũng không có cái gì đáng mừng.

Thuyết túc-mệnh

1) Loài người và các loài vạn-vật khác, đều là do bản-thể ngẫu-nhiên phát-sinh ra.
2) Muôn việc loài người đều là do ý của tạo-vật, việc gì cũng là do thiên-mệnh cả.
3) Không những là sự nghèo hèn giàu sang, phàm công việc tác-dụng của người ta đều có thiên-mệnh cả. (Thuyết túc-mệnh như thế rất là tuyệt-đối).

Bàn về sự sống chết

1) Đạt-quan hiểu-thấu đạo lớn, không có phân-biệt gì sống với chết.
2) Coi đời người như giấc chiêm-bao, sống chẳng mừng mà chết cũng chẳng thương.
3) Thường mộng thân mình hóa bướm, nên hay nói chuyện mộng.
4) Sống là ở đất khách, chết là về quê nhà; nếu sợ chết thì khác gì chán nơi cố-hương, mà chỉ muốn sống nhờ nơi đất khách mãi.

Phép biện-chứng

1) Suốt đời hết sức về phép biện-chứng.
2) Nhân thời-thế đời Xuân-thu, Chiến-quốc, thúc-giục cho cái thuật biện-luận phát-đạt lên, nên mới có các nhà biện-luận.

Trang-tử

Thuyết triết-học

Phép biện-chứng

3) Trang-tử bị cái ảnh-hưởng về thời-thế, nên phải biện-chứng để thuật cho rõ cái học-thuyết của mình.
4) Trong thuật biện-chứng của Trang-tử, trứ-danh nhất là biện cái thuyết tương-đối với thuyết đại-đồng.
5) Biện-bác cái thuyết tương-đối là không chắc, phải đến cõi tuyệt-đối mới hay tiêu-dao tự-thích được.
6) Thuyết đại đồng là không có phân-biệt phải trái gì cả, đả-phá hết những vật-luận câu-nệ lúc bấy giờ.

Thuyết luân-lý

Luận về mục-đích

1) Cái mục-đích rất cao của luân-lý, cũng là xét về trên thuyết triết-học.
2) Cái mục-đích cứu-cánh của luân-lý là lại trở về bản-thể vũ-trụ.
3) Trở về bản-thể đạo là vượt ra ngoài cõi đời tương-đối có hạn, mà tiêu-dao ở cõi đời tuyệt-đối vô-hạn.
4) Hạng nhân-vật lý-tưởng mà hay trở về bản-thể đạo là những bậc chí-nhân, chân-nhân.
5) Đạt đến cõi chí-nhân thì hay vào lửa không cháy, xuống nước không chìm.

Luận về phương-pháp

1) Trang-tử bàn về cách tu-vi bảo rằng có hay giải-thoát thì mới đạt được đến cõi chí-nhân.
2) Trước phải giữ cái tâm cho hư-vô mà theo về cách tự-nhiên vô-vi, thì mới đạt được đến cõi chí-nhân.
3) Cái phương-pháp tu-vi đều thuận theo thứ bậc.

Bài-xích nhân-nghĩa

1) Cực-lực bài-xích nhân-nghĩa, cho là có ngăn-trở về đường giải-thoát.
2) Chết theo về nhân-nghĩa với chết đắm về tài-hóa cũng chẳng khác gì nhau.
3) Ham của thì đến tàn sinh, ham nghĩa thì đến tổn tính, quân-tử với tiểu-nhân cũng chẳng khác gì nhau.

Phép xử-thế

1) Thoát-ly đời hiện-tại mà tiêu-dao ra ngoài cõi, để toàn lấy thiên-thọ, đó là cái mục-đích xử-thế.
2) Phương-pháp tích-cực là theo một cách sinh-hoạt điềm-đạm, xa-lánh việc đời.
3) Phương-pháp tiêu-cực là làm một hạng nhân-vật vô-ích với đời.

Thuyết chính-trị

1) Trang-tử cho cái mục-đích cứu-cánh của đời người là cốt thoát-ly hiện-thế, nên không cần bàn đến chính-trị.
2) Trang-tử có nhận lời vua Sở vời đến, bèn làm ra bài luận «Vô-dụng tràng-sinh» mà xin cáo-từ trở về.
3) Trang-tử tuy chẳng nhìn nhận gì đến chính-trị, nhưng học-thuyết ông ấy cũng có điều thích-dụng với chính-trị.
4) Học trò Trang-tử mới suy xét cái tôn-chỉ của thầy ra mà luận về chính-trị, thấy chép ở thiên « *Tại hựu* ».

Hạt-quan-tử

Yếu-chỉ

1) Không rõ họ tên, nhân ông ấy ở trong núi hay đội mũ lông chim hạt, nên gọi là Hạt-quan-tử.
2) Có truyền lại ba quyển sách *Hạt-quan-tử* 19 thiên.
3) Lập thuyết tuy tạp cả thuyết Hoàng, Lão, Hình Danh, nhưng xét đại-thể thì là về dòng Lão-tử.

Thuyết triết-học

1) Cho Đạo là bản-thể của vũ-trụ, vạn-vật đều bởi bản thể mà ra.
2) Nói rõ về cái thứ-tự bản-thể phát-chiển ra muôn vật.
3) Thừa-nhận rõ là vũ-trụ chi-phối cả muôn-vật, mà xa gần đều hóa.
4) Cái lý-pháp của vũ-trụ chi-phối cả muôn-vật, tức gọi là mệnh.

Thuyết luân-lý

1) Muôn vật đều bởi mệnh chi-phối cả.
2) Thánh-nhân hay biết mệnh, đạo-đức hay thể-nhận được mệnh.
3) Cũng qui trọng nhân nghĩa lễ nhạc như là học-thuyết Khổng, Mạnh.
4) Thánh-nhân trước trọng đạo người, đạo người trước việc binh, cũng đạo-tập theo thuyết binh-gia.

DƯƠNG-GIA 楊家

Dương-tử

Yếu-chỉ

1) Học-thuyết họ Dương chỉ thấy chép ở trong sách Trang-tử và các sách, chứ không thấy quyển sách nào tự ông làm ra.
2) Thống-hệ học-thuyết của họ Dương có nhiều thuyết khác nhau.
3) Nhưng nay ai cũng cho học-thuyết họ Dương là thuộc về thống-hệ phái Lão-tử.

Thuyết triết-học

Xét về vũ-trụ

1) Xướng-minh rõ về cái thuyết định-mệnh.
2) Hết thảy hiện-tượng đều chi-phối về cái phép-tắc tất-nhiên và tự-nhiên.
3) Loài người ta thọ yểu, an nguy, thuận nghịch, phải trái, đều là mệnh cả, không thể lấy cái ý-chí tự-do của người mà xoay đi được.

Xét về nhân-sinh

1) Xướng-minh rõ về cái thuyết chán đời.
2) Chết sống đều là mệnh cả, người ta không ai khỏi chết.
3) Tuy ở đời có kẻ hiền người ngu, kẻ sang người hèn, nhưng chết đi đều là nắm xương nát cả.
4) Đời người rất là ngắn, không mấy người thọ được đến trăm tuổi.

Dương-tử — *Thuyết luận-lý*

Yếu-chỉ

1) Căn-cứ về thuyết định-mệnh và chán đời, nên mới cực-lực xướng lên cái chủ-nghĩa khoái-lạc, chủ-nghĩa lợi-kỷ.
2) Coi đời người như hạt sương buổi sớm, lúc sống nên hết sức khoái-lạc cho sướng.
3) Sự khoái-lạc của người ta, 1° nhà ở cho sang; 2° áo mặc cho đẹp; 3° ăn ngon; 4° sắc đẹp.
4) Loài người ta sở-dĩ sinh-hoạt không yên, là vì còn ham danh, ham thọ, ham lộc-vị, ham hóa-tài.
5) Bỏ hết cả thọ, danh, lộc-vị, hóa-tài đi, thì tức là được cái khoái-lạc chân-chính.

Đặc-sắc

1) Vì xét về nhân-sinh mà chán đời mới xướng ra cái chủ-nghĩa khoái-lạc.
2) Chủ-nghĩa khoái-lạc về nhục-dục.
3) Chủ-nghĩa khoái-lạc về cảm-giác phút chốc.
4) Chủ-nghĩa khoái-lạc về cá-nhân.

Lời bàn thêm

1) Vì theo thuyết khoái-lạc mới bàn đến cách an-tâm lập-mệnh và cách dưỡng-sinh.
2) An-tâm lập-mệnh tức là được khoái-lạc chân-chính, là theo cái cách sinh-hoạt tự-do.
3) Dưỡng-sinh cứ việc túng-dục cho thỏa kiếp đời thừa.
4) Vì đứng về chủ-nghĩa khoái-lạc, mới chê-bai cả thánh-hiền đời cổ là khổ.

MẶC-GIA 墨家

Mặc-tử — *Yếu-chỉ*

1) Mặc-tử là một đại-nho cuối đời Châu, không những là một nhà triết-học, lại sở-trường về thuật khí-giới.
2) Thấy đời loạn mà buồn, đi bôn-tẩu bốn phương hết sức về việc công-ích cong-lợi.
3) Còn lưu lại sách 53 thiên, tuy không phải là tự làm ra cả, nhưng tư-tưởng vẫn nhất-quán.
4) Học-thuyết họ Mặc khi ấy đắc-thế lạ-thường, thiên-hạ như gió lướt theo.

Thống-hệ học-thuyết

Thuyết thứ nhất.— Là nối cái tư-tưởng của vua Vũ.

Thuyết thứ hai.— Học về con cháu quan Sử Giác đời Châu.

Thuyết thứ ba.— Lúc mới học Nho, nhưng chán cái lễ nhà Châu phiền-phức, mới theo học lễ giản-phác của nhà Hạ.

Thuyết thứ tư.— Học-thuyết họ Mặc là bắt-chước tự cái chức-thủ kiệm-phác ở nhà Thanh-miếu.

Thuyết thứ năm. – Không phải là học ở một thầy truyền, ông ấy tự tham-chước chúng-thuyết mà tổ-chức ra một phái.

Mặc-tử

- *Thuyết triết-học*
  - *Phép luận-chứng*
    1) Yết ra: 1° *bản*, 2° *nguyên*, 3° *dụng*, để làm chuẩn-đích cho lời nghị-luận.
    2) *Bản.*— Là bản ở chí thiên-quỉ và ngôn-hành của đấng tiên-vương.
    3) *Nguyên.*— Là nguyên-chứng ở sách tiên-vương và xét ở tai mắt của trăm họ.
    4) *Dụng.* — Đem ra ứng-dụng về chính-trị trong thiên-hạ.
  - *Luận về trời*
    1) Lấy cái tư-tưởng lạy trời là tư-tưởng cố-hữu của người Tàu và cái quan-niệm về quỉ-thần, làm cái nền cho luật đạo-đức.
    2) Lấy trời làm cái tiêu-chuẩn rất cao cho muôn vật, hơi có cái ý chủ-tể như tính-chất tôn-giáo.
    3) Trời sáng-tạo ra muôn vật, phàm việc xã-hội tổ-chức, đều do ý trời mới thành.
    4) Trời giám-đốc cả trên dưới, không những là chi-phối cả muôn dân, dẫu đấng thiên-tử cũng phải theo trời.
    5) Trời có quyền thưởng phạt họa phúc.
  - *Luận về quỉ-thần*
    1) Phân quỉ-thần ra ba loài: 1° Thiên-thần, 2° Địa-kỳ, 3° Nhân-quỉ.
    2) Theo bản, nguyên, dụng ba phép bàn chứng rằng có quỉ-thần.
    3) Quỉ-thần có cái sức hay thưởng phạt thiện ác.
    4) Không nói rõ cái chỗ trời với quỉ-thần quan-hệ.
  - *Phi-mệnh-luận*
    1) Bác cái thuyết định-mệnh mà xướng ra « phi-mệnh-luận » thực là sáng-kiến của họ Mặc.
    2) Lấy ba phép: bản, nguyên, dụng mà bác rằng không có vận-mệnh.
    3) Cái định-mệnh mà họ Mặc bác đi là vận-mệnh, khác với thiên-mệnh mà Nho-giáo thường nói.
- *Thuyết luân-lý*
  - *Thuyết kiêm-ái*
    1) Gốc ở thuyết triết-học cho trời với quỉ-thần là tiêu-chuẩn cho muôn vật, nên mới xướng ra thuyết kiêm-ái.
    2) Phân-biệt ra thiện ác đều là theo ý trời, những điều trời muốn là điều yêu, là điều lợi tức là điều thiện.
    3) Kiêm-ái là bởi ý trời, là cái nguyên-lý tối-cao của đạo-đức.
    4) Kiêm-ái là yêu bình-đẳng cả không có phân-biệt gì kẻ thân người sơ.
    5) Lấy ba phép: bản, nguyên, dụng mà xét nghiệm ra, nên mới chủ-trương kiêm-ái.
    6) Thuyết kiêm-ái là trực-tiếp về mặt kinh-thế để cứu-tế xã-hội
  - *Thuyết giao-lợi*
    1) Mặc-tử thường nói đến lẽ kiêm-ái và giao-lợi.
    2) Kiêm-ái với giao-lợi hai lẽ như một, một mà như hai.
    3) Giao-lợi là có cái ý-vị làm hạnh-phúc cho cả loài người, tức là thuyết khoái-lạc cả công-chúng.
    4) Giao-lợi cũng là theo ý trời mà suy ra, tức là thuyết công-lợi về thần-ý.

Mặc-tử

- *Thuyết luân-lý*
  - *Chủ-nghĩa cần-kiệm*
    1) Theo cái tư-tưởng kiêm-ái giao-lợi mà xướng ra cái chủ-nghĩa tiết-kiệm, là những điều đạo-đức thực-tiễn.
    2) Chủ-nghĩa cần-kiệm có ba điều : 1° Tiết-dụng; 2° tiết-táng ; 3° phi-nhạc.
    3) Tiết-dụng-luận là bảo bớt những sự lãng-phí vô-ích hằng ngày.
    4) Tiết-táng là theo một táng-lễ đơn-giản (trái với thuyết hậu-táng của nhà Nho).
    5) Phi-nhạc-luận là bài-bác sự âm-nhạc.
- *Thuyết chính-trị*
  - *Thuyết thực-lợi*
    1) Theo cái tư-tưởng kiêm-ái giao-lợi mới xướng ra cái chủ-nghĩa thực-lợi.
    2) Nguyên-lý căn-bản của chính-trị là phải làm tăng-tiến hạnh-phúc cho muôn dân.
    3) Xướng lên cái thuyết cần-kiệm để làm cái phương-pháp tăng-tiến hạnh-phúc cho muôn dân.
  - *Thuyết phi-chiến*
    1) Bởi cái tư-tưởng kiêm-ái giao-lợi mới xướng ra « phi-chiến-luận ».
    2) Chiến-tranh chỉ giết kẻ vô-tội, rất trái với hạnh-phúc muôn dân.
    3) Chiến-tranh rất là bất-nhân bất-nghĩa, có đến trăm điều hại, mà không có lợi một tí gì.
  - *Luận về phương-pháp*
    1) Chính-trị có hai điều cốt-yếu là : Thượng-hiền với thượng-đồng.
    2) Thượng-hiền là cốt dùng lấy kẻ hiền-tài, nước trị hay loạn là tại kẻ hiền-tài nhiều hay ít.
    3) Thượng-đồng là khéo đạo-dẫn ý dân, khiến cho muôn dân đều đồng nhất-tâm.
- *So-sánh Nho, Mặc*
  - *Chỗ giống nhau*
    1) Vì xã-hội mà phải qui trọng đạo nhân-luân.
    2) Lấy sự tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình-thiên-hạ làm cái mục-đích cuối cùng.
    3) Sùng-bái trời, kính quỉ-thần, trọng tế lễ.
    4) Là một giáo thường-thức mà yên-vui mệnh trời.
  - *Chỗ trái nhau*
    1) Nho dụng lễ nhà Châu, Mặc theo lễ nhà Hạ.
    2) Nho giảng-thuyết đạo nhân, Mặc xướng thuyết kiêm-ái.
    3) Nho theo thuyết túc-mệnh, Mặc xướng thuyết phi-mệnh.
    4) Nho trọng lễ hậu-táng để tang lâu, Mặc thì đoản-tang tiết-táng.
    5) Nho cho lễ nhạc là việc cần để trị nước, Mặc thì cho âm-nhạc là cái vật thừa vô-ích.
- *Lời phê-bình*
  - *Điều sở-trường*
    1) Tuy thầy Mạnh thường nói Dương, Mặc là hai nhà đại-biểu cho phái dị-đoan. Nhưng thuyết họ Mặc không có thiên-bạc như họ Dương.
    2) Thuyết họ Mặc nhờ ảnh-hưởng về thời-thế đầm-thấm vào nhân-tâm, có phần ngang với Nho-giáo.
    3) Xét về triết-học có căn-cứ, có phần thâm hơn Nho-giáo.

Mặc-tử — *Lời phê-bình*

Điều sở-trường

4) Lấy phép biện-chứng để làm cơ-sở cho lời nghị-luận, thực là một điều trác-kiến.

5) Đương lúc nhân-tâm rối loạn, mà hay đề-xướng lên cái tinh-thần bình-đẳng bác-ái, thực nên kính phục.

6) Phi-chiến-luận thực là hay nói rõ ra cái chân-lý vĩnh-viễn không diệt đi được.

Điều sở-đoản

1) Luận « ái » với « lợi » lẫn lộn cả với nhau, mà cũng đều là chủ-nghĩa thực-lợi.

2) Cực lực xướng lên cái chủ-nghĩa cần-kiệm quá.

PHÁP-GIA 法家

Quản-tử — *Yếu-chỉ*

1) Quản-tử là một người giúp Tề Hoàn-công lập nên nghiệp bá.

2) Sách còn truyền lại là 76 thiên, nhưng đều không phải tự Quản-tử làm ra.

3) Trong sách luận về tài-chính, binh-mã, binh-pháp, mà lấy đạo-đức làm chủ.

Thuyết chính-trị

1) Học-thuyết khá truyền nhất là thuyết chính-trị.

2) Thuyết chính-trị cốt là làm cho phú-quốc cường-binh, đại-thành bá-nghiệp.

3) Căn-cứ về tư-tưởng phái Đạo-gia, theo cách pháp-trị mà làm cho đạt đến cái chính-trị vô-vi.

4) Biện rõ đạo Đế, đạo Vương, đạo Bá.

5) Cương-lĩnh trị nước có ba điều : 1° Làm cho dân giàu ; 2° Dạy dân ; 3° Tôn kính thần-minh.

6) *Đạo trị-phú*

Phương-pháp tiêu-cực
- 1° Vua phải tự cấm xa-xỉ để nghỉ nuôi lấy sức dân.
- 2° Bớt điều kinh-phí, cấm dân lãng-phí.

Phương-pháp tích-cực
- 1° Mở mang rừng núi chằm ao.
- 2° Kinh-doanh thủy-lợi.
- 3° Chấn-hưng nghề tằm tang và các nghề khác.
- 4° Tưởng-lệ việc mục-súc.

7) Chính-sách của Quản-tử là chủ-nghĩa nông-nghiệp và chủ-nghĩa cần kiệm.

Thuyết đạo-đức

1) Lấy đạo-đức làm một bộ-phận trong thuyết chính-trị.

2) Luận về đạo-đức là điều cốt-yếu của đời Bá.

3) Đạo-đức đời Bá có tứ-duy là : Lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

Thân-tử — *Yếu-chỉ*

1) Thân-tử làm quan đời vua Chiêu-hầu nước Hàn, hay duy-trì được thế-lực nước Hàn.

2) Theo như các sách và sách *Tuân-tử* chép lại, thì cũng lược biết được học-thuyết của Thân-tử.

Thân-tử

Học-thuyết

1) Lấy pháp với lệnh là đồ cần dùng để trị nước, tuy chính-trị vua Hoàng-đế và vua Nghiêu cũng cần phải có pháp.
2) Pháp của Thân-tử là cái thuật để tuyển-dụng nhân-tài, khác với nghĩa pháp-luật đời nay.
3) Cái phép tuyển-dụng nhân-tài là không cần trông nghe, không cậy trí-lực, chỉ hư-tĩnh vô-vi lấy công-pháp mà dùng.
4) Dùng người nếu chỉ bằng ở kiến-văn trí-lực của mình thì thà rằng bằng ở pháp-thuật phổ-thông còn xác-thực hơn.

Yếu chỉ

1) Thương-tử làm tướng đời Tần Hiếu-công, đem kỹ-tài ra làm cho nước Tần mạnh lớn.
2) Tính rất nghiêm-khắc, sau khi Hiếu-công mất rồi, bị phải gièm-pha, chết về tội hình xe xé xác.
3 Sách làm ra hiện còn 21 thiên.
4) Thuần là pháp-trị chủ-nghĩa, hết sức bài bác đạo-đức.

Thương-tử

Thuyết chính-trị

Điều cốt-yếu

1) Thân-tử chuyên nói thuật, Thương-tử chuyên nói pháp.
2) Lấy sự cải-định chế-độ pháp-luật làm nghĩa thứ nhất để trị nước.
3) Cải định chế-độ pháp-luật cốt là làm cho giàu nước mạnh binh.

Chính-sách phú-quốc

1) Định cái chế-độ nghiệp nông, cho rằng nhà nước thịnh hay suy là bởi tại kẻ nông-dân nhiều hay ít.

2) *Chính-sách nghiệp-nông*

Phương-pháp tích-cực
- 1º Tôn-trọng nông-dân.
- 2º Cưỡng bắt dân phải hết sức về việc nông.

Phương-pháp tiêu-cực
- 1º Bài-xích sự học.
- 2º Cấm bán gạo cho lái buôn.
- 3º Bỏ nhà trọ hành-khách.
- 4º Đánh nặng thuế rượu thịt.
- 5º Gia tăng quan-thuế và thuế doanh-nghiệp.

Chính-sách cường-binh

1) Kích-lệ việc chiến-tranh, khiến cho dân hiếu-chiến.
2) Nghiêm thưởng phạt để cổ-vũ dũng-khí cho dân.

Phương-pháp nội-trị

1) Ba điều đại-cương trị nước là : Pháp, tín, quyền.
2) Khi thi-hành pháp-luật phải nghiêm thưởng phạt.
3) Trong việc thưởng phạt, thì phạt là trọng, điều thưởng là phần giúp thêm vào.
4) Cái mục-đích trọng hình là cốt khiến cho đến vô-hình.

Bài-xích đạo-đức

1) Muốn cho nước giàu mạnh thì phải khiến dân chăm về việc nông việc chiến.
2) Hết sức bài xích học-vấn đạo-đức, cho là có trở-ngại cho việc nông việc chiến của dân.

Thương-tử — *Lời phê-bình*

1) Đương lúc quần-hùng tranh-cạnh, mà hay làm cho nước Tần xưng bá, đáng phục là bậc kỳ-tài.
2) Thuyết chính-trị đều là cái kế-hoạch làm cho thành bá-nghiệp, rất là tinh-mật mà có kiến-thức.
3) Cứ lấy con mắt đạo-đức mà xét thì đáng nên bài-bác cả.

Hàn-phi — *Yếu-chỉ*

1) Hàn Phi cùng với Lý Tư cùng học ở Tuân-tử, sở-trường về hình-danh pháp-thuật.
2) Đương lúc nước Hàn nguy-cấp, ông dâng thư lên vua Hàn, mà vua không dung-nạp.
3) Tần Thủy-hoàng đọc sách Hàn Phi mà cảm-phục, triệu Phi sang Tần, bị Lý Tư ghen ghét đánh thuốc độc chết.
4) Còn truyền lại 20 quyển 55 thiên sách, phần nhiều là tự soạn.

Thống-hệ học-thuyết

1) Đạo gia... theo thuyết tự-nhiên vô-vi của Hoàng. Lão.
2) Nho-gia... theo thuyết lễ của Tuân-tử
3) Pháp-giả...theo thuyết { Tuyển-dụng nhân-tài của Thân-tử. Pháp-trị trọng-hình của Thương-tử.

} Điều-hòa = tập đại-thành cả tư-tưởng tự trước đời Tần.

Thuyết chính-trị

Điều cốt-yếu

1) Hợp cả thuật của Thân-tử (tuyển-dụng nhân-tài) và pháp của Thương-tử (pháp-trị trọng-hình) tổ-chức lại thành một học-thuyết.
2) Hợp cả pháp với thuật lại mà xướng ra một pháp-trị chủ-nghĩa rất cao.

Thuyết pháp-trị

1) Lấy pháp-trị làm nguyên-lý rất cao.
2) Bài-bác cả Nho, Mặc và các thuyết chính-trị khác, cho Nho, Mặc là hủ, Lão, Trang là huyền-hoặc.
3) Trị thiên-hạ cốt phải định pháp-luật cho nghiêm.
4) Pháp luật đã định thì dẫu ông vua, kẻ quyền-thần cũng không hay biến-đổi được.
5) Pháp-luật đã định rõ, thì dẫu không có vua hiền tôi giỏi, nước cũng có thể phú-cường được.
6) Bởi theo cái thuyết tính-ác của Tuân-tử, nên mới lấy nền pháp-trị làm chủ-nghĩa rất cao.
7) Người ta có cái tính lợi-kỷ, không thể lấy đạo-đức giáo-hóa được.

Luận về trọng-hình

1) Thiên-hạ không thuần là kẻ lương-dân theo phép luận, nên cần phải có hình-phạt để trị kẻ ác.
2) Hình-phạt là cốt để tỏ cái uy-lực của pháp-luật, để ngăn cấm tội ác lúc nó chửa phát ra.
3) Hình-phạt cho thật nghiêm, thì dẫu vàng bỏ rơi cũng chẳng ai lấy trộm.
4) Dụng trọng-hình thì tự khắc là không có kẻ ác dám phạm phép.

Hàn-phi

Thuyết chính-trị — *Kén dụng nhân-tài*

1) Dầu chỉnh-đốn pháp-luật chế-độ đến như thế nào, nếu không được nhân-tài thì cũng không thể trị được.
2) Ông vua phải xét biết tài-năng kẻ bầy-tôi mà dùng cho đáng.
3) Khi tuyển-dụng nhân-tài thì cần phải hư-tĩnh để xem xét.
4) Ông vua tuyển kẻ nhân-tài phải xét biết tâm điều gian.

Lời phê-bình

1) Hàn-tử cũng như các phái Pháp-gia, song cũng còn nhiều điều khuyết-điểm đáng chê.
2) Chủ-nghĩa pháp-trị rất cao, nhưng bàn về trọng-hình và tuyển nhân-tài, cũng còn nhiều chỗ khuyết-điểm.
3) Cứ xét về thời-thế bấy giờ, thì học-thuyết ông ấy thực là có trác-kiến.

DANH-GIA 名家

Danh-gia

Đại-khái

1) Các học-phái cuối nhà Châu thì phái Danh-gia có cái sức biện-bác rất lanh-lợi.
2) Cốt biện rõ cái quan-hệ danh với thực. (*Danh* là quan-niệm, mà *thực* là những sự-vật ở ngoài).
3) Tuy sở-trường về thuật luận-lý, nhưng không hay thuyết-minh được cho rõ lẽ, nên thường là lời quỉ-biện.
4) Trong phái Danh-gia cũng hay có cái tính chất Pháp-gia.
5) Những nhà Danh-gia trứ-danh là : Đặng Tích, Doãn Văn, Huệ Thi, Công-Tôn Long.

Đặng Tích-tử

1) Đặng Tích kiêm cả hai phái Danh-gia và Pháp-gia, vì quỉ-biện mà phải tội chết.
2) Danh-gia cốt là tuần-danh trách-thực bàn rõ về chỗ quan-hệ của vua tôi.
3) Bàn về danh-thực phần nhiều là cái thuật thống-ngự kẻ thầu-hạ.
4) Cái lệ quỉ-biện như nói núi cao với vực sâu bằng nhau, trời với đất cũng ngang bằng nhau, lưỡi câu có râu, trứng có lông,

Doãn Văn-tử

1) Doãn Văn-tử côn-cứ vào đạo Hoàng Lão mà xướng ra cái thuyết ẩn-kiện.
2) Không nói danh-thực mà nói hình-danh, cho *hình* cũng tức là *thực*.
3) Hình tuy rằng vẫn phụ hợp với danh, nhưng vẫn lìa nhau ra, nên cần phải biện hình với danh.
4) Không có lời quỉ-biện, trong nghị-luận vẫn thường bàn đến pháp.

Huệ Thi

1) Huệ Thi cũng có làm ra nhiều sách, nhưng không thấy truyền lại.
2) Trong lời đàm-luận có cái tính-chất phái Danh-gia rất là quỉ-biện.

Danh-gia

Huệ Thi

3) Qui-biện đại-loại như
- A.— Gà ba chân, là vì còn có một cái sở-dĩ nó hay bước đi được.
- B.— Bóng chim bay không động, là vì trong khi chớp mắt không thấy nó động.
- C.— Tên bắn ra không động, cũng vì trong khi chớp mắt không thấy động.
- D.— Chó trắng tức là chó đen, là vì mắt nó đen vậy.

4) Nguyên không phải chỉ lấy qui-biện làm mục-đích, tố-chí là muốn chính lại danh thực, để làm cho đạt tới đời trị.

Công-Tôn Long

1) Công-Tôn Long người nước Triệu, làm gia-khách Bình-nguyên-quân, có làm ra được 5 thiên sách.
2) Học-thuyết ông trứ-danh nhất là bài luận « *Bạch-mã phi-mã* » với bài luận « *Kiên-bạch* ».
3) *Bạch-mã phi-mã-luận*: Con ngựa là thuộc về hình, bạch là thuộc về sắc, nói ngựa với ngựa bạch, ý nghĩ có khác.
4) *Kiên-bạch-luận*: Như nói hòn kiên-thạch với sắc bạch của đá, đều có ý khái-niệm khác nhau.

BINH-GIA 兵家

Binh-gia

Yếu chỉ

1) Đời Chiến-quốc có một phái bàn-luận về phép chiến-đấu, gọi là phái Binh-gia.
2) Phái Binh-gia có nhiều người làm quân-sư cho các nước chư-hầu, lập được nhiều chiến-công hơn người.
3) Phái Binh-gia vẫn cho việc binh là đồ hung-khí, không nên hay động đến.
4) Tôn Võ, Ngô Khởi, Ủy Liệu là những nhà rất có tiếng trong phái Binh-gia.

Những binh-thư trước đời Tôn Ngô

1) *Ác-kỷ kinh.*— Là sách của Phong-Hậu bày tôi vua Hoàng-đế soạn ra.
2) *Lục-thao.* — Là sách của Thái-công Vọng Lã Thượng soạn ra.
3) *Tam-lược.*— Cũng là sách của Thái-công Vọng truyền lại, là một bài luận về binh-pháp mà rất trọng đạo-đức.

Tôn-tử

1) Tôn-tử làm tướng đời vua Ngô Hạp Lư, uy chấn-áp các nước lân-bang, còn để lại 13 thiên sách.
2) Sách của Tôn-tử văn-lý đầu đuôi nhất-quán, điều-lý rành-rọt, là thứ sách kiệt-tác trong binh-thư.
3) Sự cốt-yếu việc binh tại hay không tổn mạng người mà khuất-phục được người.
4) Tôn-tử bàn đồng-nhất lấy dân-tâm, Ngô-tử bàn hòa-thân lấy dân-tâm.

Ngô-tử

1) Ngô-tử thờ vua nước Lỗ, Văn-công nước Ngụy, Điệu-vương nước Sở, lập được võ-công to.
2) Nhưng thiên-tính khắc-bác, bị kẻ loạn-thần bắn chết, còn để lại sách 6 thiên.

Binh-gia

Ngô tử

3) Lời nghị-luận chính-xác, trật-tự chỉnh-tề, cũng giống như sách của Tôn-tử.

4) Chuyên bàn hòa-thân làm cốt-tủy cho binh-pháp, nói cần phải lấy lễ đãi kẻ chúng-sĩ cho hưng-khởi.

Úy Liệu tử

1) Sự-tích Úy Liệu-tử không tường, còn để di thư lại 24 thiên.

2) Sách của Úy Liệu-tử văn-chương giản-minh, hùng-kỳ, không cần phải chú giải mà cũng rõ ràng.

3) Bàn về chính-lý minh-pháp, không nói đến cái thuật quyền-mưu quỉ-quyệt.

4) Bảo rằng lấy kẻ chí-nhân đánh kẻ bất-nhân là điều cốt-tủy binh-pháp, thực là trác-kiến.

TẠP-GIA 雜家

Tạp-gia

Yếu-chỉ

1) Không có thuyết nào định nghĩa rõ về phái Tạp-gia.

2) Theo như sách này thì cho phàm những phái nào mà không thuộc phái Nho, Đạo, Dương, Mặc, Pháp, Danh, Binh đều là Tạp-gia.

3) Trong phái Tạp-gia trứ-danh nhất là phái nào hay chiết-trung điều-hòa các thuyết mà hay tự-lập làm một nhà.

Phái chiết-trung điều-hòa

1) Điều-hòa là hay lấy kiến-thức của mình, thâu-thái lấy những điều sở-trường của các thuyết mà tự thành làm một nhà.

2) Quan Doãn-tử (sự-tích đã kể ở trên).

3) Hạt-quan-tử (sự-tích đã kể ở trên).

4) Tống Hình-tử hay chiết-trung lấy cái nghĩa « quả-dục » của Hoàng, Lão, và cái nghĩa « Phi-công » của Mặc-tử mà điều-hòa lại.

5) Yến-tử kiêm cả chủ-nghĩa công-lợi của đạo Nho, đạo Mặc.

6) Tử-Hoa-tử xét về vũ-trụ thì theo phái đạo-gia, thuyết luân-lý thì lấy Nho làm chủ mà lại pha đạo Mặc.

7) Thi-tử rất trọng đạo Nho đạo Mặc, điều-hòa cả nghĩa-lý hai phái ấy để làm căn-bản cho thuyết của mình.

Phái Tung-hoành

1) Phái Tung-hoành chỉ lấy quyền-mưu thuật-số di du-thuyết, bảo các nước lấy mưu chiến-thắng.

2) Quỉ-cốc-tử bảo rằng cứ theo lẽ trời đất rồi lấy ý-chí mình mà xét về động-tĩnh biến-hóa.

3) Tô Tần học theo Quỉ-cốc-tử, bày ra thuyết hợp-tung, làm tướng cả sáu nước.

4) Trương Nghi cũng học Quỉ-cốc-tử, bày ra thuyết liên-hoành, mà chuyên giữ quyền-thế.

5) Công-Tôn Diễn, Tô Đại, Tô Lệ, Châu Tối, Lâu Hoãn, đều là thuộc về phái tung-hoành này cả.

Những phái tạp-gia khác

Trong phái Tạp-gia lại còn như Nông-gia, Âm-dương-gia, Tiểu-thuyết-gia, nhưng đây lược bớt.

(*Còn nữa*)

ĐỘNG-CHÂU *dịch-thuật*

CỔ KIM DẬT-SỰ

II

Sư Bật-Sô chùa Quang-minh
光明寺苾蒭僧

Chùa Quang-minh ở về làng Hậu-bổng, huyện Gia-lộc, bốn bề cây biếc, bốn mặt nước trong, phía trước có đường quan-lộ, phía tả có sông trường-giang, thật là một nơi cảnh-sắc phong-quang vậy.

Tục truyền khi trước có ông Bật-Sô-tăng, tên tự là Huyền-chân, tu-hành ở đấy. Sư Huyền-chân mộ đạo tu-hành, tụng kinh niệm phật, quên hết trần-dục, không còn nghĩ gì đến chuyện đời, người ta ai cũng khen là một vị cao-tăng đạo-đức. Đến khi tuổi đã già, có một đêm nằm ngủ ở hậu-phòng, chiêm-bao thấy đức Phật Di-đa xuống tòa bảo-điện, rồi đến trước án mà bảo rằng: « Ngươi có công-đức, tu-hành đã lâu, một điềm thiện-tâm, thông đến huyền-giám, sau này được sinh làm vua nước Tàu, bảo cho ngươi biết trước ».

Lúc sư Huyền-chân tỉnh dậy, gọi các đạo-đồ mà bảo rằng: « Ta từ khi nhỏ xuất-gia, nương nhờ cửa Phật, những mong thoát hết trần-duyên, tu tròn quả phúc, kim-liên bảo-tọa, may được siêu-thăng; không ngờ ngày sau luân-hồi, lại vì công-phu giới-hạnh bấy lâu, được dương một địa-vị rất khó-nhọc ở trên trần-thế. Vả lời thề nhật nguyệt quốc-quân, người trước đều không muốn cả, hay là kinh Đại-thặng tử-địa, ta chưa tụng mà thế chăng. Nay việc ấy đã có đức Phật báo tin đêm qua rồi, các con nên nhớ lời ta. Khi ta mất nên viết mấy chữ làm ghi, để sau này sẽ nghiệm ».

Đến khi mất, đạo-trường theo lời di-chúc, viết mười chữ son vào vai, theo phép nhà phật hỏa-táng thu sá-lợi để vào cái bình bằng bạc mai táng, rồi xây tháp đá để thờ.

Về sau có quan Lễ-bộ Tả-thị-lang người làng Tiền-liệt, huyện Vĩnh-lại, tên là Nguyễn Tự-Cường, khi ngài còn nhỏ, lên học ở kinh-đô, đường đi qua chùa, thường vào chùa nằm nghỉ, cũng thường khi đăng-lâm ngoạn-cảnh, nhưng ông cũng không biết đó là chùa Quang-minh. Sau ông Cường thi đỗ tiến-sĩ đời vua Lê Kính-tôn, phụng-mệnh sang sứ Tàu, lúc vào bệ-kiến, vua Tàu gọi đến hỏi rằng: « Ngươi là đại-thần nước Nam, hẳn biết danh-lam trong nước, vậy chùa Quang-minh là chùa nào? » Ông Cường quì tâu rằng: « Hạ-quốc danh-lam rất nhiều, như chùa Báo-thiên ở xã Quỳnh-lâm, chùa Qui-do ở xã Phổ-minh, những chùa ấy tôi vẫn được nghe, đến như chùa Quang-minh ở về đâu thì tôi chưa được biết, nay thánh-thượng hỏi đến, dám tâu có duyên cớ gì? » Vua Tàu ngậm-ngùi nói rằng: « Trẫm từ khi mới đĩnh-sinh, ở trên vai có ngấn son mười chữ rằng: « *An-Nam quốc, Quang-minh tự, Sa-việt tỳ khâu* 安南國光明寺沙越比丘 ». Hình như kiếp trước trẫm là ông sư chùa ấy, nay mới giáng-sinh ở Trung-quốc này chăng? Nay trẫm muốn rửa sạch ngấn chữ, không biết dùng diệu-thuật gì? » Ông Cường tâu rằng: « Tôi nghe Phật-đồ có bát đức tẩy trần, thánh-thượng nếu quả ở chùa ấy giáng-sinh, thì xin dùng nước giếng chùa ấy mà rửa thì mới sạch. » Vua Tàu phán rằng: « Ngươi nói có lẽ nên vì trẫm kíp về bản-xứ, tìm lấy nước giếng chùa ấy sang. Khi ấy trẫm sẽ thử dùng ». Ông Cường bái tạ về nước

tâu với vua ta, rồi đi bỏi khắp mọi nơi, nào ngờ đâu lại là chùa làng Hậu-bổng mà khi trước mình vẫn vào nghỉ nhờ.

Đến năm sau ông Cường lại phụng-mệnh sang sứ Tàu, nhân đem nước giếng ấy đến Y-n-kinh dâng lên, vua Tàu lấy nước thử rửa, quả-nhiên ngấn chữ sạch hết, mầu da lại nhuận-trạch thêm. Vua Tàu liền gọi ông Cường vào trướng-dụ rằng : « Trẫm được nhà ngươi khải-cáo, biết được túc-duyên, nếu không thì ngấn chữ bao giờ được sạch, ngươi nên vì trẫm làm lại chùa ấy, làm tân-tạo cả, để cho bây giờ được hơn năm trước, không những được phu lòng báo-bản của trẫm, lại được biển tiếng nước ngươi có chung-linh làm được đại-đế nước Trung-hoa, đó là một sự hiếm có trong lịch-sử, nay Trẫm giao cho ngươi ba trăm lạng vàng, ba nghìn lạng bạc, đem về tạo-tác Phật-tự, làm ba-mươi-sáu tòa sen, và m t cây đèn vàng, một cây đèn bạc, để làm đồ thờ Phật. Khi ngươi về nước, nên làm cho xong công đức ấy đi, đừng để phụ lòng Trẫm ; nếu không thì nhà Phật đã có phúc họa báo ứng, hoặc ở đời ngươi, hay ở con cháu ngươi. » Ông Tự-Cường lạy tạ trở về, đem việc ấy tâu với vua ta, vua ta cũng lấy làm lạ, phán cho y mệnh, ông Cường lấy vàng bạc ấy mua gỗ thuê thợ làm một tòa chùa n ới, trước sau ba-mươi-sáu tòa se , tráng-lệ nguy-nga, thật rực-rỡ bầu trời cảnh Phật, lại xây một tháp Phù-đồ, gần một trăm cấp ; duy còn hai cây đèn vàng bạc, để làm của riêng nhà mình, mà đúc đèn sắt thế vào.

Về sau chúa Trịnh Triết-vương nghe ông biết xem tướng giỏi, thừa-nhân hỏi rằng : « Những con ta ai có thể nối được nghiệp vương?» Khi ấy Vạn-Quận-công vang dắc-sủng, ý muốn tranh quyền đoạt trưởng, mà Tĩnh-vương vị thứ chưa định, ông Cường lấy tướng thuật tâu với chúa Trịnh rằng : « Chỉ có Tĩnh-đô-vương là nối nghiệp được! Vạn-Quận-công nghe tiếng căm giận, gi i-cách gọi lại hỏi việc riêng, rồi đánh thuốc độc chết.

Sau ông Văn-tổ Nghị-vương lên làm chúa, tặng-phong cho ông làm chức Thái-bảo, ước Quận-công. Con cháu ông đến nay hãy còn, nhưng bần tiện lắm, thực nghiệm vì lấy của Phật mất hai cây đèn.

Chùa ấy về sau gặp cơn binh-hỏa, bị tàn-phá hết, chỉ còn một cái tháp mà thôi.

Trương Ba 張巴

Ông ở làng La-chàng, huyện Thiên-thi (nay là phủ Ân-thi) có đền thờ vua Đế-thích, phương-dân sùng-bái, rất là biển-linh, gần đấy là làng Mão-cầu có một nhà, hai chị em gặp lúc binh-hỏa, trôi giạt sang nước Ai-lao, đến khi lớn nhớ đến quê quán muốn về, nhân mặt-đảo đến vua Đế-thích, nhờ ngài bảo-hộ cho về, thì xin phụng-sự suốt đời. Tự-nhiên một hôm hai chị em ở nước Ai-lao về, hình như có người dẫn đường cho, đi chóng như bay, không mấy lúc đã trở về đến làng. Liền đem nhau đến đền lễ tạ ; khi mới sụp xuống lễ, tự-nhiên hình-hài biến mất, chỉ còn lại hai món tóc mà thôi. Dân làng cho là thần, lấy tráp sơn dựng hai món tóc, lập miếu để thờ, gọi là Đế-phi-miếu. Từ đấy phương-dân gặp khi đại-hạn, thì rước tượng vua Đế-Thích đến miếu làng ấy, thì trời lại mưa to, đến nay hãy còn thờ phụng.

Về sau có một người ở làng Liêu-hạ, huyện Đường-an, tên là Trương Ba, có tiếng đánh cờ cao, không ai địch nổi. Một hôm Ba đánh cờ với người ta, thấy người ta có thế thua, vỗ tay nói khoác rằng : « Nước cờ này đến ông Đế-Thích giáng-sinh, cũng không cứu nổi. » Bỗng chốc thấy một ông lão đến bên, bảo hộ cho người kia, nước cờ lại có thế thắng

Ba nghĩ thầm rằng : Mình vẫn có tiếng cờ cao, không ai hơn được, nay người này khéo tính, có chước thần-xuất quỉ-một, quyết không phải là người phàm-trần. Nghĩ vậy, thôi không đánh cờ, chạy vào trong nhà tìm kiếm không có thứ gì để cung, chỉ còn có một nải chuối, nhân sắp khăn áo tử tế, đem nải chuối đến trước mặt ông già ấy mà dâng mời, rồi vái lạy nói rằng: « Ngài là bậc tiên-thánh giáng phàm, tôi thực lòng chiêm-ngưỡng ». Ông già bảo rằng: « Tôi là một lão nhà quê, người sao kính-trọng đến thế » Trương Ba nói mãi, ông già mới bảo thực rằng : « Ta đích là ông Đế-Thích trong đền, nhân vì ngươi nói không kiêng, vậy ta phải đến, không ngờ ngươi vật-sắc có kiến-thức hơn người. Nay ta cho ba nén bình-hương, ngươi nên cất kỹ, khi nào có nạn, đốt hương khấn cầu, ta sẽ lập-tức đến cứu ». Nói xong thì biến mất.

Sau Trương Ba phải bệnh chết, người nhà quên lời thần dặn, không khấn cầu đến, đến hôm bách-nhật, người vợ nhân quét dọn nhà, thấy những nén hương mới đem đốt đi. Một lát thấy có một ông già đến, hỏi Trương Ba đâu, người vợ mới khóc nói chồng chết đã trăm ngày rồi. Ông già bảo rằng : « Tiếc thay ! không cầu ta đến sớm, nay đã giải-phách lâu rồi, không làm sao được ».

Bấy giờ ở làng bên, có người hàng thịt chết mới chôn xong, ông già bèn cùng vợ Trương Ba đến chỗ mồ đào mở ván ra, ông già vận thần-thuật, thu hồn-phách Trương Ba nhập vào thây người hàng thịt, một lát Trương Ba lại sống, ông già kia thì biến không thấy đâu.

Sau nhân đi chợ, vợ người hàng thịt trông thấy lập tức đến ôm mà gào khóc, vợ Trương Ba mắng rằng : « Đích chồng người ta, sao chị nhận quàng như vậy. » Vợ người hàng thịt cũng nói : « Rõ ràng hình-dung chồng tôi, cả làng cùng biết, sao chị lại còn tranh. » Hai bên tranh nhau, đem lên quan kiện, quan hỏi vợ người hàng thịt rằng : « Chồng mày bình-nhật làm nghề nghiệp gì ? » Thưa : « Làm nghề thịt lợn ». Hỏi vợ Trương Ba rằng : « Chồng mày làm gì ? » Thưa : « Đánh cờ cao ». Quan liền sai ra thử làm thịt lợn, thì không biết làm, lại thử cho đánh cờ, thì cờ cao không ai địch nổi, quan đoán đích là Trương Ba, cho về vợ chồng xum-họp, mà vợ người hàng thịt không được vọng-tranh.

Nay ở đền làng Liêu-hạ, chính giữa tạc tượng vua Đế-Thích, bên tả có tượng Trương Ba, trước mặt có một cái bàn cờ. Mấy phen binh-hỏa, các đền miếu đều bị đốt phá, chỉ còn đền này vẫn không hề gì, thực là đại-linh-từ trong một phương vậy.

Võ Đăng-Hiền 武登賢

Đương đời nhà Lê vào khoảng niên-hiệu Vĩnh-thọ đời vua Thần-tôn, là hồi nho-phong đang thịnh, cát-sĩ rất nhiều, như làng Mộ-trạch Hải-dương, khoa thi nào cũng đi đến tám chín người, mà ít ra cũng bốn năm người đỗ, đỗ liền liền mãi, coi lấy làm thường. Đến năm bính-ngọ có quan Thái-sử là Nguyễn Văn-Lễ, tính người liêm-trực, ngài nghĩ trong làng Mộ-trạch, xưa nay đỗ nhiều như vậy, tất có tư-gian, nhân xin làm chức đề-điệu tỉnh Hải-dương, để khám xét. Đến kỳ đệ-tử, ngài bắt đào đất làm hố, bắt các sĩ-tử mỗi người ngồi trong một hố, che lều ở trên, để phòng sự thi gian. Khi quan đồng-khảo, chấm văn xong đưa lại, ngài lại sức các quan phúc-khảo, xét kỹ xem quyển nào văn-lý tinh-thuần, cả quyển không dấu vết gì, mới được dự phê. Quan phúc-khảo chọn được mười quyển, ngài bình lại cả, chỉ lấy sáu quyển thôi. Đến khi bợp-phách, quyển ưu-phân là ông Vũ Đăng-Hiền người làng Mộ-trạch, nhất-cử đỗ thủ-khoa, quyển đệ-nhị, đệ-

tử cũng người làng Mộ-trạch, còn ba quyển đệ-tam đệ-ngũ đệ-lục, thì người làng Cổ-am huyện Vĩnh-lại, làng Ngọc-cục huyện Đường-an, và làng Lạc-thực, huyện Thanh-lâm. Một khoa đỗ có sáu người, mà làng Mộ-trạch được một nửa, các quan lấy quyển ra xem, thì văn-lý ba quyển đều khác nhau, không bắt-chước nhau gì cả, bấy giờ ông Lễ cũng phải ngợi khen, và mới tin đất Mộ-trạch là đất thế-xuất danh-nho, mà văn-hành công-khí, thực hẳn không tư.

Sau ông Vũ Đăng-Hiền ưu khoa Hoành-từ, đỗ hội-thi, phú ưu-phẩu quán tam-trường, mà vẫn giận thanh-vận chưa thỏa chí. Ông Hiền làm quan đến chức Tham-nghị Kinh-bắc, nhân nhà có cha mẹ già, xin từ quan về phụng-dưỡng, mở trường dạy học, học trò ông thành-đạt rất nhiều, tôn ông là đương-thế tôn-sư.

Nguyễn Thế-Nghi 阮世儀

Ông Nguyễn Thế-Nghi người làng Mộ-trạch hạ, là cháu họ ông trung-quan Thế-Ân, lại là đường-đệ ông phò-mã Thế-Tứ, ông là người tính rất ngạo-ngược, không giữ lễ-nghĩa, mà chí-khí cao-thượng, lúc nhỏ đã làm văn hay, mà văn quốc-ngữ lại càng hay lắm. Đến năm ông mười lăm tuổi thi đỗ hương-cống, bấy giờ các quan đồng-khoa vào lạy tạ quan trường, đều đội mũ ô-sa, bận áo thanh-cát, ông một mình đội mũ mã-vĩ, bận áo đại-hồng, quan-trường thấy ông như vậy, nhưng còn e thế-lực anh ông, nên cũng không dám hạch.

Ông thường vẫn chơi với Mạc Đăng Dung, đến đời Thống-nguyên, Đăng-Dung tiếm-vị, ông sinh lòng yếm-thế, không cầu vận-đạt, xuất-gia tu ở chùa Trường-sinh trong kinh-thành. Một hôm Đăng Dung chợt đến chùa, muốn phong quan chức cho ông, ông nhất-định xin từ, chỉ xin một chữ gì để gọi, nhân xin hai chữ « Đại-hưng » Đăng Dung liền phong cho làm Đại-hưng-hầu.

Ông thường ngâm láo một câu quốc-âm, để ở bên cửa Đại-hưng rằng : «*Anh-hùng ai ấy nhung-nhăng, nào ai đến cửa Đại-hưng chẳng luồn* ». Ý nói ai ai cũng ở dưới mình vậy.

Đến cuối đời nhà Mạc, bấy giờ vua Mạc hoang-dâm, trễ nải việc nước, ông có làm một truyện quốc-ngữ, để ngụ ý chê bai, vua Mạc cũng không nỡ bắt tội.

Nguyễn Toàn-An 阮全安

Ông Nguyễn Toàn-An người làng Thời-cử, đương đời Hồng-đức nhà Lê, ông đi lính, canh đền dẫy cỏ, gặp đêm trung-thu, các quan đến triều-thị, nhân mặt trăng mờ tối, vua ra một bài thơ đề là : « *Trung-thu vô-nguyệt* ». Các quan còn làm chưa xong, ông làm xong trước đem qui dâng, các quan than rằng : « Người lính mà cũng biết làm thơ, thôi lại đánh trống qua cửa sấm ». Sai ông đem thơ lại xem, thơ có câu rằng :

Mạc đồ kim phiên nhân vọng nguyệt,
莫視今番閒望月
Lai thu vọng nguyệt nguyệt di cao.
來秋望月月彌高

Các quan xem thấy đều thán phục, nhân tâu vua tha cho ông về. Đến khoa nhâm-thìn, bấy giờ ông hai-mươi-ba tuổi, nhất-cử đỗ khoa hương, rồi thi hội thi đình đỗ ngay Bảng nhãn.

Ông vinh-qui chưa được mấy, thì gặp nhà có tang, bấy giờ luật-pháp rất nghiêm, hễ cư-tang mà vợ có thai, thì đều phải tội, ông cư-tang ba năm, không dám gần nữ-sắc, lúc mãn-tang rồi thì ông mất ngay, vì thế mà vô-tự, sau vua nghe nói cũng động lòng thương, mà điều cấm « cư tang sản dục » cũng bỏ từ đấy.

Quách Giai 郭佳

Ông Quách Giai người làng Phù-khê, huyện Đông-ngàn. Khi ông còn chưa sinh, gần làng ông có một người vẫn đi ăn trộm, một hôm tên trộm kia đến làng ông ăn trộm, gặp lúc người ta chưa ngủ yên, tên trộm vào nằm ở sau miếu, không ngờ nằm ngủ đi mất, đến gần sáng mới tỉnh, thình-lình nghe có tiếng ỷ-ầm, thấy người đi ở ngoài vào, và người trong miếu ra đón hỏi rằng: « Hôm nay làm sao về chậm? » Người kia đáp rằng: « Gặp khi chầu Thượng-đế, cùng các tào hội bàn, đêm hôm nay cho một quan Thám-hoa giáng-sinh ở làng này, có viên nói người làng này kém phúc, sợ không xứng chăng, còn xin biệt-nghị. » Nhưng Thượng-đế phán rằng: « Nghiệp đã cho rồi, bất-tất hoán-cải, nhà ấy quả là kém phúc, sau này Thượng-đế sẽ định-đoạt sau vì thế nên phải về chậm ». Bấy giờ tên trộm vẫn ở sau miếu nghe trộm, nghe tường-tất cả, đêm ấy không ăn trộm nữa, nhân đi khắp trong làng, xem nhà nào sinh. Đến sáng mai biết ông sinh ở nhà ấy, liền đến nhà nói hết chuyện mình nghe thấy ở miếu kia, nhà ông nghe nói đã ăn mừng sẵn.

Ông mới sinh ra đã dĩnh-ngộ, có tiếng thần-đồng, về sau nổi tiếng văn-học, đến khoa qui-hợi đời Chính-hòa, ông thi đỗ tiến-sĩ đệ-nhất-giáp đệ-tam danh (thám-hoa).

Có một khi nhân tòa Nội-các rồi việc, đức Thiệu-tổ Khang-vương hỏi các quan thị-thần rằng: « Hàn Tín đưa thư cho nước Yên có câu rằng: « Bạch-lộc bão-tuyền » thì sự-tích ở đâu? ». Các quan không ai đáp được, ông qui tâu rằng: « Sự tích ở sách *Hán-thư* ». Chúa Trịnh sai ông về nhà đem sách lại, rồi khen là người học rộng, có khi nhân việc phải khiển-trách, ít lâu lại bổ dùng, làm quan đến chức Đốc đồng xứ Thanh-hoa, rồi làm đến chức Thị-lang, sau mắc phải bệnh phong phải về hưu, bấy giờ mới nghiệm lời tên trộm nghe ở trong miếu là thực.

Lê Nại 黎耐

Ông Lê Nại là em ông trạng-nguyên Lê Đỉnh, người làng Mộ-trạch, ông từ lúc nhỏ đã nổi tiếng thần-đồng, tiếng tăm lừng-lẫy, tính người sắc-mắc, ông Đỉnh vẫn thường ức-chế. Đến khoa ất-sửu, hai anh em cùng vào thi, ông có điều không nhớ hỏi ông Đỉnh, ông Đỉnh bảo rằng: « Khoa này chỉ thi với chú, nếu ta bảo chú, thì còn thi với ai ». Ông tức giận nói rằng: « Khoa này tôi hãy nhường anh ». Nói rồi nhổ lều chiếu ra, tập-túc trở về.

Khi về đến nhà, đêm đã canh ba, không dám gọi cửa, đành ngủ ở ngoài hiên. Đêm hôm ấy bà mẹ ông nằm chiêm-bao có người bảo rằng: « Ngoài hiên có quan hoàng-giáp, sao không mở cửa đón ngài vào. » Lúc bà tỉnh dậy tự nghĩ rằng: Nay kỳ thi hội, hai con ta đều vào Kinh thi, còn quan Hoàng-giáp nào ở ngoài hiên ta. Liền mở cửa ra thấy người nằm ngủ ở ngoài thềm, gọi xem thì ra ông Nại. Bà mẹ hỏi, ông đem sự thực thưa trình, bà nói rằng: « Thế là con chưa học đến, từ nay nên phải gia công ». Ông lập tức đốt đèn xem sách, bà mẹ cười mà bảo rằng: « Thôi cậu thi hỏng, lại còn giở giọng giận hờn, chỉ sợ không chăm được mãi, rồi lại hoang-phóng mà thôi ». Ông từ bấy giờ phấn chí, ngày đêm học tập, tay không lúc nào dời quyển sách.

Bấy giờ ông Đỉnh thi đỗ trạng-nguyên, được bổ làm chức Trụ-giám giảng-quan, tác-thành được nhiều người, ông lúc nhàn rỗi đến kinh, đón các học-trò mà bảo rằng: « Kinh-tịch ta biết thừa, ai muốn hỏi nghĩa gì, đến phố hàng Dưa ta sẽ giảng ». Học-trò vẫn biết tiếng ông, muốn xem tài-học của

ông thế nào, cùng nhau đem sách đến hỏi, hỏi dân ông giảng đấy. Nói trôi chảy như dòng nước chảy xuôi, có người hỏi ông các sách ngoại-thư, ông cũng ứng đáp thiệp-liệp, người đều kính-phục, tranh nhau lại xem nghe. Vì thế mà trường Tụ-giám vắng không, ông Đỉnh phải gọi ông mà răn bảo rằng: « Tài em lo gì chẳng đỗ cao, không nên đón học-trò xúm nhau bàn bạc như thế, để cho trường học khuyết-giảng, thực có quan-hệ đến sự phong-hóa rất to », bấy giờ ông mới thôi về.

Đến khoa tân-mùi, ông thi đỗ đệ-nhị-giáp tiến-sĩ, ông còn giận là mình không được đỗ cao. Về sau làm quan đến chức Lại-bộ Cấp-sự-trung.

Lê Đỉnh 黎鼎

Ông Lê Đỉnh người làng Mộ-trạch, khi còn nhỏ rất chăm học, đến năm hai mươi bảy tuổi, thì đỗ giải-nguyên. ở trong làng có quan Thượng-thư là ông Vũ Quỳnh, gọi gả con gái cho, và cho ở gửi rể. Từ khi ông đến ở gửi rể, chỉ giong chơi suốt ngày, không hề xem gì đến sách vở, ông Quỳnh lấy làm lạ, hỏi thân-phụ ông rằng: « Vẫn nghe tiền-tế chăm học, sao nay lại lười biếng không học hành gì? » Thân-phụ ông nói rằng: « Từ khi cháu đến nhà ông, ông cho ăn bao nhiêu? » Ông Quỳnh nói rằng: « Nho-gia thanh-đạm, ăn uống có bao nhiêu. » Thân-phụ ông nói rằng: « Cháu ăn rất lạ, mà ông cho ăn tầm-thường, bẩn cũng có điều bất-mãn ». Ông Quỳnh nghe nói, cho ăn bằng hai khi trước. Từ đấy ông mở sách xem qua một hai lần; cho ăn đến một nồi ba, thì ông học đến canh ba, cho ăn nồi tư, thì ông học đến canh tư. Ông Quỳnh thấy vậy, nói rằng: « Rể ta xem thực hơn người, liền mỗi bữa cho ăn đến một nồi năm, thử xem thế nào? » Từ đấy ông học suốt năm canh, ông thường làm bài tán rằng:

慕澤先生
Mộ-trạch tiên sinh,
以食爲名
Dĩ thực vi danh;
十八鉢飯
Thập bát bát phạn,
十二鉢羹
Thập nhị bát canh;
魁元及第
Khôi nguyên cập-đệ,
名冠羣英
Danh quán quần anh;
蓄之也鉅
Súc chi dã cự,
發之也宏
Phát chi dã hoành.

Đến khoa ất-sửu năm Đoan-khánh đời vua Uy-mục-đế nhà Lê, ông thi hội, năm kỳ đều thứ nhất, thì đình đỗ trạng-nguyên, làm quan đến chức Hộ-bộ Tả-thị-lang.

Tể-tướng hai triều

Phan Đình-Tá là người làng Phù-lưu, huyện Thiên-lộc, thì đỗ tiến-sĩ khoa quí mùi đời Cảnh-thống nhà Lê, làm quan từ triều vua Hiến-tôn vua Uy-Mục, vua Đà-giương-vương, vua Tương Dực-đế, mãi đến triều vua Cung-đế làm quan đến chức Thượng-thư. Bấy giờ Mạc Đăng-Dung muốn ép bắt vua Cung-đế nhường ngôi, đem một trăm cân vàng đút cho Đình-Tá. Đình-Tá bèn cùng Hoàng Văn-Tán âm-mưu làm tờ chiếu thiện-vị. Lúc Đăng-Dung tiếm ngôi vua rồi, cho Đình-Tá làm tướng, quan đến nhất-phẩm. Đình-Tá chế một cái biển đề bốn chữ « *Lưỡng triều tể-tướng* » mỗi khi đi đâu, sai người cầm cái biển đi trước. Khi ấy có một người học trò dạy trẻ con làm một cái diều, đề bốn chữ « *Thiên cổ tội nhân* » vào đuôi diều, hễ thấy Đình Tá đi đâu, thì sai trẻ con cầm cái diều đi theo đấy. Sau Đình-Tá thác xuống âm-ty vua

Diêm-vương luận cái tội bán nước, tâu với đức Ngọc-hoàng, bắt phạt lại xuống làm kiếp ngựa. Đinh-Tá nghĩ rằng làm kiếp ngựa, phải người ta khu-sách đánh đập nhục lắm, nhưng lưới trời không sao trốn lọt, bèn tự xin làm kiếp người đi ăn xin, Diêm-vương hứa cho. Khi ấy có một ông lão người làng Phù-lưu đi buôn cau đến kinh-thành, đậu thuyền ở bến Chương-dương, thình-lình thấy một người ăn bận quần áo rách lang-thang, xuống thuyền ăn xin, gọi bảo ông lão kia rằng : « Có phải ông người làng Phù-lưu không ? » Ông lão kia hỏi thì nói rằng : « Tôi với ông là người cùng làng, tôi tức là Phan Đình-Tá đây. » Ông lão kia bảo rằng : « Ông ngày trước làm quan nhất-phẩm, sao lại ăn bận như vậy ? » Anh ăn xin gạt nước mắt nói rằng : « Tôi nguyên là quan Thượng-thư triều trước, đến khi thác xuống âm-ty, đức Ngọc-hoàng luận cái tội phản nhà Lê theo nhà Mạc, bắt tội giáng-sinh làm kiếp ăn xin, nay may được gặp người làng ở đây, chắc cũng được một bữa no bụng ». Ông lão kia nhận kỹ hình dạng và tiếng nói, thật hệt Đinh-Tá không sai, bèn đãi cho một dấu gạo và một tiền đen, anh ăn xin lạy tạ đi nơi khác.

Mai Sĩ-Khảng 枚士慷

Sĩ-Khảng là người huyện Nga-sơn 峨山, tỉnh Thanh-hóa, nguyên họ là họ Nguyễn, vì người cô lấy chồng về họ Mai không may góa chồng sớm không có con, nuôi Khảng làm con nuôi, bởi vậy theo họ là họ Mai. Khảng từ lúc bé đã kính cẩn đứng-đắn, trong làng ai cũng ngợi khen, lúc lớn dân làng bầu làm lý-trưởng, Khảng trông coi việc làng rất là chu-chí. Một mình chịu bốn cái tang, mà đều làm nhà gần mả ở ba năm, coi bố mẹ nuôi cũng như bố mẹ đẻ.

Ở xứ ấy gần liền với sơn-lâm, ban đêm hùm beo thường đi lại chung quanh nhà, Khảng cũng coi thường, mà hùm beo cũng không vào đến. Có một đêm hùm vồ được một con lợn, đem để ở trước mả, bình như bày đồ tế cúng ; đến sáng người mất lợn đi dò tìm thấy, Khảng nói chuyện cho nghe, người mất lợn vác lợn về, hai bên đều vui vẻ không ngờ gì nhau.

Sau có một người lái buôn người tỉnh Nghệ ra buôn bán ở Bắc-kỳ về, sợ đi đường có sự ngại trở gì chăng, nên vào ngủ đỗ ở nhà Khảng, rồi đem tiền của chôn giấu ở sau vườn ; đến khi người lái buôn trở về, quên không lấy của, mấy hôm sau người con Khảng đào đất trồng cây ở sau vườn, đào được sáu-mươi lạng bạc, về nói với Khảng, Khảng sai con y số cất đi, Được ít lâu người lái buôn đến, Khảng hỏi chuyện, người lái buôn nói thực-tình, Khảng sai con đem y số tiền ấy trả lại cho, người lái buôn từ tạ rất lấy làm tâm-phục Khảng là một người trưởng-giả. Sau trong tổng bầu Khảng ra làm tổng-trưởng, người trong tổng đều ngợi khen ân-đức, cửa nhà hòa-thuận, làng xóm nể vì, người con là Đồng 仝 cũng sẵn gia-huấn, tính hạnh cũng như cha. Năm Minh-mệnh thứ 8, triều-đình ban chiếu tinh biểu.

Nguyễn Văn-Tựu 阮文秋

Nguyễn Văn-Tựu người làng Đồng-xuân 同春, tỉnh Phú-yên 富安, tính rất hiếu thuận, dẫu có vợ con rồi, mà vẫn theo ăn ở với cha mẹ, ngày đêm thăm viếng, lựa ý chiều lòng. Đến khi cha mẹ chết, làm nhà gần mả ở, gối đất nằm rơm, ngày đêm không lúc nào đi khỏi mả. Trong nhà nghèo khó, mà những sự dưỡng-sinh tống-tử, thật là bết đạo, hiếu hạnh ai cũng phải ngợi khen. Con ông Tựu là Thiệu 紹, tính nết cũng y như cha, lúc cha ốm, ngày đêm hầu hạ không lúc nào dời ở bên

cha, bữa nào cha không ăn, thì Thiệu cũng không ăn, lúc cha mất, Thiệu cũng làm nhà bên mả ở, cái tình thương xót cha, làng xóm ai cũng cảm-động.

Năm Minh-mệnh thứ 4 nhà vua ban-cấp cho tiền bạc gấm vóc rất hậu, và tinh-biểu cho ông Tựu biển đề ở cửa bốn chữ «*Hiếu thuận khả phong* 孝順可風». Đến năm Minh-mệnh thứ 8, được mông ân với vào bệ-kiến và ban thưởng cho.

Năm Minh-mệnh thứ 18, lại ban thưởng cho ông Thiệu tiền bạc gấm vóc, và tinh biểu cho bốn chữ « *Khắc thiệu hiếu phong* 克紹孝風 ». Năm Thiệu-trị thứ 3 lại mông-ân gia-thưởng; quốc ân đầm thấm ở cửa nhà hiếu-tử, thực vẻ-vang thay!

Nguyễn Văn-Liễu 阮文柳

Nguyễn Văn-Liễu người huyện Yên phước, tỉnh Bình-thuận, mới lên tám tuổi đã bồ-côi cha, được bà mẹ ở góa thủ-chí nuôi con. Liễu phụng thờ rất là chu-chí, khi dem dồ ăn uống, tất qui mà dâng lên, ấp lạnh quạt nồng, sớm thăm tối viếng, việc gì cũng theo y cổ-huấn. Đến khi mẹ chết, Liễu làm nhà ở ven mả ở để học lễ-kinh. Trong ba năm ấy, dạy học-trò không khi nào uống rượu. Đến năm Minh-mệnh thứ 8, triều-đình ban chiếu tinh-biển cho ông.

Nguyễn Cư-Sĩ 阮居仕

Ông Nguyễn Cư Sĩ là người huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, là cháu cụ Khai-quốc công-thần Tân-minh hầu Nguyễn Cư-Trinh 阮居貞. Năm Minh-mệnh thứ 3, bấy giờ Cư-Sĩ mới mười bốn tuổi, cha là Cư-Tuấn 居俊 làm quan Cai-bạ ở dinh Quảng-trị, vì sự tham-tang phải tội đồ, ông Cư-Sĩ dâng sớ kêu xin đi ở tù thay cha, triều-đình hứa cho, xích ông dem đi dầy, ông vui lòng chịu tội, không có sắc oán hối gì, mà cũng không có ý e sợ gì, vua nghe tiếng khen rằng: Ông Cư-Trinh có cháu khá, liền tha tội cho. Đó là cái thiên-tính của ông từ khi nhỏ đã như vậy. Khi cha ông ốm, ông thuốc thang hầu hạ, không kém gì người hiếu-tử đã lớn tuổi. Sau mông-ân ban biển tinh-biểu mấy chữ « *Hiếu hạnh khả phong* 孝行可旌 ». Về sau ông đi học thi đỗ làm quan đến chức Bố-chính.

Nguyễn Văn-Phùng 阮文逢

Nguyễn Văn-Phùng là người huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an, lúc cuối đời nhà Lê, người cha bị tuyển đi lính, ông Phùng xin đi thay cha. Được ít lâu có công-lao được thăng chức thiên-hộ, thiêm-sự-tổng-trị, sau vì có cha mẹ già xin về phụng-dưỡng. Gặp lúc địa-phương ấy có nước bể tràn lên, người và súc-vật chết hại rất nhiều, người cha ông thì trèo lên trên cây để tránh nước, còn bà mẹ ông bấy giờ đang ốm, ông vội vàng cõng mẹ lên nóc nhà, người con gái bé của ông không chạy được, chết đuối ở dưới nước ông cũng đành mặc không nhìn đến. Lúc cha ông chết, ông chôn cất tử-tế, tình lễ chu-chí; bà mẹ ông không may phải chứng ung-thư, ông tự mình trông nom thang thuốc, hơn một năm không lúc nào dời bên cạnh mẹ, lúc mẹ chết cũng tang tế không khác gì lúc tang cha. Khi mãn-tang rồi, vẫn mỗi tháng ba lần ra thăm mộ, suốt cả đời lúc nào sực nhớ đến mẹ cha, lại kêu trời khóc đất, đến năm Minh-mệnh thứ 8, tiếng hiếu-hạnh nghe đến tai vua, vua ban chiếu tinh-biểu.

Tạ Hữu-Độ 謝有度

Ông Tạ Hữu-Độ người huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an, bồ-côi từ thuở nhỏ, mà có tính hiếu-học. Đương đời vua Tây-sơn, quân giặc đi đến đâu cũng cướp bóc, các miền thôn-quê náo-động, nhân-dân rất là khốn-khổ. Khi quân giặc đến huyện Đông-thành, bà mẹ ông đi trốn lánh, phái giặc bắt

được toan giết đi, ông đem thân đến trông nom mẹ, khóc-lóc xin với giặc để chết thay, giặc khen mà tha cho. Lúc mẹ ông già ốm, thuốc thang cơm cháo, thứ gì ông cũng tự mình trông coi, đến hơn một năm, không lúc nào ông dám trễ-nải; lúc mẹ chết ông tang tế chu-đáo, ngày ngày ra trước mồ mẹ gào khóc, cái tình thương xót đến người đi đường ai cũng phải cảm-động. Sau việc đến tai vua, năm Minh-mệnh thứ 8, nhà vua ban chiếu tinh-biểu. Sau ông có con là Khuê 珪 làm quan đến chức bố-chính Quảng-bình.

Nguyễn Đình-Tế 阮廷祭

Nguyễn Đình-Tế là con ông Nguyễn Đình-Cửu 阮廷玖 người ở huyện Bạch bạc tỉnh Sơn-tây (huyện Bạch-hạc bây giờ thuộc về tỉnh Vĩnh-yên) ông Đình-Cửu lấy bà Lê-thị sinh được ông Tế và người em là Đình 丁. Đình-Cửu lại lấy người thiếp sinh được tên Soạn 撰. Đình-Cửu say mê người thiếp, bao nhiêu gia-sản giao hết cho người thiếp trông coi. Người thiếp cậy chồng yêu, sinh lòng ghen-ghét, ông Tế phải cùng em là Đình theo mẹ đi ở riêng, kiếm ăn nuôi mẹ, nhưng thường thường vẫn về thăm cha, không dám xao-nhãng, trên thì kính cha và dì ghẻ, dưới thì yêu em, việc trong gia-đình không ai chê bai gì được.

Đến khi mẹ ông ốm, anh em ông hầu hạ thuốc thang, đến khi mẹ ông mất, ma chay chu-tất, rồi ông lại về ở chung với cha, kính thờ người dì ghẻ không khác gì thờ mẹ, ông một lòng hiếu-kính, đến người dì ghẻ cũng cảm-hóa trở nên một người hiền-từ mà yêu đương anh em ông như con mình đẻ ra.

Ông có người chú họ là Nguyễn Duy-Trường 阮惟長, nhà nghèo khốn khổ, ông xẻ ruộng nương của mình mà tư-cấp cho. Nhà ngoại-tổ ông nhà nghèo lại tuyệt-tự, ông lựa chọn lấy người trong chi-phái ấy mà xẻ điền-sản của mình tư-cấp cho để làm của hương-hỏa, làng xóm ai cũng ngợi khen ông là người có nghĩa. Sau việc đến tai vua; năm Minh-mệnh thứ 8, mông-ân ban thưởng cho tiền bạc và gấm vóc rất hậu, lại tinh-biểu cho ông.

Nguyễn Văn Trình 阮文程

Nguyễn Văn-Trình người huyện Quỳnh-lưu tỉnh Nghệ-an, là người tính thuần-hiếu, có hiếu-hạnh từ khi còn bé. Bà mẹ ông có chứng đau bụng kinh-niên, thầy thuốc bảo rằng: « Chứng ấy là ăn phải thịt chim sẻ có chất độc, phải chữa bằng dạ dầy con rím mới khỏi ». Ông Trình một mình đi vào trong núi tìm con rím, tìm mãi không thấy, trong lòng bồi-hồi ngơ-ngẩn, bèn vào cầu khấn ở đền thần, chiêm-bao thấy thần gọi mà bảo rằng: « Anh nặng lòng vì mẹ, không quản núi sâu thú dữ, thực là một người con hiếu, để ta sẽ cho anh. » Đến sáng hôm sau quả nhiên bắt được con rím ở phía đông thần-miếu, Trình đem về làm thuốc, bệnh bà mẹ lập tức khỏi liền. Đương năm Minh-mệnh thứ 3, cha ông bị kẻ cướp bắt cóc, đòi tiền chuộc một trăm năm-mươi lạng bạc, ông bán chác hết cả gia-tài được chín mươi lạng, giặc chê ít tức giận toan giết cha ông đi, ông đến van khóc xin thay cha chịu chết, quân giặc thương ông hiếu-hạnh tha cho, ông bèn dắt cha dời đến chỗ phủ-thành mở cửa hàng buôn-bán để nuôi cha. Lúc cha chết, ông kêu gào thương xót, làm nhà bên cạnh mả cư tang, đến lúc mãn-tang rồi, đem hài-cốt cha về chôn tại đồng làng, việc ma chay phí tốn bao nhiêu, nhất thiết không ganh tị với anh em nào cả. Sau việc đến tai vua, năm Minh-mệnh thứ 11, mông-ân triều-đình tinh-thưởng.

Sở-cuồng *tập*

(*Còn nữa*)

TÌNH-HẢI TỪ-HÀNG

Lời tóm bàn về chữ tình

Hạng thanh-niên nam-nữ phần nhiều miệng nói tình, mắt đưa tình, lại phần nhiều ngộ-nhận chữ tình. Nay suy xét ra, có kẻ cân nhắc về sự giàu nghèo mà dụng-tình, lại có kẻ cân nhắc về sự sang hèn mà dụng-tình, cũng có kẻ cân nhắc về sự xấu đẹp mà dụng-tình, đều là hạng người ngộ-nhận chữ tình cả; kẻ thực biết dụng tình thì trong nghìn vạn người chỉ có một hai người thôi vậy. Ôi! những kẻ so-sánh về sự giàu nghèo mà dụng-tình, vàng còn thì tình còn, vàng hết thì tình ly. Những kẻ cân-nhắc về sự sang hèn mà dụng-tình, ngôi cao thì tình nồng, ngôi sút thì tình lạnh. Những kẻ cân nhắc về sự xấu đẹp mà dụng-tình, sắc thắm thì tình dượm, sắc nhạt thì tình phai; những kẻ ấy đều là kẻ lỗi đạo dụng-tình vậy. Cái đạo dụng-tình đã lỗi, thì trách nào có tình ở lúc thủy mà chẳng có tình ở lúc chung đấy ru! Nên biết rằng cái chí-tình nó kết-hợp, chẳng có thể vì sự giàu nghèo, sự sang hèn, sự xấu đẹp mà di-dịch được. Kẻ dụng-tình kia chẳng vì cớ giàu nghèo, sang hèn, xấu đẹp mà chia lòng hậu-bạc, ấy là kẻ khéo dụng tình đó. Phàm những kẻ thu được cái kết-quả hay của chữ tình, đều nói về đạo ấy vậy. Thường thấy người đời đem chữ tình mà ngộ-dụng, cho nên lịch-cử những điều sở-văn sở-kiến làm ra thiên này, để ngụ-ý khuyên răn (sự hay để làm khuyên, sự dở để làm răn) mà mong cho hạng thanh-niên nam-nữ hết thảy noi theo về đạo-đức mà dụng-tình, chẳng bị cái bức tường giàu nghèo, sang hèn, xấu đẹp nó che khuất để bảo cho cái chuẩn-đích về sự dụng-tình, mà vì những kẻ dụng lầm chữ tình trong bể khổ làm ra chiếc thuyền từ. Kìa những kẻ trong Dâu trên Bộc, sớm mận tối đào, chỉ biết là tấm thịt, biết đâu là chữ tình, phàm những kẻ ấy đều bị ruồng đuổi ra ngoài bể tình vậy.

*
* *

Sự kinh-nghiệm về chữ tình của hạng con trai

CHÀNG DU BẢN-SƠ

Du Bản-Sơ vốn là con nhà thế-gia ở đất Việt-trung, đã có người vị-hôn-thê là Trần-thị, vì nhà nghèo cho nên chưa cưới được, Bản-Sơ lưu-học ở đất Thượng-hải, ngụ ở nhà một người bạn. Một hôm có người phu trạm đi qua, cầm phong thư đưa cho, ngoài đề danh-hiệu Du công-tử, Bản-Sơ tiếp-nhận, xem ra thì nét chữ mềm-mại xinh-đẹp, nhác trông cũng biết ngay là tự tay kẻ khuê-các. Bản-Sơ nhân nói cho người bạn hay. Người bạn nói rằng :

— Anh nên bóc ra, xem xưa nay thường có hạng con gái khinh-bạc, mượn sự đưa thư để khêu tình, rồi thấy những lời họ nói trong ấy, thâm-tình mật-thiết, khiến người không thể dời tay được.

Bản-Sơ nói rằng :

- Anh đừng nói thế, một ao nước xuân, mình chẳng dùng chân vào thì chớ, ai can-thiệp được đến mình ; chẳng gì bằng cứ theo chỗ người gửi thư ở, phong ngoài bức thư trao trả lại.

Bức thư ấy trả lại được mười ngày, thì lại thấy bức phúc thư đưa đến. Bản-Sơ cho là kẻ có ý thành-thực ân-cần, mới mở phong thư ra xem, thì

thấy thực tên là Ngô Uyển-Trinh, quả là danh-hiệu người con gái vậy. Bản-Sơ bấy giờ mới cũng viết thư đáp lại, từ đấy trở đi, thư từ vãng-lai không lúc nào dứt, tốn tiền lưu-phí lắm. Bản-Sơ đã không muốn tốn tiền lại chẳng nỡ chẳng đáp. Thường thấy trong thư của Uyển-Trinh bày tỏ thân-thế, câu ngắn câu dài, mật-mật thâm-tình, dường muốn lưu-lộ ra ở trên lời nói, Bản-Sơ vẫn coi thản-nhiên chẳng vì động lòng, tự nghĩ bụng rằng mình xe tơ kết tóc đành đã có nơi, tuy nhà nghèo chưa đủ được lễ nghi-gia nghi-thất, nhưng thề chẳng bắt chước như ai, thói bạc-hạnh thăm ván bán thuyền, cho nên khi Bản-Sơ trả lời cho Uyển-Trinh, tuy về đường thơ văn thì biết không chẳng nói, nói không chẳng hết, mà luận đến bề thân-thế duyên-phận, thì rút lại không một lời gì đả-động đến sự riêng.

Cuối cùng có một bức thư đặc-biệt đưa đến, Uyển-Trinh tỏ ý chỉ non thề bể, ngỏ lời ghi tạc chữ đồng mà đem thân tự-hiến, bảo rằng chàng Tư-Mã là kẻ đa-tài, mình xin nối gót nàng Trác Văn-Quân. Vì khiến người khác đương về sự ấy, ai là chẳng mừng rỡ khôn xiết, vui vẻ khác thường, mà Bản-Sơ thì lại trả lời rằng: « Nàng tuy là gái chưa chồng, nhưng tôi đã là trai có vợ, tôi không dám khi-trá mình để man-muội nữ-sĩ, nữ-sĩ thâm tình, đành xin chi-cảm, song le nguyệt-lão vô-tình, lương-duyên đã buộc, tôi đối với nữ-sĩ, vì dù tình-căn chẳng dứt, đành xin để đợi kiếp sau mà thôi, xin nữ-sĩ cứ trân-trọng lấy mình, đừng nghi-ngợi đến tôi nữa. » Bỏ vào hòm thư gửi đi được hơn một tháng, hốt-nhiên tự đất Việt gửi lại cho chàng một số vàng kể hàng nghìn, mà dặn-dò thúc-giục sớm-sủa đi về đất Việt, Bản-Sơ xét nghĩ biết chừng rằng số vàng này bởi tự người vị-hôn-thê của mình là Trần-thị gửi cho, mới kinh-hỉ quá-vọng, chẳng khác gì trong giấc chiêm-bao, liền sắp sửa đồ hành-trang đi về đất Việt, thẳng đến chỗ Trần-thị ở. Trần-thị ra đón, cười cười nói nói, yên-ủi bảo rằng:

— Chàng là kẻ thâm-tình thủy-chung, thực khá khen!

Bản-Sơ nghe nói lấy làm ngạc-nhiên. Trần-thị mới đem sự ngày trước giả-cách đưa bức thư tình vãng-lai để thí-nghiệm, nói cho Bản-Sơ hay, Bản-Sơ cười nói rằng:

— Thế thì nàng tinh-khéo thay! Tôi may tự mình trân-trọng lấy mình được, chẳng bị nàng chê.

Trần-thị cũng cười nói rằng:

— Chàng nếu tả-tâm manh ra chút gì thì tôi quyết chẳng lấy chàng nữa. Như chàng mới thật là kẻ đa-tình đáng kính phục mãi mãi. Trước tôi vẫn coi chàng là thường, nay mới biết chàng là bạn chung-tình vậy.

Người bố Trần-thị cũng lấy làm mừng, mới chọn ngày tốt làm lễ cưới, vì Bản-Sơ nghèo đem một nửa gia-sản chia cho Bản-Sơ. Bản-Sơ tức khắc đem của ấy làm vốn đi buôn, kết-quả là một nhà tư-bản có giá-trị. Trần-thị cũng là người không cậy của, theo lối cũ xưởng tùy, chẳng nhiễm lối tự-do mới, giúp chồng dạy con, cần-lao lại quá người thường.

Trước kia nhà Bản-Sơ cũng là nhà giàu, người cha cùng với người cha Trần-thị quen nhau, hai nhà từng lũy-thế kết thân. Hay đâu thế-sự vô-thường, người cha Bản-Sơ mất, Bản-Sơ cũng vì thất-bại về sự khác, nhà mới sa-sút, ngõ-hầu không có kế sinh-tồn được. Bản-Sơ mới lưu-lạc đến Thượng-hải, làm công một chỗ tửu-điếm nho-nhỏ, ngày tháng cần-lao, sở-đắc kim-tiền thường không đủ cơm ăn áo mặc. Lạ gì thói đời nóng lạnh, du-tử đường cùng, ai là kẻ đoái-hoài đến nghĩa cố-nhân, bên trời góc bể, đất khách bơ vơ, Bản-Sơ chỉ mình lại than mình là phận bạc, ngậm-ngùi ứa nước mắt mà thôi. Người cha vì

cô ấy toan tính sự bội-hôn, Trần-thị can-ngăn người cha rằng :

— Xưa nay nam-nữ hảo-hợp, gốc ở chữ tình. Tình mà đã chuyên thì dầu cơm rau áo vải mình cũng chẳng chê, tình mà chẳng chuyên thì dầu ruộng cả ao liền mình cũng chẳng tham. Chàng Du Bản-Sơ dụng tình thế nào, con xin làm kế thử xem. Vì khiến chàng ta là giống khinh-bạc, có mới nới cũ, thì con xin theo ý cha chẳng dám tiếc nữa. Nếu mà chẳng thế thì xin cha thành-toàn lứa đôi cho.

Người cha vốn yêu con lắm, mới nghe lời Trần-thị nói. Trần-thị vốn xinh-đẹp mà có tài văn-chương, cho nên viết thư đi lại với Bản-Sơ mà giấu tên mình đi, nhờ ngọn bút tài-hoa, thổ-lộ thâm-tình, mà Bản-Sơ chẳng vì lay động. Trần-thị lại cố làm điều trêu ghẹo, cuối cùng thấy Bản-Sơ ngỏ lời tạ-tuyệt, Trần-thị mới bảo với cha rằng :

— Bản-Sơ thật là kẻ xứng đáng với chữ tình, con xin nhất-tâm với người ấy chẳng lấy ai nữa. Kẻ kia đối với mình đã là kẻ chi-tình, mà mình lại bội-bạc là sự chẳng hay, xin cha nghe lời cho.

Người cha mới quả-quyết đem một số vàng lớn gửi cho Bản-Sơ, dặn-dò về đất Việt làm phép cưới, chẳng khác gì sự mua chuộc lấy rể hiền.

Than ôi! Du Bản-Sơ thật là một vai Di-đà trong bể sắc, thấy sắc đẹp chẳng động tâm, khá khen thay!

. . .

Bóng đẹp Dung-hồ

Sự chơi hoa ở Dung-hồ xưa nay vốn thịnh, bọn vương-tôn qui-khách cứ đến buổi chiều mát, cho đến lúc chập tối lên đèn, thường thấy đua nhau một con thuyền nhẻ-nhẹ đủng-đỉnh dạo chơi hồ, tiếng bơi chèo cùng với tiếng đàn hát cùng nhau cùng xướng họa. Hai ba ả mĩ-nhân thường cùng với mấy chàng Ngũ-lăng niên-thiếu ngồi ở trong thuyền, ngâm ngợi vịnh thơ tình, cười cợt nói chuyện tình. Khi đó trong một chiếc thuyền có hai ba kẻ mĩ-nhân, dựa bên cửa sổ cùng ngồi nói chuyện với nhau. Trong ấy có một ả xinh đẹp nhất, tay dựa lên mạn thuyền, đôi mày liễu trau lại, tỏ nét mặt chẳng vui, người khác nói nói cười cười, ả ấy chỉ ngồi nín lặng.

Trên con đường ở bờ hồ thấy có một chàng thiếu-niên, áo quần chẳng được chỉnh-đốn sạch sẽ, hình-dung lại càng tiều-tụy, trông thấy chiếc thuyền ấy đi, kịp gọi rằng : « Đậu lại! đậu lại! » Người chở thuyền thấy bộ-dạng người thiếu-niên, trong bụng đã nghi ngay rằng, người ấy hẳn chẳng phải là khách trong làng chơi, trăm nghìn đồ một trận cười gì, cho nên giả cách điếc, dường như chẳng nghe tiếng, mà kẻ thiếu-niên thì noi bờ hồ theo thuyền đi, vẫn cứ miệng gọi đậu lại đậu lại chẳng thôi. Người chở thuyền hỏi có việc gì thì chàng thiếu-niên chẳng trả lời, duy trỏ vào người mĩ-nhân ngồi trau đôi mày lá liễu ấy mà nói lên rằng :

— Người quen! người quen!

Người chở thuyền lấy làm quái-ngạc mà mắng rằng :

— Kẻ khó-cùng kia, tiền chẳng có lại muốn mua tiên hay sao? Sao nghĩ càn thế vậy!

Rồi cứ chở thuyền đi, chẳng đoái lại nữa. Người mĩ-nhân trong thuyền thấy hình-trạng ấy, vừa lấy làm lạ, vừa lấy làm thương, tỏ ý ngậm-ngùi mà sẽ nói lên rằng :

— Thôi thôi đừng! Đây là cái hang khóa chặt người vàng, thương mến cũng vô-ích. Vì viện hàng hoa xưa nay, trọng của chẳng trọng tình, xin đừng đoái hỏi đến chi nữa.

Tiếng người mĩ-nhân nói rất nhỏ mà lọt vào tai chàng thiếu-niên, chàng thiếu-niên mới biết rằng kẻ mĩ-nhân đã ngỏ ý trái lời thề, trong lòng khôn

xiết căm-giận, ứa nước mắt khóc, nhưng còn cho rằng là sự hồ-nghi, vẫn đứng ở trên bờ mà đưa mắt trông theo Phút chốc thuyền hoa ấy đi đã xa-xa, khuất vào rặng trúc, người thiếu-niên mới quay gót trở lại về, tìm đến một nhà người bạn. Người bạn tên là Hàm-Xuân, giãi qua tình-tự của mình cho Hàm-Xuân nghe. Kỳ thủy Hàm-Xuân còn can-ngăn rằng :

— Lạ gì chỗ kỹ-viện xưa nay là cái hang lửa để nướng vàng, hễ trải qua cái hang ấy thì núi vàng nào cũng phải hết. Vả chăng chỗ ấy là chỗ làng chơi của những khách phong-lưu công-tử phồn-hoa thiếu-niên ; anh là một kẻ cô-cùng, lấy vàng đâu mà vãng-lai chỗ kỹ-viện mà lại còn mơ-tưởng chỗ ấy. Cái sự người cũ của anh bị chìm đắm ở trong kỹ-viện còn thuộc về sự bán-tín bán-nghi, dù có quả-nhiên chăng nữa, thì cái sự chuộc cảnh hồng-hạnh ở trong vườn xuân ra, thực là một sự vô-giá, phi năm bảy trăm lạng bạch-kim trở lên không đạt được mục-đích, chi bằng cứ đoạn-tuyệt tư-niệm đi là hơn, kiếp này chẳng xong thì đền-bù về kiếp khác, đừng theo đuổi làm gì nữa.

Chàng thanh-niên nói rằng :

— Người cũ của tôi chìm đắm ở trong địa-ngục, mà tôi không tìm kế cứu-vớt, thì tôi không phải là giống người, tôi sống ở trên đời cũng hồ-thẹn mà vô-ích. Tôi cũng biết rằng vớt cảnh hoa trong bể khổ thì chỉ có kim-tiền là cái vật để thay vào giá-trị cho từ-hàng, nay kế tôi đã cùng, lòng tôi đã quyết, tôi chỉ muốn xin lấy một sự chết để báo-đền cho người tri-kỷ, anh nghĩ thế nào?

Hàm-Xuân nghe nói lấy làm thương xót kinh-hãi, liền can-ngăn yên-ủi nói rằng :

— Anh đừng vội nghĩ quẩn nghĩ quanh, cứ hết sức tôi may ra cũng giúp được cho anh để đạt tới hi-vọng ; hiện nay trong nhà tôi thu nhặt lại, cũng được có ba trăm số giấy bạch-kim, số vàng ấy là số dự-định việc buôn bán về lai-xuân của tôi, nay hãng xin đem ra giúp anh, anh cứ cầm lấy số vàng ấy mà lo liệu việc ấy, may ra người mụ-già trong kỹ-viện họ có từ-tâm, thì hi-vọng anh cũng có thể đạt tới được ; nếu không thành thì tôi sẽ lại giúp anh về kế khác, anh đừng vội nghĩ quẩn nghĩ quanh.

Chàng thiếu-niên ngỏ lời cảm-tạ, nhận lấy số vàng ấy, đựng vào trong túi khâu chặt lại buộc ở trong mình, khi trở ra đi, đói thì nhịn đói, khát thì nhịn khát, không tơ hề gì đến số vàng ấy. Thương ôi ! Chàng thiếu-niên nào có đi đâu, lại chỉ hằng ngày dạo quanh trên đường bờ hồ, sớm sớm chiều chiều, tuyết mù nào thấy bóng hồng vào ra, chờ mãi đến một tháng, chợt một hôm lại giữa buổi chiều, bóng trời bảng-lảng, ngọn gió hiu-hiu, lại thấy chiếc thuyền hoa ngày nọ dạo chơi ở mặt hồ, nhân-vật ở trong thuyền phảng-phất không sai, mà cái người mĩ-nhân ngồi tựa ở khoang thuyền lại phảng-phất là người trau đôi mày lá liễu ngày nọ. Chàng thiếu-niên thấy thế lại kịp gọi lên rằng :

— Thuyền ai ? thuyền ai ? đậu lại ! đậu lại !

Người chở thuyền lại trả lời như trước, mà lời nhiếc mắng lại có phần hơn. Người thì cứ gọi, thuyền thì cứ đi, khác nào chuyện sông Tương một giải nông sờ, bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia, *chàng thiếu-niên cũng túng quá, muốn bay không có cánh, muốn sang không có thuyền, mới tự trên bờ nhảy ùa xuống nước, ngoi-ngóp bơi lội chực đuổi theo thuyền, được một lúc, sóng vỗ sức mệt, chìm nghỉm xuống hồ, mà chiếc thuyền hoa thì vẫn dạo mái chèo vừa hát vừa bơi chẳng đoái lại. Người mĩ-nhân trau đôi mày lá liễu kia, chợt thấy tình-trạng ấy, kịp lạc tiếng mà kêu lên rằng : « Cứu lấy tính-mệnh*

người kia với! Cứu lấy tính-mệnh người kia với!» Khi ấy khách ở trong thuyền đều phát-hiện từ-tâm, bắt người chở thuyền kịp làm kế cứu với, đem được người thiếu-niên lên thuyền, khiến thay quần-áo, thấy một số vàng to, chư-khách cả cười rằng: « Người này không phải là cùng-hán, là phú-ông đây, chúng ta đều chẳng kịp, rồi bọn chư-kỹ cũng cả cười, nhưng cũng chửa ai biết là duyên cớ làm sao. Phút chốc người thiếu-niên hồn-phách đã tỉnh, tinh-thần đã định, chư-khách mới hỏi duyên cớ họ tên. Chàng thiếu-niên mới nói lên rằng tôi là Vịnh-Thu. Người mĩ-nhân chợt òa lên khóc nức-nở, ngõ-hầu lạc cả tiếng. Vịnh-Thu cũng hiểu hỏi người mĩ-nhân rằng:

— Nàng có phải là Lưu Uyển-Sĩ đấy không?

Bạn chị em hàng viện ngồi đó đều nói rằng phải. Vịnh-Thu cũng liền vật-vã khóc than rồi kể qua tình-tự duyên cớ cho khách nghe rằng:

— Tôi với Lưu Uyển-Sĩ đều là vị-hôn-phu-thê, chẳng may cơ trời dâu-bể, lưu-lạc phong-trần, nay tôi liều chết trèo lên cung Quảng-hàn xin đem một số vàng chuộc lấy ả Hằng-Nga lại, xin qui-khách trong hàng viện xét cho tấm thành, hứa cho như nguyện, tôi xin đội đức.

Chư-khách nói rằng:

— Sự này quyền ở người viện-trưởng.

Mới kịp cho mời người mụ già lại thuyền, người mụ-già tới nơi. Chư-khách vì Vịnh-Thu bày tỏ sự tình, người mụ già nghiêm nét mặt nói lên rằng:

— Cành hoa thiên-hương quốc-sắc của tôi, giá đáng nghìn vàng, vương-tôn qui-khách chửa ai mua chuộc được, chàng kia là người thế nào, lại dám bày đặt ra sự tình nọ kia mà hi-vọng việc ấy,

Vịnh-Thu thì hết lời cầu-khẩn, mụ vẫn chẳng nghe. Lưu Uyển-Sĩ đánh bạo nói lên rằng:

— Bà mua tôi về chỉ có một 100 số bạch-kim, từ khi trong hoa-viện có tôi, tôi đã làm lợi cho bà có kể nghìn kể vạn, ngày nay xin bà để lòng thương.

Mụ nghe nói tức khắc ra tay cầm vọt, ngoảnh lại Lưu Uyển-Sĩ đập lấy đập để một hồi, rồi ra lệnh cấm không được nói. Chư khách khi ấy đều nổi lòng từ-bi, phần thì can ngăn khuyên giải, phần thì cò-kè thêm bớt số vàng, lâu lâu ngã giá 500 số bạch-kim.

Khốn thay! Vịnh Thu vàng thì chỉ có 300 số, y sao được lời mụ sở-cầu, chỉ có một bề khóc lóc kêu thỉnh, khiến mụ để lượng thương cho phần nào được phần ấy mà thôi. Cuối cùng có một người khách đem lòng hào-hiệp ra tay quyên trợ khắp cả tân-khách, được 100 số bạch-kim nữa, tất cả 400 Mụ khi ấy vẫn cứ khăng khăng một mực không nghe, mà chư-khách ở trong thuyền thì cũng không bòn dâu ra được một số vàng nữa, chư-khách mới nổi lòng công-phẫn, tụm nhau vào trói người mụ lại, dọa rằng hễ không nghe thì một là ném xuống hồ, hai là dẫn lên quan. Người mụ mới bằng lòng ký tên vào giấy cho Lưu Uyển Sĩ thoát ra khỏi ngục cấu-lan. Khi Lưu Uyển-Sĩ giã tạ các qui-khách lên bờ, người mụ-già còn lột lại những đồ hoa-trang đáng giá mấy trăm bạch-kim chỉ cho mặc vận mảnh quần áo mỏng đi lên. Lưu Uyển-Sĩ vỗ vào vai Vịnh-Thu mà nói rằng: « Chàng ôi! Thiếp bấy lâu đeo mặc những đồ hoa-trang ấy thấy nặng mình lắm. Từ đây tám thân hẳn được nhẹ nhàng, mới hay gót tiên phú đã thoát vòng trần-ai vậy!

Trước kia người cha Vịnh-Thu với người cha Lưu Uyển-Sĩ đã từng quen biết nhau. Năm Vịnh-Thu còn bé đã cùng ước thệ lấy nhau. Một hôm Uyển-Sĩ ra đi chơi, lạc mất đường về bị quân gian bắt được đem bán cho người. Vì thế mới lạc lối vào trong địa-ngục cấu-lan. Nhưng Uyển-Sĩ là người biết lễ nghĩa

hòng ngày không lúc nào quên nghĩa cũ, tuy trải qua buổi xuân-hoa tức thu-nguyệt, cực chẳng đã phải theo lề lối chị em trong khi chén rượu cuộc cờ, song thần-tình vẫn uất-uất chẳng lúc nào vui.

Đến như chàng Hàm-Xuân cũng là bạn với Vịnh-Thu từ thuở nhỏ. Hàm-Xuân vui thú về nghề buôn cho nên làm được đến giàu. Vịnh-Thu say-sưa về sự học cho nên vẫn nghèo xác.

Nói tóm lại thì kẻ xem chuyện này, nên biết rằng trên chiếc từ-hàng trong bể tình có vai Như-Lai xả-thân đã đành, lại có vô-số vai sinh-phật tè-độ, chẳng thế sao với được kẻ trầm-luân.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch-thuật

VĂN-UYỂN

Khúc Nghênh-hoàng

Nhân dịp đức Bảo-đại ngự ra Bắc-kỳ, hội Khai-trí Tiến-đức có đón mừng loan-giá, trong khi hát chúc-hỗ có ca hai bài : « Khúc Nghênh-hoàng » và bài ca « Nghênh-giá », do ông phó-bảng Nguyễn Can-Mộng soạn, lục đăng sau này :

I

Phượng-hoàng hiện,
Giao dã hội thanh-bình.
Mấy nghìn năm nước cũ,
Kể ức triệu sinh-linh.
Xe phượng từ sông Hương núi Ngự,
Áo rồng rạng nước biếc non xanh.
Tới Long-thành,
Này bảo-hộ.
Cùng muôn họ,
Đón rước linh-đình.
Chúc thánh-cung vạn tuế,
Thiên-hạ đặng văn-minh.
Năm năm một lần du-dự,
Trường-thọ khang-ninh.
Thọ trường thọ,
Muôn họ biểu hoan-tình.

II

Gặp thời-vận,
Mừng tế hội anh-quân.
Bang-giao thân nước lớn,
Nội-trị thiếp thần-dân.
Như mặt trời đương khi mới mọc
Như gương trong chẳng chút bụi trần
Hội duy-tân,
Dù khu-vực.
Có xa-cách,
Vẫn một niềm tôn-thân.
Văn-minh tiến bước,
Non nước đẹp mười phân.
Hầu hữu-bang vui dạ,
Bảo-hộ án-cần.
Đặng trường-thịnh,
Muôn đội hoàng-ân.

Bài ca Nghênh giá

Sĩ

(Điệu hồi-loan)

Đội ơn giáo-dục bấy lâu,
Đua chen trong hội năm châu với người.
Xiết bao ơn nặng bể trời,
Tấm lòng cảm-khích mấy lời hoan-hô.

Công

(Điệu chầu văn)

Đội ơn công-nghệ chấn-hưng,
Mừng nay tiến-bộ xem chừng khác xưa.
Báo đền chưa chút tóc-tơ,
Mà lòng ái-đới bao giờ dám quên.

Nông

(Điệu kể chuyện)

Vì đâu gió thuận mưa hòa,
Nhà nông phong-nẫm nước ta thái-bình.
Muôn nghìn đội đức thánh-minh,
Đem lời thành-thực dãi tình tôn-thân.

Thương

(Điệu hát hãm)

Vì đâu bể lặng sóng trong,
Ngược xuôi buôn bán giao-thông tiện đường.
Mừng nay ngự-giá tuần-phương,
Trông trời đã hả tâm trường bấy nay.

(Điệu ngâm thơ trầm)

Nam Bắc cùng chung đội một trời,
Non sông có chủ vạn mầu tươi;
Kìa xem nô-nức nghênh loan-giá,
Rực-rỡ trăm hoa điểm nụ cười.

. . .

Ngự-giá Bắc-tuần cung-kỷ

(Bài hát chúc mừng này theo điệu hát nói do quan Bố-chánh tỉnh Hà-đông Đào Hữu-Khôi soạn)

Bắc Nam cũng nước non nhà,
Đề-huề Pháp-Việt lại là tình thân.
Mừng nay ngự-giá Bắc-tuần,
Nghênh loan lễ cả, muôn phần kính tôn.
Mong đội Hoàng ơn.

Hoàng Bảo-đại bát niên thập nguyệt thập tứ nhật,
Ngày Thánh-hoàng ra đất Bắc tuần-du;
Cuộc nghênh-loan long-trọng biết chừng mô,
Trong Việt-sử, nghìn xưa âu cũng hiếm.
Tuần-dương-hạm Đuy-mông (Dumont) *vừa tới bến,*
Pháo thần-công nghe những tiếng động vang trời;
Trên bờ sông trong những lớp sóng người,
Muôn nghìn miệng một lời hô vạn-tuế.
Nay mừng được cung-chiêm Thánh-thể,
Mà qui-quan càng tỏ ý ân-cần;
Trên Toàn-quyền cùng Thống-sứ đại-thần,
Tình Pháp-Việt giao-thân càng biểu-lộ.
Cầu Nhị rồng bay xe ngọc-lộ,
Non Nùng sấm động tiếng tung-hô;
Đất Thăng-long là cố Đế-vương-đô,
Kìa Hoàn-kiếm, nọ Tây-hồ thêm vẻ đẹp;
Hội Khai-trí trang-hoàng tinh-khiết,
Để làm nơi cung-thiết đại triều-nghi;
Kìa sĩ, nông, công, cổ, kìa đạo-sĩ, tăng, ni,
Lại Mường, Xá, Mán, Nùng chi đó nhỉ.
Hãm mấy tỉnh Triều-đình xích-tử,
Chúc Thánh-quân trường-trị ngai rồng;
Nghìn thu non nước Lạc Hồng.

NÔNG-SƠN THI-TẬP

II

Tự giải

Ông xanh đã lọt ra mình,
Lại cho lấy chữ tài-tình mà chơi.
Chẳng chơi cũng mắc tiếng rồi,
Thời đem tâm-sự cho đời soi chung.

Đã chẳng dọc ngang trong vũ trụ,
Còn khu-khu cho khổ nữa mà chi;
Kiếp phong-trần cười được mấy khi,
Mà ngày tháng bỏ qua đi cũng thiệt.
Chẳng rượu, chẳng thơ, chẳng phong-hoa tuyết-nguyệt,
Sau nghìn năm ai biết bác Nông-san;
Được lúc chơi ta hãy chơi tràn,
Khi dụng-thế dẫu muốn nhân sao được.
Còn thân-thế còn non còn nước,
Kiếp đa-tình là nợ trước ba-sinh:
Kìa như quan Tham tán Trứ, quan Nghè Thượng-cốc, quan Tổng-đốc Vân-đình,
Khoa-hoạn thế mà phong-tình là thế.
Nào khi lạc khi ưu, khi trần-ai khi tao-tế,
Vẻ phong-lưu còn tiếng để lâu dài;
Ngày nay những chỗ ta ngồi,
Người đời trước đã qua rồi đấy nhỉ?
Có tai mắt ta chơi cho phỉ,
Đắc-ý chơi mà thất-ý cũng là chơi;
Chẳng qua người cũng một đời!

Họp bạn làng chơi

Lạ gì thanh-khí nhẽ hằng,
Một ngày cũng đã tiếng rằng tương-tri.
Trăm năm biết có duyên gì,
Tấm riêng riêng những nặng vì nước non.

Phùng trường tác hỉ,

Trong làng chơi tri-kỷ những ai ai,
Bà con ta họp mặt làm vui ;
Dăm ba chén một đôi lời phong-nhã.
Cuộc thế trăm năm trò bỡn cả,
Gương tình một mảnh bóng soi chung ;
Dù kẻ Tần người Việt nhi-nữ anh-hùng,
Mà ý-khí cũng cùng trong một hội.
Ngày tháng thoi đưa sự đời mây nổi,
Nghĩa đồng-tâm xin gửi với non sông ;
Tiện đây ghi chữ tương-phùng.

Tối Trung-thu mưa

Trời đâu mà vẫn hỗn-mang,
Mưa đâu mà nỡ phụ-phàng Hằng-nga.
Bóng đâu tìm thấy sơn hà,
Tiếc thay như ngọc xóa nhòa như không.

Trông trăng rằm tháng tám,
Chạnh viễn-hoài thêm cảm với trăng thâu;
Trời bốn phương đen kịt một mầu,
Nào những khách nam-lâu chờ đợi
Trong đám mịt mù ai kẻ biết, [nguyệt.
Tấm thân băng tuyết vẫn là trong ;
Làm gương cho thế-giới soi chung,
Rũ mắt tục biết không không sá kể.
Mặc trời đất mưa nguồn chớp bể,
Quang tạnh rồi thân-thế lại như xưa ;
Vầng trăng còn đó trơ trơ !

竹 Ăn cháo

Xưa nay anh vẫn cơm nhà,
Nằm không yên giấc mới la-bà hồng-lâu.
Cuộc đời láo nháo vì đâu,
Yêu nhau nấu cháo nuôi nhau cũng là.

Vẫn biết đến đây là láo cả,
Mà chẳng đây khôn tả nỗi u-hoài ;
Chót tham lam nếm thử mùi đời,
Từng cay đắng ngọt bùi âu đã trải.
Nói nửa điều khôn còn biết phải,
Đồng ba quăng chạy quản chi xa ;
Nếu nhân-sinh chỉ biết hương hoa,
Chi đến nỗi sinh-nhai là rắc rối ;
Trời đã bắt phải ăn phải nói,
Ở đời nay chịu đói thế-gian cười ;
Ừ thì làm cháo ăn chơi !

Chơi chùa Đọi

Non như giồng xuống cánh chiều,
Trèo non thăm cảnh treo veo giữa trời.
Đoái trông nhỏ tít bóng người,
Cửa không lắm khách qua chơi cũng ồn.
Này pho tượng Lý hãy còn,
Mà Lê về trước bia mòn nét in ;
Sư già cay nỗi biến-thiên,
Mong nhà Bác cổ giữ-gìn với nao.

Nhân thư-thả qua chơi chùa Đọi,
Cảnh thanh-u mà gặp buổi êm trời ;
Cửa không tiêu-thoát tuyệt vời,
Chi sá kể vật đổi sao dời qua mấy độ.
Đầu bạc sư còn ôn chuyện cũ,
Mắt xanh non dễ đợi ai đây ;
Lăng ngựa xe mà tới cảnh am mây,
Thì ứng-tiếp thêm rầy cho núi nhỉ.
Song danh-thắng là bạn riêng văn-sĩ,
Có phẩm-đề sơn thủy mới nên xinh ;
Cho hay là thói hữu tình !

Đình Hoàng-nông

Địa-linh nhân-kiệt,
Hoàng-nông ta lẫm-liệt đã lâu nay ;
Đương Lý-triều thời-cuộc đổi thay,
Gương tiết-nghĩa đến nay còn rạng tỏ.

Hà sơn chính-khí chiếu kim cổ,
河山正氣照今古
Phong vũ tàn bi cảm phế hưng ;
風雨殘碑感廢興
Hàm Dồng xưa phong-hỏa đã từng,
Cũng vì nghĩa lại ra chứng lạnh lẽo.
Đến nay thành ra phong-cảnh hảo,
Khách du-quan thử dạo mà xem :
Này đình này quán này nhà bia,
này miếu mạo trang-nghiêm,
Khói hương nghi-ngút áo xiêm rỡ-ràng;
Giang sơn này có chủ-trương.

Tặng cô đào Bốn

Một năm là có mấy mùa,
Một ngày hãm mấy giờ thừa để chơi ?
Trời kia có mấy phương trời,
Đất kia mấy bể, mấy người tri-âm ?

Bỗng đâu gặp gỡ,
Mấy chị em mà quê ở đâu ta?
Tính đốt tay tuổi lẻ hăm ba,
Đã nức tiếng danh-ca là bậc-nhất.
Lựa tay phách bảy ba dìu-dặt,
Dạo năm cung khoan nhặt, chen nhau;
Này như hạc qua, như nước chảy, như gió thoảng, như mưa mau,
Nghe một lúc trước sau nhường uyển-chuyển.
Dừng ngọn phách nói dăm ba câu chuyện,
Khách tri-âm nan khiến vị tình ngây;
Người này mà lẩng-đẩng mãi chi đây,
Chừng đã bỡn nhau đây con tạo nhỉ?
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Buồn cho ai thêm năn-nỉ nỗi mình;
Nào có phải một duyên, hai nợ, ba nữa là tình,
Dẫu năm sáu bảy tám chín lênh-đênh ta cũng quyết.
Khi chưa biết tiếc thay không sớm biết,
Biết nhau ra càng tha-thiết lòng người;
Hãy ngồi hát lúc nữa chơi!

Quế-đường hậu-thân

Ngồi sực nhớ hơn trăm năm về trước,
Nợ bút nghiên là ước cũ ba sinh;
Đành không sinh, sinh không cũng không đành,
Ừ gọi chút phú-danh khi vãn-cục.
Tái-chích thần tiên nan viễn tục,
Tam-hà niên thiếu tự phong-lưu;
Quen chân mà dạo gót Doanh-châu,
Ngọn Bồng-đảo kể đâu là giáp ất.
Thử-sinh thử-địa khan tha-nhật,
Huyện Duyên-hà là đất mẹ cha;
Trời còn ta lại có ta.

Tặng cô đào Thu

(Cô này lấy chồng đã có một con lại trở về)

Mạc hiềm lão-phố Thu-dung đạm,
Thợ trời già trang-điểm mới nên Thu;
Kia ông Tô Xích-bích chi du,
Từng mấy độ chơi thu mà chửa chán.
Bán không minh nguyệt băng luân mãn,
半空明月冰輪滿
Nhất đới trường giang bạch lộ hoành;
一帶長江白露橫
Mầu thu ai vẽ khéo xinh-xinh,
Ngồi mà lắng thu-thanh càng diệu tuyệt!
Có lúc du phương-thảo, thưởng lục-hà, ngâm bạch-tuyết.
Chẳng chơi thu, sao biết bóng thu tròn;
Nhìn thu con mắt không mòn.

Tặng cô đào Sen

Kể từ sen ngó đào tơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai;
Yêu vì nết trọng vì tài,
Phẩm-đề xin một vài lời thêm hoa.

Liên hoa chi quân-tử dã,
Sinh ư nê nhi bất nhiễm ư nê;
Trải mấy phen mưa dầu nắng dãi tuyết điểm sương che,
Mà hương sắc vẫn không hề phai nhạt.
Thiên-hương quốc-sắc thành song-tuyệt,
Vẻ thiên-nhiên nào điểm-suyết như ai;
Kia như phù-dung, như mẫu-đơn, như kim-cúc, như hồng-hạnh bạch-mai,
Trắng dễ ố mà thẫm dễ phai chi sá kể.
Tiếc lục tham hồng là tục thế,
Biết chơi hoa hồ dễ mấy người;
Thương ôi! sắc nước hương trời.

Chơi Hồ-tây

Mặt Tây-hồ, mặt Tây-hồ, bóng nguyệt vừa nhô, trời in nước tựa chiếc gương to, đêm thu tịch-mịch.

Nào du-khách, sang thuyền con, mượn rượu chàng Tô, dạo chơi hồ, vui cùng phong-cảnh.

Trời quang tạnh, quanh mầu xanh, treo một trăng vành, dãi niềm tâm sự, vậy chèo quanh, chèo quanh.

Chừng trăng nớ, cũng bạn đa-tình, lơ-lửng bên mình, thực tròn dinh, tròn dinh.

Phận duyên mình, mong cho tròn dinh. Chung tình ai đó! đã yêu nhau đừng phụ đêm thinh!

Tặng cô đào Nhủ

Chẳng hay cũng thể có đâu,
Chẳng tài-hoa cũng tiếng chầu nhà nhu.
Nhà nhu lại gặp cô Nhu,
Chẳng duyên chẳng nợ cũng cho là tình.

Đồng thanh tương ứng,
Mấy năm trời rủi-ráng đợi nhau đây;
Thảo nào khi mới bắt tay,
Rượu chưa nhắp đã say là thế đấy.
Tri-kỷ xưa nay hỏ dễ mấy
Tương-phùng non nước để dành nơi;
Tiếng chầu chen dịp phách lả-lơi,
Pha câu chuyện với nụ cười thêm ý-vị.
Cuộc nhân-thế công-danh phú-quí,
Dễ say người riêng một tì tình chung;
Lạ gì nhi-nữ anh-hùng.

Nghĩ hộ cho các ông huyện Cao-đẳng mừng ông Phạm Quỳnh về Kinh làm Thượng-thư Văn-phòng

Nghìn năm một hội tao-phùng,
Như ngô có phượng, như rồng có mây;
Tài kia với nước non này,
Chờ xem cơ-hội sau này ra sao.

Thử sinh thử ngộ,
Đem tài-hoa mà thi-thố với ngày nay.
Mất đại-quan từng đã trải Đông Tây,
Kho phúc-từ chứa đầy kim với cổ.
Chiếu Tuyên-thất đặt ra vì Giả-phó,
Chính Tường-phủ nay lại có Kinh-công;
Ghé một vai gánh vác non sông,
Bọn tân-tiến những mong cơ-hội mới.
Thế mới biết minh lương thiên tải hội,
Dễ mấy ai khi nói có khi làm;
Cánh bằng tung ngọn gió nam.

Hồng-lâu oán

Tối hôm qua đang lúc sáu giờ,
Em ngồi thơ-thẩn em chờ đợi ai.
Bảy giờ đứng tựa hiên mai,
Ngọn đèn thấp-thoáng bóng người xa-xa.
Tám giờ lặng ngắm tố-nga,
Xuân bao nhiêu tuổi xuân già hỡi xuân.
Chín giờ em dạo ra sân,
Trời cao đất rộng sót thân giang-hồ.
Mười giờ kể truyện nhỏ to,
Nửa thương người trước nửa lo phận mình.
Mười một giờ em ngủ một mình,
Thà như một khối vô-tình thì thôi.
Mười hai giờ sực dạ bồi-hồi,
Chợt mê chợt tỉnh chợt ngồi thở than.
Một giờ gạt lệ chứa chan,
Làm chi đeo kiếp hồng-nhan một đời.
Hai giờ lòng cũng nguôi nguôi,
Gượng vui với gối gượng cười với chăn.
Ba giờ tính việc làm ăn,
Cùng ai sửa túi nâng khăn cũng đành.
Bốn giờ nhớ đức sinh-thành,
Sao cho bên hiếu bên tình vẹn hai.
Năm giờ biết ngỏ cùng ai,
Vầng đông lác-đác một vài ngôi sao.
Tình riêng lẽo-đẽo chiêm bao,
Mắt tuy muốn nhắp dạ nào có khuây.
Thức đêm mới biết đêm chầy,
Mà ba vạn sáu nghìn ngày xiết bao.

Gia huấn

Ơn sinh-dục cù-lao biết mấy,
Đến tuổi già trông cậy vào con;
Ở sao thang thuốc miếng ngon,
Hiền-dương hiếu lớn thần-hôn lễ thường
Chung cha mẹ xem nhường ruột thịt,
Ở một nhà thân-thiết yêu đương;
Sao cho trên kính dưới nhường,
Muôn phần chung cả trăm đường nhịn nhau.
Chồng với vợ ngẫm âu duyên trái,
Trời xanh kia xe lại một nhà;
Sao cho êm đẹp thuận-hòa,
Giàu ăn khó chịu mới là tình chung.
Trong một họ là chung một tổ,
Có thân ta phải có họ-hàng;
Sao cho nòi giống nở-nang,
Hư hèn cùng chịu vẻ vang cùng nhờ.
Ở lân-cận là người làng xóm,
Khi ra vào khuya sớm thấy nhau;
Sao cho trọn vẹn trước sau,
Kính già thương trẻ yêm âu nọi người.
Vua với nước là nơi nhờ vả,
Ăn ở đâu sang khá vì đâu;

Ơn càng nặng cảm càng sâu,
Một đời ái-đới trên đầu dám quên.

Tứ giới

I

Rượu nào có phải là thuốc độc,
Mượn làm vui ba cốc mà chơi ;
Quá say nên mất tính người,
Sưng gan để bệnh rậm lời khó nghe.

II

Lòng sắc-dục ai hề không có,
Khốn vì người quá-độ trăng hoa ;
Mắc lừa vào đám phồn-hoa,
Mất tiền mang bệnh thật là con đen.

III

Thói cờ bạc tay quen nên dại,
Trước còn chơi sau hại đến thân ;
Quá chơi mới phải nợ-nần,
Thần hồn ngơ-ngác áo quần tả tơi.

IV

Bệnh thuốc sái quá chơi thành lửa,
Đua anh em sắm sửa khay đèn ;
Khốn thay mắc với ả-phiền,
Trước lười biếng việc sau nhem-nhuốc người.

Câu đối tặng ông tú Đỗ-Mục

(Ông này trước có đi thi Hội, khi hỏng quay về làm giàu, sau lại thua bạc mất cả, quay ra làm sách, viết báo, chuyên về hài-đàm).

Đi Kinh độ trước, hăng-hái những trời mây, gớm cho con tạo ghẹo người chi, duyên phận đã liều canh bạc cối ;

Về núi bấy lâu, kiếm ăn nghề bút mực, tính lại cuộc đời trò bỡn cả, phong-trần âu diễn trận cười chơi.

Câu đối để nghĩa-địa Hải-phòng

Trải bao dâu bể, hay dở mặc nghìn xưa, nấm đất ấy là thôi, cái kiếp trăm năm ai cũng thế ;

Gửi với cỏ hoa, quy-y chung một chốn, nước non nhà vẫn đấy, nào người chín suối biết hay không.

Nợ

Đố thiên-hạ ai không có nợ,
Riêng phận mình ai trả nợ cho ai ;
Chót len chân vào kiếp làm trai,
Lọt lòng mẹ ra ngoài là nặng gánh.
Nợ cơm áo nặng vì tình mệnh,
Nợ công-danh còn tránh lối nào ;
Mặt tài tình công nợ có là bao,
Gỡ món ấy lại bằm vào món nữa.
Nào những món tiêu-quàng tiêu rỡ,
Nợ yên-hoa khi gỡ còn chầy ;
Nơ đời trả trả vay vay.

Dế (1)

Ngồi mà nghĩ nực cười cho kiếp dế,
Thương tiếc ai rền-rĩ suốt canh thâu ;
Xuân cuốc kêu mà hạ ve sầu,
Dế chỉ đợi sang thu là mở miệng.
Ta biết tình nhau ngâm một tiếng,
Gọi là duyên đó để trăm năm ;
Thế mới hay thanh-khí tương tầm,
Dù lần-lữa mấy mươi năm thì cũng thế.
Trời để có thu vì có dế,
Thu tình kia đừng lệ với tri-âm ;
Còn thu dế vẫn còn ngâm.

Tặng cô-nhân

Mới ngày nào bắt tay trên cật ngựa,
Mười sáu năm lần-lữa thế mà lâu ;
Hồi trung-gian ta mấy lúc gặp nhau,
Ở truyện cũ mấy câu còn nhớ nhỉ.
Phận cả ước-ao nay đã phỉ,
Phong-tình quen thói vẫn như xưa ;
Giang-sơn thưởng-thức đến bây giờ,
Càng lịch-duyệt lại càng ưa người cũ đấy.
Duyên-ngộ ấy đã từng ân-ái ấy,
Mà bèo trôi nước chảy đến chi đây ;
Sự minh minh nói minh hay.

NGUYỄN CAN-MỘNG

(1) Có ông bạn là nhân-tình cô Thu đem dế trồng cô Thu.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tin nước Pháp

Nội-các Daladier bị đổ. — Nội-các Daladier bị thiểu-số ở Nghị-viện đã xin từ-chức. Nội-các bị đánh đổ trong kỳ hội-đồng tối hôm 23 *Octobre*. Từ sáng Nghị-viện đem xét bản chương-trình chấn-hưng tài-chính của Nội-các đem trình. Viện xét từng khoản trong chương-trình. Tới khoản 37 thì Nội-các bị đánh đổ. Nội-các DALADIER bị đánh đổ, sự đó chẳng ai lấy làm ngạc-nhiên. Vì đó là cái kết-quả tất-nhiên của cuộc phân-tranh trong đảng Xã-hội từ kỳ Đại-hội-nghị ở *Avignon*. Tuy các ông RENAUDEL và MARQUET vẫn hết sức giản-hòa mà vẫn gặp đa-số phái ông BLUM phản-đối. Phái này chẳng muốn giảm tiền ngân-sách, nhất là bằng cách giảm lương các viên-chức. Các đảng Trung-ương về phía Hữu đều đầu phiếu phản-đối bản dự-án của Chính-phủ, cho rằng nó có tính-cách xã-hội quá. Vì vậy mà ngẫu-nhiên hai phái Tả và Hữu gặp gỡ nhau hợp nhau đánh đổ Nội-các. Quan Giám-quốc LEBRUN sau khi chấp đơn từ chức của Nội-các, đã theo lệ thường vời các nhà chính-khách trọng-yếu đến hỏi ý-kiến. Sau khi quan Giám-quốc hỏi ý-kiến đủ các nhân-vật trong chính-giới rồi thì ngài cử ông nguyên-lão nghị-viên ALBERT SARRAUT đứng lập tòa Nội-các, ông SARRAUT đã nhận lời.

Công-việc điều-đình của ông ALBERT SARRAUT đã kết-liễu. Danh-sách các quan tổng-trưởng và thứ-trưởng trong tòa Nội-các ALBERT SARRAUT như sau này:

Thủ-tướng kiêm bộ Hải-quân : M. SARRAUT.

Phó Thủ-tướng kiêm bộ Tư-pháp : M. DALIMIER.

Nội-vụ : M. CHAUTEMPS
Ngoại-giao : M. Paul BONCOUR
Chiến-tranh : M. DALADIER
Tài-chính : M. BONNET
Ngân-sách : M. ABEL GARDEY
Canh-nông : M. QUEUILLE
Thương-mại : M. LAURENT EYNAC
Bưu-điện : M. MISTLER
Công-tác : M. PAGANON
Lao-động : M. FROT
Quốc-gia Giáo-dục : M. DE MONZIE
Thuộc-địa : M. PIÉTRI
Hàng-không : M. COT
Thương-thuyền : M. JACQUES STERN
Hưu-bổng : M. DUCOS
Y-chính : M. LISBONNE

Các quan thứ-trưởng

Tổng-lý Nội-các : M. ANDRÉ MAKIE
Ngoại-giao : M. F. DE TESSAN
Học-chuyên-môn : M MARCOMBES
Thuộc-địa : A BRUNET
Quốc-gia Giáo-dục : M. MAXENCE BIBIF
Chiến-tranh : M. GUY la CHAMBRE
Thể-dục : M. LEGORGEN
Hàng-không : M. DELESSALLE

Ông SARRAUT đã cử xong các quan-chức văn-phòng như sau này :

Văn-phòng quan Thủ-tướng

Đồng-lý văn-phòng : M. BERTHOIN.
Chánh-văn-phòng bộ hải-quân : M. PELONI.
Giám-đốc hành-chính : M. GAYEL

Văn-phòng quan Tổng-trưởng và quan thứ-trưởng

M. MORETTI, tổng-thanh-tra thuộc-địa được cử làm Đồng-lý văn-phòng quan Tổng-trưởng PIÉTRI.

Các văn-phòng của quan thứ-trưởng bộ thuộc-địa M. AUGUSTE BRUNET thì như sau này :

Chánh-văn-phòng : M. HENRI, quan cai-trị thượng-hạng ngạch thuộc-địa.

Phó văn-phòng: M. BANCEL, quan cai-trị thượng-hạng ngạch thuộc-địa.

Chánh phòng thư-ký riêng: M. VALLY phó chủ-sự ngạch Hành-chính.

Nội-các họp hội đồng tại điện Elysée do quan Giám-quốc LEBRUN chủ-tịch. Toàn-thể hội-đồng duyệt y bản tuyên cáo của Nội-các, quan Thủ-tướng ALBERT SARRAUT sẽ đọc tại Nghị-viện.

Thế là Nội-các SARRAUT đã thành-lập để thay cho Nội-các DALADIER, nhưng về tháng sau lại có tin trong khi Viện họp tranh biện về việc tài-chính bị đa-số phản-đối, Nội-các lại phải từ chức.

Tin nước Xiêm

CUỘC CHÍNH-BIẾN Ở XIÊM

Các quan võ cách-mệnh chạy sang Sài-gòn. Xiêm-hoàng phải thoái vị. — Xiêm-la vẫn được tiếng là một xứ Phật, vì dân chỉ lo lạc-nghiệp an-cư không ưa bạo-động, thế mà ngày nay trong nước lại thấy xảy ra nhiều biến cuộc rối beng, khác hẳn với tính-cách hiền-lành của dân ấy.

Sau hai cuộc cách-mệnh rồi, nước Xiêm cũng được yên ổn như thường. Đến cuộc cách-mệnh thứ ba này, Xiêm mới bước vào hồi hỗn-độn chăng ?

Cuộc xung-đột này chia ra hai phe : Một bên thì có Thủ-tướng PHYA BAHOL, LUANG PRADIT, tay chủ-động cuộc cách-mệnh tháng Juin 1932 ở Pháp mới về và tất cả các người thống-lãnh những đạo binh ở *Bangkok*. Còn bên phe cách-mệnh thì có ông hoàng BOVARADEJ, viên quan năm PHYA SRISIDDHI SONGKRAM và quan năm PHYA DEBASONGRAM.

Vào ngày 13, 14 trung-tuần tháng này, trong lúc quân hai bên xung-đột nhau trong dẫy núi *Genkoi* thì PHYA SRISIDDHI SONGKRAM bị đạn chết.

Trước đây Chính-phủ đã treo giải thưởng 5000 ti-cô cho ai bắt hay giết được viên lãnh-tụ này.

Còn ông lãnh-tụ cách-mệnh BORAVADEJ, sau khi việc lớn chẳng thành, bị Chính-phủ Băng-cốc truy nã, nên ông ta phải trốn qua Sài-gòn. Cuộc cách-mệnh lần này, theo lời của ông hoàng BORAVADEJ thì mục-đích khác hẳn hơn hai lần trước. Nó là cuộc chống lại với Chính-phủ cách-mệnh hiện-thời vậy.

Ông BORAVADEJ nói nhân thấy Chính-phủ bây giờ thành ra Hiến-pháp, xâm chiếm hết quyền tự-do của Xiêm-hoàng đi. Chính-phủ ấy, những người cầm đầu đều là chuyên về chủ-nghĩa cộng-sản. Ông và các bạn đồng-chí lo mưu gây lên cuộc cách-mệnh là cốt đánh đổ chính-phủ, để lấy quyền lại cho đức vua. Nhưng việc lớn, mà người ít (chỉ độ 1.000 người thôi) và lại quân hàng-không chẳng hết lòng, nên hư hỏng. Thấy việc thất-bại rồi, ông và các đồng-chí lo đào-tẩu, để cho thoát thân.

Bấy giờ ông BORAVADEJ cùng một bọn cỡi ngựa chạy đi 10 ngày mới tới Băng-cốc. (Từ chỗ xảy ra cuộc cách-mệnh tới Băng-cốc là 300 cây-số).

Ở đó ông một mình cỡi máy bay lên *Sisophon*, rồi ông đi xe hơi chạy qua Sài-gòn ; thế là ông thoát nạn được.

Còn các viên quan võ cách-mệnh thì lại trốn lên Nam-vang. Mấy vị này bị nhà chức-trách ở đó lấy hết khí giới lại mà thôi, chớ không có bắt và giải giao về cho Xiêm như người ta đã lầm, vì theo phép quốc-tế không bắt những người bô-đào chính-trị.

Thế là nội phe của ông BORAVADEJ trót ngàn người, mà chỉ trốn qua đây có 34 người thôi.

Trong cuộc cách-mệnh này, có Xiêm-hoàng chủ-mưu (ông vua Xiêm tên là PRAJADHIPOK).

Người ta nói nếu vua không phải là chủ-mưu thì cũng là đồng-lỏa. Bởi vậy việc bất-thành rồi, thì ngài chắc không trị vì nữa được. Có lẽ ngài đã xét biết phận mình, nên dời giá qua thành *Singura* bên Diến-điện mà ở.

Chính-phủ thông-cáo rằng quân đội nhà-nước đã lấy lại tỉnh *Korat* ngày 28 *Octobre*. Đội quân tiên-phong đã tiến tới nhà ga *Banpalai*, đường đi *Oubone*. Việc giao-thông bằng xe-hỏa với *Korat* lại đi lại như thường.

Nhưng chưa biết Chính-phủ hiện-thời của Xiêm xếp đặt cuộc chính-trị và đối-phó với nhà vua ra làm sao.

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh. — Gần đây Chính-phủ Trung-ương đã có chiều thay đổi, vì Tống Tử-Văn bất-bình với Tưởng Giới-Thạch về chính-sách đối Nhật và về cuộc tài-chính, đã dệ đơn từ chức. Tống mà lui về thì những chức sau này sẽ khuyết : Bộ Tài-chính, phó chủ-tịch viện lập-pháp, ủy-viên thường-trực hội-đồng kinh-tế.

Có tin Nam-kinh rằng ủy-ban chính-vụ Quốc-dân-đảng đã họp hội-đồng do Tưởng Giới-Thạch chủ-tịch. Hội-đồng đã nhận đơn từ-chức của Tống Tử-Văn và cử Khổng Tường-Hy làm Tài-chính tổng-trưởng và Phó chủ-tịch viện Lập-pháp. Hội-đồng không cho Tống từ chức ủy-viên thường-trực Hội-đồng kinh-tế. *Hình như chính Tưởng Giới-Thạch* trợ-lực và tán-thành việc cử Khổng Tường-Hy thay Tống Tử-Văn.

Chính-phủ định tăng số các ủy-viên Hội-nghị kinh-tế lên 6 người, chứ không để 3 người như trước. Trong số các người được cử sẽ có Khổng Tường-Hy.

Khổng Tường-Hy khi nhậm chức tổng-trưởng bộ Tài-chính có tuyên-cáo rằng sẽ theo đuổi cái chính-sách của Tống Tử-Văn trước, Khổng lại bày tỏ rõ rằng số thu của Ngân-sách dự-tính được là 680 triệu đô-la, mà số tiêu phải 800 triệu. Vậy thì ngân-sách sẽ bị thiếu mất chừng 120 triệu đô-la. Không nói công-việc tiễu-cộng sẽ tăng thêm số tiền thiếu hụt ấy.

Uông Tinh-Vệ và Tôn-Khoa đã từ Nam-kinh đi Thượng-hải để cùng Tống Tử-Văn họp ban Thường-trực hội-nghị kinh-tế.

Uông chuyến này tới Thượng-hải để hội-họp cùng Tống và để ép Tống trở về Nam-kinh. Có cuộc họp này và những cuộc hội-nghị trước của Tôn-Khoa, chủ-tịch viện Lập-pháp, với những người lão-thành trong đảng Quốc-dân, thì cái chính-sách của nước Tàu có lẽ sẽ đổi mới thêm.

Báo « *Central News* » có đăng tin rằng Uông Tinh-Vệ đã tuyên-ngôn với các phóng-viên báo-quán rằng chính-sách ngoại-giao của Tàu sẽ không thay đổi. Tống Tử-Văn trả lời các quan chức ở Quảng-châu cũng nói như thế. Tuy vậy người ngoại-quốc vẫn hoài-nghi. Người ta cho việc Tống và Tưởng bất-bình có can-hệ đến cả nội-chính, ngoại-giao và tài-chính.

Tin Nam-kinh rằng chính-phủ Trung-ương đã định thông-tư đi cho các tỉnh cử các đại-biểu thường-trực đến Nam-kinh để luôn luôn hợp-tác về việc chấn-chỉnh nền kinh-tế trong nước.

Tờ « *Central China Daily News* » là cơ-quan của Uông Tinh-Vệ có đăng tin rằng nay mai Hồ Hán-Dân sẽ tới Phúc-kiến. Hồ sẽ lập một chính-phủ độc-lập ở Phúc-kiến. Và sẽ gồm có những tay chính-khách chẳng đồng-ý với Tưởng Giới-Thạch. Chính-phủ ấy nếu cần đến sẽ giao-thiệp với đảng Cộng-sản Giang-tây để tăng thế-lực đối-phó với Tưởng Giới-Thạch. Mấy hôm trước đây quan chủ-tịch chính-phủ Nam-kinh Lâm Sâm đã thân-hành tới Phúc-kiến có ý để ngăn-cản việc này.

Thế-lực quân Cộng-sản ở miền tây nam. — Quân Cộng-sản ở Giang-tây Tứ-xuyên Phúc-kiến thế-lực mỗi ngày mỗi lan ra, viên Công-sứ Nhật là Hữu-Cát vừa rồi có nói chuyện với một viên ký-giả rằng nếu công-việc tiễu-cộng của Tưởng Giới-Thạch mà không thành, thì thế-lực quân Cộng-sản sẽ lan cả đến miền Trường-giang, cái họa chưa biết thế nào mà nói.

Lưu Tương sau khi nhận chức Tứ-xuyên tiễu-phỉ tổng-tư-lệnh, đã hạ lệnh tổng-động-viên, lấy hơn 80 đoàn quân, chia làm 6 đạo : đạo thứ nhất tổng-chỉ-huy Đặng Tích-Hầu, đạo thứ hai tổng-chỉ-huy Điền Tụng-Nghiêu, đạo thứ ba Lý Gia-Vượng, đạo thứ tư Dương Xâm, đạo thứ năm Vương Lăng-Cơ, đạo thứ sáu Lưu Tồn-Hậu, cùng tiến vây quân Cộng-sản.

Việc Mông-cổ xin tự-trị. — Sau khi lấy được Mãn-châu, người Nhật liền đến miền Đông Mông-cổ phiến-động thoát-li Trung-quốc, hiện đã theo tình-hình địa-lý chia miền ấy làm Đông-phận-tỉnh, Bắc-phận-tỉnh, Nam-phận-tỉnh, cử các người có thế-lực ở miền ấy làm tỉnh-trưởng. Các tỉnh ấy thuộc quyền tổng-thự ở Hưng-yên, tổng-trưởng là một vị vương-công Mông-cổ, thứ-trưởng là một người Nhật.

Gần đây lại có việc Mông-cổ xin tự-trị, người ta nói không khỏi có người Nhật ám-trợ ở trong. Pao-Yue đại-diện cho hội-đồng dân-biểu Mông-cổ ở Bắc-bình có tuyên-ngôn cùng phóng-viên hãng *Havas* rằng theo như thuyết của Tôn-Văn thì nội Mông-cổ quyết xin tự-trị và nếu Nam-kinh chẳng cho thì Mông-cổ cứ tự tiện tuyên-bố độc-lập. Pao Yue nói Mông-cổ hiện nay chẳng có ý nhận hợp-tác với Nhật hay Mãn. Người ta nói việc Mông-cổ tự-trị thế nào cũng thành. Trung-hoa sẽ thiệt mất 1.500.000 dân và 750.000 cây số vuông đất (Bảng Đông-dương).

Viện hành-chính đã công nhiên cử Hoàng Thiệu-Hùng tổng-trưởng bộ nội-vụ đến tận nơi kê-cứu việc các vị vương Mông-cổ yêu-cầu được tự-trị M. Wang Ching-Wei có viết trong báo « *Peoples tribune* » như sau này : Nếu ta xét thấy cái phong-trào náo-động yêu-cầu tự-trị, là do những kẻ ở ngoài cố-động để quấy rối, thì cái nghĩa-vụ của ta là phải trừ cho tiệt đi, nếu ta xét ra là Mông-cổ có ý thành thực muốn có một chính-phủ tự-trị, thì ta phải đem lòng thân-ái mà xét các vấn-đề ấy.

Báo *Central News* đăng tin rằng các hoàng-thân Mông-cổ đã ngỏ ý chẳng muốn phân-ly với Trung-quốc và rất sẵn lòng chịu nhận những phương-pháp tự-trị của Nam-kinh.

Các đại-biểu của các vị vương Mông-cổ có nói nếu đất Nội-Mông được tự-trị, thì binh-gia và việc ngoại-giao vẫn do Nam-kinh chủ-trương.

Tình-hình Nga Nhật ở biên-cảnh Mãn-châu. — Việc bang-giao Nga Nhật thực ra đã găng nhau từ ngày Nhật can-thiệp vào Mãn-châu hồi *Septembre* 1931, đến đầu tháng *Octobre* này thì thực là đã găng quá sức. Trong mùa hạ vừa rồi về việc mua lại phần của Nga trên đường sắt Trung-đông đôi bên đã gặp nhiều sự khó khăn.

Báo-quán ở Thiên-tân, và ở Bắc-bình lấy làm lo về sự mâu-thuẫn của Nhật Nga về đường hỏa-xa Mãn-châu và sợ rằng hai bên tuyệt-giao rồi sẽ xảy ra chiến-sự. Báo *Yong-Pao* ở Thiên-tân có viết : « Đông-Á lại trở nên chiến-trường một lần nữa, người Trung-hoa phải dự-bị chiến-sự mới được ».

Hôm 31 *Octobre* quân Nhật-Mãn đã rút khỏi Sơn-hải-quan và 140 cửa Vạn-lý trường-thành. Thế là theo đúng hòa-ước Đường-cô, cương-giới Mãn-châu-quốc tính kể từ Vạn-lý trường-thành vậy.

Sở-dĩ có việc rút binh ấy là vì Hoàng-Phu và quan đại-sứ Nhật ARIYOSHI đã bí-mật thương-thuyết với nhau. Ngoại-giao-giới cho rằng cái chính sách Nhật đối với Tàn ngày nay là cốt giải-quyết tất cả các vấn-đề còn bỏ dở để giữ hoa-bình trong mùa hạ này và ngăn không cho cuộc bất-bình về đường xe hỏa Mãn-châu lan rộng ra, cùng là không để Nga Mĩ thân-thiện.

Nhưng gần đây tình bình Nga Nhật hai nước lại càng gằng nhau lắm, ngòi lửa chiến-tranh hễ chạm đến là bùng ngay lên.

Tờ Đông-á nhật-báo ở Triều-tiên có đăng tin rằng nước Nga Sô-viết tập hợp 500 chiếc máy bay ở Hải-sâm-uy để bảo-vệ quốc-cảnh Mãn-châu, nơi căn-cứ của không-quân đặt ở dọc đường sắt Tây-bá-lợi-á, dọc đường sắt Ô-tô-lý và các nơi miền đông-nam. Lại nghe đâu nước Nhật vì lo phòng giữ quân Nga Sô-viết, cũng đem một số đông quân-đội từ Triều-tiên lục-tục chở đến Bắc-Mãn chia đi đóng giữ các nơi.

Tình thế hai nước Nhật Nga ở biên-cảnh Mãn-châu càng ngày càng thấy khẩn-bách lắm. Theo như tin thám-báo ở Thượng-hải, hai bên hiện đang ra sức bố-trí quân-sự như sau này.

1. — Các đồn trấn trọng-yếu giáp với biên-cảnh Mãn-châu, quân Tô-Nga đều đã chăng lưới sắt, những cơ-quan giao thông ở gần các đồn trấn ấy, đều lấy dùng về quân-sự.

2. — Chính-phủ Tô-Nga đã hạ lệnh làm gấp cho xong các đường sắt phụ ở tỉnh Bối-gia-nhĩ, hẹn trong tháng Novembre này phải xong, để khi chiến-tranh phải dùng làm đường chở quân lính và lương-thực đi các nơi.

3) Quân Nhật ở Thẩm-dương đang gấp chế-tạo khí giới và đạn-dược một tuần-lễ nay ngày nào cũng chở lên miền Bắc-Mãn, luôn trong bốn ngày người ta thấy chở đi 560 hòm mặt phòng hơi độc, 36 xe đạn trái phá, và nhiều xe hơi dùng chở lương, chở lính, các xe bọc sắt, xe phá-lũy, 16 cỗ súng bắn máy bay, và những khí-giới kiểu tối-tân cùng các đồ dùng về việc quân khác nữa không kể xiết.

4) Việc quân-bị ở Viễn-đông nước Nga đã theo như khi chiến-tranh, biến thành 19 sư-đoàn. Lại đồn Nhĩ-ngõa-đặc-oa ở phía đông sông Tuy-phần, có để hơn 20 chiếc máy bay ném tạc-đạn nặng, các nơi trọng-yếu khác cùng đều xếp đặt như thế. Cái năng-lực hoạt-động của không-quân ấy bao-quát cả các đô-thị trọng-yếu như Đông-kinh, Đại-bản, Trường-xuân, Phụng-thiên; lại đặt 12 chiếc tàu ngầm ở Hải-sâm-uy, để phong-tỏa đường hàng-hải từ La-tân đến Nhật-bản.

5) Viên tham-mưu trưởng Nhật ở bộ quân Quan-đông là Tiểu-Cơ đến Hô-luân-bối nhĩ để xem xét sự hành-động về quân-sự của Nga, có nói nước Nga quả đang dự-bị về quân-sự, hiện những quân đội ở Âu-tây chở đến Viễn-đông có hơn 28 vạn người rồi.

6) Nước Nga vừa chế-tạo bốn chiếc máy bay đặc-biệt, mỗi chiếc có thể chở được 128 người, dự-bị đến khi Nhật Nga khai-chiến, dùng để chở quân đến Viễn-đông.

7) Các học-sinh trường công-khoa đại-học và các thanh-niên Xích-Nga ở Cáp-nhĩ-tân hiện đều dự-bị việc kháng Nhật.

Về bên Nhật thì lục-quân đại-thần là Hoàng Mộc vừa rồi ở trong một cuộc hội-nghị nội-các, có tuyên-bố về cái chính sách quốc-phòng và ngoại-giao, quyết dùng võ-lực để đối-phó với ba nước: Nga, Mĩ và Trung-hoa:

1. — Chính-sách đối với Nga. — Nga từ sau khi xảy ra việc Mãn-châu, ra sức chỉnh-đốn việc quân-bị ở miền Cực-đông, xếp đặt các quân-khí mới,

theo như phương-pháp khoa-học, bày trận-thế chờ dịp, dường như cái mồi lửa hễ chạm đến là cháy bùng lên. Khi quân Nhật đánh Mã Chiếm-Sơn ở Tề-tề-cáp-nhĩ, cái thái-đô của Nga, dủ chứng là Nga đối Nhật không có ý tốt. Cái kế-hoạch 5 năm lần thứ nhất đã thành-công, gần đây lại cùng các nước láng-diềng phía tây và nước Pháp định các điều-ước không xâm-phạm nhau, để họp toàn-lực ở Cực-đông; vừa rồi lại phối-trí 10 sư-đoàn bộ binh, 300 chiếc xe chiến, 600 máy bay, trong đó lại có hơn 40 chiếc máy bay ném tạc-đạn kiểu rất tốt; lại ở Hải-xâm-uy, ngày đêm gấp công xây sửa các nơi quan-yếu, đến khi có việc có thể sai chiến-hạm công-kích Nhật-bản. Ở đất nước Nga, có 75 sư-đoàn bộ-binh, 13 sư-đoàn kỵ-binh, bình-thời binh-số có tới 129 vạn người, 2200 máy bay, 1500 xe chiến, xe hơi bọc sắt và chiến-đội hóa-học cũng nhiều, về bên trong lại có công-nghiệp làm hậu-thuẫn. Việc quân-bị hoàn-chỉnh, có thể khai-chiến với bất-cứ nước nào trên thế-giới, cho nên Nhật nên dự-bị để đối-phó với cái buổi rất hiểm-ác ấy.

2. — *Chính-sách đối với Mĩ.* — Bộ hải-quân Mĩ sắp trình quốc-hội một bản nghị-án đóng tàu chiến rất lớn, định đóng 375 chiếc tàu binh, số tổng-kinh-phí là 50 vạn vạn đồng, dẫu nói đó là việc làm tiếp theo năm 1928, thực ra định đến năm 1939 làm xong việc ấy. Theo nghị-án ấy, ngoài các hạm-đội vô-địch ra, lại xây quân-cảng ở Đàn-hương-sơn, có thể thu-dung được cả hạm-đội, ở dọc bờ Thái-bình-dương, cũng có xây dắp quân-cảng. Hạm-đội Đại-tây-dương chờ dịp ở Thái-bình-dương vẫn chưa về chỗ cũ. Các việc ấy đủ chứng là nước Mĩ có ý, khi Trung-Nhật đánh nhau ở Thượng-hải, Quốc-vụ-khanh Mĩ ra sức công-kích Nhật, nay « Mãn-châu-quốc » thành-lập, nước Mĩ thế tất phải bỏ một phần thị-trường ở Á-châu, việc ấy dủ chứng là cuộc chiến-tranh Nhật Mĩ không sao tránh khỏi. Nước Anh dẫu không còn có cái sức mạnh như ngày trước, nhưng vẫn còn là một nước hải-quân thứ nhất trên thế giới, vì cùng một huyết-thống, đến khi có việc tất sẽ bênh Mĩ mà phản Nhật, cho nên Nhật đối với Mĩ cần phải có võ-lực hoàn-bị mới có thể nói được việc hòa-bình ngoại-giao.

3. — *Chính-sách đối với Trung-quốc.* — Trung quốc lấy cách trường-kỳ kháng Nhật làm chính-sách căn-bản, vì muốn thực-hành chính-sách ấy, hoặc mượn tư-bản nước ngoài, hoặc câu-kết với Mĩ, và đã cho Mĩ đặt nơi căn-cứ đội phi-cơ ở tỉnh Phúc-kiến lại mua nhiều quân-khí tối-tân của các nước Mĩ, Pháp Đức Ý, ra sức dự-bị khí-giới rất gấp. Trung-quốc lại khôi-phục bang-giao với Nga, vậy chắc ba nước Mĩ, Nga, Trung sẽ cùng vào một bè mà chống nhau với Nhật, vậy đối Trung-quốc cũng cần phải có võ-lực mạnh lắm mới được,

Việc trong nước

(*Từ mồng 1 đến 31 tháng 10 năm 1933*)

Quan Toàn-quyền vào Huế. — Ngày mồng 5, quan Toàn-quyền PASQUIER đã từ Hà-nội vào tới Huế. Ngài tiếp Hội-đồng các quan Thượng-thư rồi đến yết-kiến đức Bảo-đại. Ngài có khen ngợi các phương-pháp thi-hành các cuộc cải-cách mới của Triều-đình. Ngài cũng có tiếp các ông Dân-biểu mới Trung-kỳ. Đến chủ-nhật mồng 8 ngài lại ra Hà-nội.

Viện Nhân-dân đại-biểu Bắc-kỳ họp Hội-đồng thường-niên năm 1933.—Sáng ngày mồng 5, viện Dân-biểu Bắc-kỳ đã họp kỳ hội-đồng thường-niên năm 1933 tại Hội-quán hội Khai-Trí Tiến-Đức ở

phố hàng Trống Hà-nội. Quan Thống-sứ THOLANCE đọc bài diễn-văn khai-mạc, ông Lại Văn-Trung là người cao tuổi nhất Viện thay mặt Viện đọc bài chúc-đáp, rồi Hội-đồng giải-tán.

Buổi chiều lại họp để bầu tòa trị-sự, kết-quả, ông Phạm Huy-Lục được tái-cử nghị-trưởng, ông Trần Trọng-Kim làm phó nghị-trưởng; ông Nguyễn Văn-Bùi làm chánh Thư-ký, ông Đỗ Thúc-Phách làm phó Thư-ký, và cử vào hội-viên ban trị-sự thì có các ông Nguyễn Văn-Bùi, Đỗ Thúc-Phách, Lã Quí-Trạch, Nguyễn Hữu-Như và Nguyễn Hữu-Bản.

Hội-đồng bầu ban đại-biểu đi dự Đông-dương Đại-hội-nghị, thì ba ông Phạm Huy-Lục, Nguyễn Văn-Vĩnh và Ngô Tiến-Cảnh trúng-cử; ba ông Nguyễn Huy-Hợi, Trịnh Xuân-Nghĩa và Trần Giễn-Diệm làm dự-khuyết.

Từ mồng 6 trở đi thì các tiểu-ban họp xét số dự-toán Bắc-kỳ luôn đến chiều ngày 12.

Sáng ngày 13 Hội-đồng bàn và thảo các giấy thỉnh-cầu. Buổi chiều họp kỳ hội-đồng bế-mạc.

Lược trích bài diễn-văn của quan Thống-sứ Tholance đọc tại kỳ Hội-đồng Bắc-kỳ Dân-biểu ngày 5 tháng 10 năm 1933

Tình-hình chính-trị

Dù rằng bây giờ đương lúc khó-khăn, nhưng thấy cái tinh-thần xứ Bắc-kỳ vẫn được lương-bảo, thật lấy làm vui lòng. Từ khi xảy ra cái cơn điên-cuồng ở Yên-báy tới giờ, cái nhỡn-tuyến chính-trị càng ngày càng thấy quang-đãng, nhân-tâm đâu đó đều yên-ổn cả.

Trong công-cuộc cải-tạo vĩ-đại ấy, quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Thống-sứ ROBIN và tất cả các quan chức Pháp Nam đã ra sức bảo-thủ cái công-nghiệp hòa-bình của nước Pháp. Nhưng lại nên ngợi khen tấm lòng biết lẽ phải chăng của dân quê Bắc-kỳ đã sớm biết phân-biệt cái hạt xấu hạt tốt, sớm biết khước ngay những kẻ quyến-dũ làm xằng. Dân quê biết lấy cái cảnh làng mình sinh-trưởng, chung quanh cái lũy tre xanh tốt và những cảnh ruộng vây bọc ở ngoài, là cái cảnh-thú vui gấp mấy những cảnh hão-huyền làm choáng mắt ở những đâu đâu. Dân quê đã cùng ta đắp lên những con đê rất vĩ-đại để chống lại với ngọn nước sông phá-hại kia. Tuy rằng sự khủng-hoảng có thiệt đến dân quê, nhưng không tài gì làm ngã được tấm lòng can-đảm của mọi người, thật đáng ngợi-khen lắm.

Dịp đức Bảo-đại hồi-loan, thật là một dịp biểu-dương được tấm lòng khoan-hoằng rực-rỡ của nước Pháp. Biết bao những người chính-trị phạm đã được ân-xá, hoặc được giảm tội. Khắp các làng, từ khi có các chính-trị-phạm được ân-xá trở về, chẳng đâu xảy ra sự gì rối trật-tự cả.

Nông-nghiệp khủng-hoảng

Trong cái cơn khủng-hoảng chung có vấn-đề nông-phố là đáng quan-tâm hơn cả. Xứ Bắc-kỳ là một xứ chuyên nghề nông. Thóc gạo cấy ở Bắc-kỳ là một thứ đồ ăn cốt-tử cho nhân-dân, lại là một thứ hàng-hóa xuất-cảng hệ-trọng của xứ Bắc-kỳ, và nhờ có thứ hàng xuất-cảng ấy, nhân-dân mới có tiền chi-dụng mọi việc khẩn-nhu ở đời, do cuộc tiến-hóa văn-minh mà càng ngày càng nhiều càng thiết.

Từ năm 1930 đến giờ, số gạo xuất-cảng giảm đi nhiều lắm. Trong khoảng từ năm 1920 đến năm 1929, tính trung-bình mỗi năm xuất-cảng tới 157.000 tấn, thế mà năm 1932 chỉ xuất-cảng được có 49.154 tấn thôi. Sáu tháng đầu năm 1933, số gạo của Bắc-kỳ xuất-cảng lại kém sáu tháng đầu năm 1932 mất 6.000 tấn. Việc xuất-cảng gạo của Bắc-kỳ giảm đi như thế thì cái tư-lực mua hàng trong đám dân quê tất cũng phải

giảm đi như thế: năm 1930 Bắc-kỳ còn nhập-cảng được 516 triệu các hàng-hóa, nhưng đến năm 1932 thì giảm xuống còn có 363 triệu thôi. Tuy nhiên, người ta cũng phải nhận biết rằng việc nhập-cảng giảm đi như thế, nguyên do một phần tại giá ngạch thuế thương-chính do Sắc-lệnh năm 1928 có điều khí nặng. Nhưng không phải chỉ dân quê Bắc-kỳ mới bị thiệt hại về sự không bán được gạo đâu. Không bán được gạo thì không có tiền, mà bớt sắm sửa đi, nhưng vẫn có sẵn gạo ăn trong khi đói.

Việc trồng lúa ngô

Muốn cứu lại cái tệ không bán được gạo thì có một cách giải-quyết thứ nhất, là cách mở-mang sự trồng-trọt các thổ-sản khác khả-dĩ tiêu-thụ ra ngoài được lợi hơn.

Bởi vậy mà ngay từ năm 1931, tôi đã khuyến-khích nhân-dân nên làm các thứ mầu khác, thứ nhất là trồng ngô; quan quyền Thống-sứ thay tôi trước đây, nhân thấy giá ngô bên Pháp bán được cao, lại ra sức cổ-động cho nghề trồng ngô được phát-đạt hơn nữa.

Thật vậy, ngô của các thuộc-địa bán ở bên Pháp, được bảo-trợ một cách thật có công-hiệu. Năm 1930, thuế ngô nhập-cảng ở Pháp, mỗi tạ đánh có 10 quan, mà ngô xứ *Bessarabie* phải tăng lên 16 quan 80 một tạ, và ngô các xứ khác lên 24 quan một tạ. Ngày 16 *septembre* 1932, có đạo Sắc-lệnh cho thế là chưa đủ, lại đánh tăng lên 24 quan một tạ ngô xứ *Bessarabie* và 40 quan một tạ ngô các xứ khác.

Ngày 9 *mars* 1933, lại có lệnh hạn-chế rất nghiệt đối với ngô của ngoại-quốc, như vậy lại càng là bảo-hộ cho ngô thuộc-địa lắm nữa. Trong khoảng tam-cá-nguyệt thứ nhất, ấn-định cho ngô ngoại-quốc nhập-cảng ở Pháp được 163.000 tấn, mà đến tam-cá-nguyệt thứ nhì rút xuống có 91.400 tấn thôi.

Bởi vậy trong tám tháng đầu năm 1933, xứ Bắc-kỳ đã xuất-cảng sang Pháp được 75.570 tấn ngô, bán được giá rất lợi, chắc đến cuối năm nay có thể xuất-cảng được tới 80.000 tấn. Vậy mà trước kia đồng-niên trung-bình, chỉ xuất-cảng được tới 19.000 tấn thôi. Ngay năm 1932, số ngô xuất-cảng đã được tới 40.000 tấn.

Tiếc rằng diện-tích đất ở trung-châu Bắc-kỳ khả-dĩ trồng ngô được, lại eo-hẹp lắm.

Tuy rằng lúa ngô đã giúp cho nền kinh-tế Bắc-kỳ trong năm 1933 này được việc thật, nhưng đối với cái nạn khủng-hoảng bây giờ cũng chẳng thấm-thía vào đâu.

Các sản-vật khác, như sắn, khoai sọ, thầu-dầu, hồi và nhất là sơn, cũng làm một thứ hàng xuất-cảng có lợi được.

Các phương-kế làm cho thóc gạo dễ bán

Thóc gạo của ta không bán được chạy, là chỉ vì đồng bạc mất giá, ấy là do cái giá thuế thương-chính ngày 13 *avril* 1928 quá bênh-vực cho một vài thứ hàng hóa, mà làm cho thiệt-hại đến sự giao-dịch của ta với nước láng-giềng phía Bắc.

Phủ Toàn-quyền cũng lấy làm lo về cái tình-cảnh ấy, nên có xin với Chính-phủ bên Pháp sửa đổi lại cái giá thuế thương-chính hiện đương thi-hành.

Cứ xem như ở Nam-kỳ từ ngày 1er *janvier* đến 16 *septembre* 1933, Nam-kỳ đã xuất-cảng sang Pháp được 985.914 tấn gạo, mà cũng trong khoảng ấy về năm 1932, chỉ xuất-cảng sang Pháp có 868.260 tấn thôi; thế là năm 1933 đã hơn năm 1932 được 117.654 tấn.

Vậy thế nào cũng có cơ tìm được nơi tiêu-thụ thóc gạo cho ta. Cốt nhất là ta phải làm thế nào bán hạ giá đi đôi chút để có thể cạnh-tranh nổi với gạo của ngoại-quốc.

Nhưng có một điều là cái giá tiền vốn thóc lúa ở Bắc-kỳ hãy còn cao lắm. Ta phải cố làm thế nào cho những ruộng cày-cấy thu-hoạch được tăng lên, thì tức là cái giá tiền vốn kia hạ bớt đi được.

Năm 1931, tôi có nhắc rằng người Nhật-bản đã có thể làm tăng số thu-hoạch ruộng đất lên tới 72%. Năm nay, quan Lãnh-sự Pháp ở *Singapour* có báo cho ta biết rằng các nhà nông-phố ở Mã-lai, vì sự khéo lựa chọn hạt giống tốt, mà trong một khoảng thời-gian rất ngắn-ngủi, đã làm tăng số thu-hoạch ruộng đất lên tới 20%.

Vậy thì chi bằng bây giờ chúng ta thực-hành ngay những việc dẫn-thủy nhập-điền, để bao giờ nhà nông cũng sẵn nước cày-cấy; việc làm cho thông-dụng các thứ phân bón rẻ tiền, việc chọn các hạt giống tốt sản ra thóc nhiều, ông Nguyễn Công-Tiễu, đã khảo-cứu tìm ra thứ bèo hoa-dâu làm đồ bón, chẳng bao lâu suốt miền trung-châu Bắc-kỳ sẽ có thể dùng thứ phân bón ấy.

Gạo Bắc-kỳ được bên Tàu đặm ăn lắm, nhưng ở các thị-trường khác thì vẫn chưa mấy ai biết đến. Vậy nên ta cần phải khuếch-trương việc xuất-cảng thóc-gạo của ta, dù tạm-thời các nông-gia có phải thiệt-thòi đôi chút cũng phải đành vậy.

Việc giảm thuế thân An-Nam

Nông-dân Bắc-kỳ đương gặp buổi khó-khăn, việc ấy không phải Chính-phủ Bảo-hộ không lưu-tâm săn-sóc đến. Ngày 24 *Février* 1933, quan quyền Thống-sứ có ký nghị-định tạm giảm 10% gọi là khoản giảm thuế trong thời khủng-hoảng về thuế thân An-Nam và số ngoại-phụ thuế ấy. Vì khoản giảm thuế ấy mà số thu nhập của công-quĩ kém đi mất 600.000 đồng.

Cái bản-ý về việc giảm thuế ấy thực là quảng-đại, nhưng xét ra cái mục-đích muốn đạt tới, có khi lại không được như ý. Nguyên thuế thân là một thứ thuế quân-phân; cứ lệ mỗi người phải nộp 2 đồng rưỡi, nhưng kỳ-thực người đóng thuế cứ tùy cái địa-vị của mình ở trong làng mà mỗi người đóng một số khác nhau. Các quan chủ tỉnh dù muốn đặt hết các phương-sách kiểm-soát dùng hết cách hiểu-thị cho nhân-dân biết cái phương-sách ân-huệ của nhà-nước mặc lòng, vậy mà trong nhiều tỉnh, nhân-dân vẫn không biết cái quyền-lợi của mình, vẫn cứ theo như trước mà nộp cho lý-trưởng cái số tiền quen nộp xưa nay.

Tình-thế kinh-tế trong năm 1933 vẫn không thấy hơn gì trước, nên số thu-nhập dự-định trong ngân-sách sang năm cũng có giảm 10% về thuế thân và tiền ngoại-phụ.

Song vấn-đề ấy còn phải xét xem nên giải-quyết thế nào; về sổ dự-toán sang năm 1934, ta cũng phải nên công-nhận rằng cần phải dự-tính giảm thuế cho nhiều xã ở trung-châu và lại phải thi-hành cái phương-sách do bản-ý thực là quảng-đại mà đến lúc thực-hành thì lại không đỡ cho những dân bị khủng-hoảng-nhất được mấy...

Việc đúc tiền trinh mới

Chính-phủ Bảo-hộ muốn cho tiện việc mua bán lặt-vặt của dân An-Nam, khiến cho sự sinh-hoạt được rẻ hơn, nên có chế ra một thứ tiền-tệ mới, giá thích-hợp với các việc mua bán lặt-vặt hằng ngày.

Bởi vậy ngày 4 *Mai* 1933 đã có Chỉ-dụ cho phát-hành một thứ tiền thau mới một xu ăn sáu đồng.

Cái số tiền tổng-cộng phát-hành định là một trăm triệu đồng giá đáng 166.000

đồng bạc để phát-hành cho một số tám triệu nhân-dân dùng, nghĩa là đồ đồng 205 đồng bạc dùng cho một vạn người.

Tình-hình tài-chính

Trước đây vẫn lo ngại rằng vì sự khủng-hoảng mà nền tài-chính sẽ bị thiệt lây, nhưng may việc lo ngại ấy, không đến nỗi hóa ra sự thực. Kể ra sổ chi-thu Bắc-kỳ cũng như các sổ chi-tiêu của các tư-gia, cũng phải tùy thời mà tăng giảm. Hiện đã giảm bớt khoản chi-thu để khỏi phải bắt nhân-dân trong lúc túng-bấn phải đóng thuế thêm, nhưng cái tình thế về năm 1929 có điều nguy-ngập, thì nay đã chỉnh-đốn được rồi. Nhờ những sự tiết-kiệm về việc giảm tiền chi-tiêu các vật-liệu, việc giảm số viên-chức nhất là về ngạch lính khố-xanh, ngạch xen-đầm, ngạch kiểm-lâm và cũng nhờ về sự giảm tiền lương-bổng với tiền phụ-cấp nên đã dỡ bớt những cái gánh nặng của các năm trước để lại.

Chính-phủ Bảo-hộ theo như lời đã hứa trước, trong năm 1932 và 1933 đã hoàn được những số lớn về tiền nợ sổ chi-thu Đông-Pháp, về khoản chuyển giao sang mẫu-quốc còn để thiếu chưa nộp trong năm 1928 và 1929, sang năm 1934, Chính-phủ vẫn theo đuổi công cuộc chỉnh-đốn tài-chính hiện đang thi-hành.

Các việc công-tác lớn việc trị-thủy

Tuy rằng Chính-phủ thanh-giảm các khoản rất nhiều, song nhờ về các số tiền trù-định ở sổ chi-thu Đông-Pháp và ở sổ chi-thu về trái-khoản mà vẫn theo đuổi được một việc công-ích nó biểu-hiệu rõ rệt được cái công-cuộc khai-hóa của nước Bảo-hộ ở xứ này.

Đầu các công việc ấy thì có việc phòng thủy-tai. Vụ nước lên ngày 6 *Juillet* mới rồi, nhờ có những cách phòng-bị, nên kịp ngăn ngừa được sự nguy-nan.

Có một việc cải-cách rất hay và rất nên chú-ý, là việc xếp đặt cho sở Thủy-lợi và Thiên-văn-đài Phù-liễn thông tin với nhau luôn luôn, sáng nào Thiên-văn-đài cũng đánh giây nói báo tin số nước mưa xét thấy ở Bắc-kỳ trong triền sông Hồng-hà và sông Đà-giang.

Đê điều ở các nơi đều khá cả, riêng về đê Hồng-hà, Pho-đáy, sông Nam-định xét ra vững lắm, mấy nơi xung-yếu ở đê sông Luộc và sông Luống, thì đã cho phụ-trúc lại vững vàng, bảo-hộ được những khu-vực miền bắc và miền nam tỉnh Bắc-ninh, miền kẻ Sặt, Hưng-yên, các công việc làm từ năm 1926 mà các đê điều có thể chống lại được sức nước, và những công việc hộ đê trong vụ nước năm 1932 và năm 1933 để bổ-cứu những nơi xung-yếu đâu đâu cũng đều được thỏa-mãn cả.

Ta sẽ theo đuổi cho đến hoàn-thành cái chương-trình của quan Thống-sứ Robin hiệp ý với sở Giám-đốc công-chính đã bảy năm nay. Đê sông Luộc và sông Luống đều có lên đất sét ở trên mặt cả. Rồi sẽ sửa sang lại bờ sông để giữ đê cho vững và để sửa sang lòng sông cho thuận tiện.

Công việc đã làm xong, phí-tổn mất 7.112.000$, đến lúc cái chương-trình ấy hoàn-thành, phí-tổn cộng tới 9.400.000 đồng, nay lấy số tiền ấy mà so với số tổn-hại về trận lụt năm 1926 ước 20 triệu đồng, thì rõ rằng công cuộc đắp đê ấy ích-lợi thế nào, vì nhờ vào đấy mà trừ được những sự tai-hại tầy đình.

Việc dẫn thủy nhập điền

Bề ngoài nhờ có các đê-điều kiên-cố chống với cái thế nước không làm tai hại được, mà ở nơi đồng-áng có thể

thực-hành việc dẫn-thủy nhập-điền. Các máng nước cũ ở Kép, ở Vĩnh-yên thì cuối năm 1932 đã nạo lòng cho được lưu-thông và sửa sang được tử-tế. Máng nước ở Sơn-tây đã sửa sang hơn trước nhiều ; đến năm 1934 khai thêm nhiều đường dẫn-thủy mới nữa. Cũng trong thời-kỳ ấy, lại tu-bổ các máng nước ở sông Cầu ; ở miền ấy 30.000 mẫu tây sẽ có nước dẫn vào để đến vụ tháng năm sắp tới có thể cày-cấy được, và sửa sang khu dẫn-thủy phía nam Thái-bình, Kẻ-sặt, Hưng-yên và Gia-bình, Lang-tài ở Bắc-ninh. Công việc ấy hiện đang làm hết sức và chỉ nay mai sẽ xong.

Trong năm 1934, sở Thủy-lợi sẽ mở mang trong các miền khác, làm những công việc có ích lợi cho các khu sông Đáy và khu phía bắc Thái-bình, mà về khu sông Đáy thì đã định xây một cái đập rất lớn.

Nhờ về các công - cuộc vừa thuật qua trên đó, có thể mong rằng thu-hoạch sẽ được tăng lên, mùa màng sẽ được điều-hòa và ruộng đất mới sẽ mở-mang thêm nữa.

Đối với số nhân-dân đông đúc này, thì đất trung-châu lại eo-hẹp quá, từ khi tiệt được những cái nạn xưa, như là giặc cướp, đói kém, dịch tễ, thì mỗi năm dân-số tăng đến hơn 1%.

Bởi vậy tuy gặp lúc khó khăn Chính-phủ Bảo-hộ cũng theo gương hai vị khởi xướng về việc dồn-điền là Cụ-Sáu và quan Nguyễn Công-Trứ, mà để tâm vào vấn-đề khai-hoang cho nhân-dân ở miền thượng-du trung-du và miền ruộng bể.

Cho nên đã lập ra một hội-đồng gồm có các quan Công-sứ am-tường về vấn-đề ấy cùng là các vị quan to và các thân-hào An-Nam, ngày 28 *Novembre* 1932, đã hội-nghị và có đệ trình quan Thủ-hiến Bảo-hộ tại Hội-đồng cố-vấn mấy điều về cách-thức khai-hoang thế nào, những điều ấy hiện đã in ở trong tập « Tình-hình Bắc-kỳ về hành-chính, kinh-tế và tài-chính trong năm 1932-1933 ».

Hiện đã tư cho các quan Công-sứ các tỉnh trung-du và duyên-hải khai cho biết có bao nhiêu những đất bỏ hoang khả-dĩ khai-khẩn được. Sang đầu năm 1934 thì có thể theo những phương-pháp mới mà cho khai-khẩn chung được. Như vậy, điều thỉnh-cầu mà quí Viện đã trình bày một cách rất thích-hợp trong các khóa trước, thì nay đã đến ngày thực-hành rồi, song về điều đó, cần phải có các Ngài giúp sức cho mới được.

Tôi tưởng phải nên nói thêm rằng nhờ về đê Mễ-lâm đắp xong năm ngoái mà ngày 3 *Avril* 1933 đã có nghị-định phân cấp tại Nam-định được non 3.000 mẫu tây ruộng bể. Tại Thái-bình cung-cấp cho các làng duyên-hải được 2.980 mẫu ruộng bể trong khoảng từ sông Trà-lý đến sông Lân.

Việc Y-tế

Trong công-cuộc chấn-hưng cách sinh-hoạt của dân An-Nam về đường vật-chất như thế, Chính-phủ lại không hề xao-nhãng việc y-tế.

Tuy gặp buổi tài-chính khó khăn, nhưng đối với việc bảo-chủng cho nhân-dân khỏi bị những bệnh tật, nên khoản chi-tiêu về việc ấy, Chính-phủ cũng cố sức giảm cho vừa phải mà thôi. Việc y-tế ở thôn quê thì để cho ngân-sách hàng tỉnh chịu cả. Nhờ có ngân-sách Bắc-kỳ và ngân-sách Đông-Pháp giúp cho các ngân-sách hàng tỉnh, mà việc y-tế ở hương-thôn không kém thiệt gì về sự thay đổi ấy.

Số nhà thương ở thôn-quê hiện nay được 25 cái, và tính đến cuối năm 1932 sở Y-tế đã luyện tập được 577 bà-mụ

và số sản-phụ do những người này đỡ trong năm ấy cộng được 76.288 người. Như vậy đủ rõ rằng việc hộ-sản theo cách Thái-tây, nay dân-quê đã quen lắm rồi.

Sau nữa các tỉnh-lỵ miền Trung-du và Thượng-du hãy còn chứng sốt rét ngã-nước, hiện nay nhờ có viện *Pasteur*, sở Y-tế và sở Công-chính đương sửa sang các nơi ấy cho được tốt lành.

Việc Học-chính

Việc mở mang tri-thức cho dân-chúng là điều nhiệm-vụ cốt-tử của Bảo-hộ.

Tuy gặp lúc khó khăn mà Chính-phủ cũng không giảm bớt sự học đi chút nào, vì việc truyền-bá sự học là việc Chính-phủ lo đến trước nhất.

Năm 1930, số tiền chi tiêu về việc học ở Bắc-kỳ cộng là 2.875.319 đồng. Năm 1933, sau khi mọi khoản trong ngân-sách đã rút xuống cả rồi, thì số chi-tiêu về việc học còn cộng được 2.643.289 đồng. Còn nhiều khoản thật chi-phí về việc học mà chưa tính vào trong số kể trên đó.

Số trường công về bậc Sơ-đẳng và bậc Tiểu-học trong năm 1930 cộng được 1335 trường, gồm có 88.279 học-sinh, mà sang năm 1933, vì định việc bổ-dụng mà mấy trường ít học-trò đều phải bãi bỏ đi, cho nên số học-đường rút xuống, còn 1.240 và số học-sinh còn 86.017. Nhưng số trường công với số học-trò tuy có kém trước ít nhiều, song đồng-thời cái số trường hương-học lại tăng lên nhiều, vậy thì cái số khuyết kia đã bù lại được quá rồi.

Chính-phủ lại trù tính mọi phương-pháp để giữ cho việc học ở các trường sơ-đẳng được bình-thường. Bởi vậy những học-trò nhiều tuổi quá và đã học đi học lại nhiều lớp thì phải loại bớt để lấy chỗ cho những người trẻ tuổi hơn, vậy không cần tăng số trường học nữa cũng có thể dạy được nhiều con trẻ hơn.

Theo như lời thỉnh-cầu của Nghị-viện năm ngoái, tuổi học-trò vào lớp ấy trước định là 7 tuổi thì nay đã cho rút xuống 6 tuổi.

Vì tình-hình tài-chính bây giờ, mà Chính-phủ phải gắng sức về các trường hương-học để cho mở thêm nhiều ra. Các trường này mở không tốn tiền bằng các trường sơ-đẳng Nhà-nước mà lại được cái lợi này, là có thể dạy học theo những cách-thức thích-hợp với sự nhu-yếu và lòng nguyện-vọng của nhân-dân.

Bởi vậy tuy gặp hồi khủng-hoảng mà số trường học với số học-trò cũng tăng lên được nhiều:

Năm 1930: 853 trường, 879 thầy học và 27.627 học trò; năm 1933: 982 trường, 1013 thầy học và 34.272 học-trò, nghĩa là thêm ra được 129 trường, 134 lớp và 6.645 học trò.

Nhờ về sự tiến-bộ ấy, mà số học-trò ở các trường đệ-nhất-cấp, trường Nhà-nước lẫn trường hương-học, trong năm 1930 được có 115.906 người mà đến năm 1933 được những 120.293 người và số trường học trước có 2.188, nay cũng tăng lên 2.222. Trong lúc ngân-sách quẫn-bách mà kết-quả được như thế thì thật đáng mừng lắm...

Nhưng lập các trường mới cũng chưa đủ, cần nhất là phải giữ sao cho các trường ấy hành-động được bình-thường cùng là khiến cho các thầy học dạy được chu-đáo.

Đứng làm địa-vị cố-vấn chuyên-nghiệp, các quan học-chính An-Nam đã bảo ban các chức dịch hàng xã được nhiều điều có ích trong việc mở trường cùng việc tuyển thầy học. Các hương-sư bất-lực đều phải thải về và kén thầy khác thay ngay.

Chính-phủ vừa giữ cho các trường hương-học được cái đặc-tính là những trường thích-hợp với sự sinh-hoạt, với tài-sản, với phong-tục riêng của từng làng theo như ý của nhà làm luật mà lại lo đến cả việc cấp lương cho hương-sư được khá và trả được đúng kỳ.

Các trường hương-học cũng được thanh-tra và được kiểm-soát y như các trường công, và các thầy học cũng được các quan học-chính bảo ban như là các thầy giáo trường công vậy Các tỉnh phần nhiều có lập ra các lớp tu-nghiệp cho các hương-sư đến luyện-tập cho tinh nghề. Các thầy ấy, từ nay trong việc dạy học cũng được chỉ bảo kỹ-càng về chương-trình, về cách chia thời-khắc, về thời-biểu, cùng là mọi cách-thức mà nha Học-chính vừa mới thông-tư đi.

Nhờ về những phương-pháp thích-hợp ấy, mà các trường hương-học hành-động được một cách rất thỏa-mãn, và cách-thức dạy cũng được ngang với các trường Nhà-nước mở tại các làng.

Việc thanh-tra bậc Sơ-học Pháp Việt, tổ-chức theo như các nghị-định ngày 21 *Août* 1930 và 16 *Janvier* 1931 là nghị-định đặt ra một ngạch quan học-chính An-Nam.

Từ nay các quan thanh-tra Pháp, là những người có am-hiểu tiếng Nam, bổ vào những hạt đã lựa chọn đích-đáng, để kiểm-soát các học-quan và các giáo-chức về đường chuyên-môn, nhưng bấy nay các quan thanh-tra ấy vẫn đương cái chức-vụ cố-vấn, chỉ bảo các học-quan trong hạt về đường sư-phạm hơn là đương cái chức-vụ kiểm-soát. Như vậy thì ngạch thanh-tra và ngạch học-quan, đôi bên thành ra cùng hiệp-tác với nhau một cách rất thân-mật.

Các học-quan An-Nam nhờ có sự từng trải của các quan thanh-tra mà nay thành đã tập quen các chức-vụ quản-đốc và kiểm-soát của mình. Các học-quan lại thường trực-tiếp với nhân-dân, với các quan hành-chính, thì càng dễ biết rõ cái công việc của các giáo-chức là thế nào, lại có thể kiểm-soát về hạnh-kiểm và việc làm của các giáo-chức nữa. Còn các quan thanh-tra thì nhân có các học-quan, mà biết rõ cái tình-hình các giáo-chức cùng các học-đường thuộc quyền mình, và có thể trình báo Chính-phủ Bảo-hộ biết mọi điều thiết-yếu của nền học-chính.

Chính-phủ Bảo-hộ rồi ra còn mở thêm ban thương-mại ở bậc Cao-đẳng tiểu-học tại trường Trung-học Bảo-hộ nữa, để rõ được sự ích-lợi thiết-thực ra.

Đức Bảo-đại hồi-loan.
Những việc cải-cách đã thành.

Hồi tháng *Septembre* năm ngoái, trước khi về nghỉ tại mẫu-quốc, tôi được cái hân-hạnh đại-biểu xứ Bắc-kỳ vào Huế dự lễ nghênh-tiếp đức Bảo-đại hồi-loan.

Phàm các quan-chức đã được cái danh-dự đến gần vị Thiếu-quân, thấy Ngài có cái thái-độ rất đĩnh-đạt, cái thông-minh mẫn-tiệp và hiểu rõ mọi sự nhu-yếu, mọi điều nguyện-vọng của nhân-dân, thì đều cũng như tôi lấy làm cảm-kích lắm. Sau khi đức Bảo-đại đã đi tuần-du khắp các miền trong xứ Trung-kỳ để trực-tiếp quan-sát dân-tình, rồi nhờ có Chính-phủ Đại-Pháp giúp đỡ Ngài có định ra một chương-trình hành-động tỏ ra ý Ngài muốn đem những phương-pháp mới mà xếp đặt các việc triều-chính và thi-hành một cái chính-sách cải-cách quả-quyết.

Mấy việc cải-cách quan-trọng nhất: là soạn ra bộ *Hoàng-Việt luật-lệ*, việc

đặt ra lệ tài-chính riêng cho Chính-phủ Nam-triều; việc chỉnh-đốn lại nền tiểu-học; việc sửa lại thể-lệ bảo-cử và mở rộng thêm quyền-hạn cho viện Dân-biểu; việc đổi lại thể-lệ quan-trường; việc đặt các thể-lệ tuyển-cử các quan-lại trong Chính-phủ Nam-triều.

Ngoại-giả, ngày 2 *Mai* 1933, đức Bảo-đại lại hạ Dụ ra tay thân-chính, muốn thi-hành mọi việc theo những ý-kiến tối-tân, Ngài bèn canh-tân tất cả tòa Nội-các, triệu những người có tài-năng trong nước về Triều bạt-dụng, để phù-tá Ngài trong cái chức-vụ nặng-nề của Ngài. Mọi việc cải-cách ấy đều theo trong phạm-vi các điều-ước, và các bản hiệp-ước qui-định việc giao-tế của nước Bảo-hộ với nhà vua. Đức Bảo-đại đã hồi-loan thì bản hiệp-ước ngày 6 *Novembre* 1925 là bản thiết-dụng trong khi Ngài còn ấu-xung và còn đi vắng, thì nay thành ra tự-nhiên tiêu-hủy đi; phàm mọi quyền lập-pháp do các bản hòa-ước trước đã định thì nay lại giao trả đức tân-quân.

Một vài việc cải-cách nhất là việc tuyển-bổ quan-lại, có cái tính-cách chung cho cả hai kỳ, bởi vậy các thể-lệ ấy hiện đã thi-hành rồi hoặc nay mai sẽ thi-hành cả địa-hạt Bắc-kỳ.

Như vậy thì cái chính-sách Bảo-hộ theo như điều-ước năm 1884 sẽ giữ được nguyên-vẹn, vì sự tiến-bộ của dân Việt-Nam phải tùy trong cái phạm-vi chế-độ của mình.

Sửa đổi lại thể-lệ bầu-cử viện Dân-biểu Bắc-kỳ

Quan Toàn-quyền vừa ký nghị-định sửa đổi lại việc bầu-cử viện Dân-biểu Bắc-kỳ như sau này:

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Khoản thứ nhất. — Viện Dân-biểu Bắc-kỳ được phô bày ý-kiến về các vấn-đề kinh-tế, lý-tài và xã-hội trong phạm-vi sau đây:

Khoản thứ hai. — Viện Dân-biểu sẽ được hỏi về:

a) Các khoản dự định của quỹ bản-xứ và hàng tỉnh về các khoản chi tiêu về việc công-ích;

b) Chương-trình về các việc ở thôn quê do quỹ bản-xứ và hàng tỉnh dự định; các việc do công-quỹ Đông-dương định và có can-hệ đến Bắc-kỳ;

c) Việc đặt các đường;

d) Việc vay mượn có giấy giao kèo hay có đảm-bảo gì về các nguồn lợi của quỹ bản-xứ;

e) Việc đặt ra thuế mới, tiền thuế, cách thu thuế, các thứ tiền và thuế thuộc về quỹ bản-xứ;

f) Tất cả các vấn-đề gì do quan Thống-sứ tư ra hỏi và không ngoài các vấn-đề to tát và các việc cải-cách có ích trong xứ về kinh-tế xã-hội hay hành-chính, một khi phòng Dân-biểu được lệnh xét;

g) Việc dự-định cấp đồn-điền cho các tư-gia, các hội hay các công-ty có quan-hệ tới quỹ bản-xứ;

h) Về các khoản đã chi tiêu trong năm vừa qua của quỹ bản-xứ;

i) Viện Dân-biểu có thể thỉnh-cầu về việc thu hay chi, ngoài các điều định sau đây:

1) Những khoản thu hay chi đã do luật định Sắc Dụ và cách tổ-chức có dính-dấp tới Chính-phủ Bảo-hộ thì không thể còn bàn cãi gì nữa. Những khoản tiêu « đặc-biệt » không phải để thuộc quyền viện xét;

2) Không có một bản thỉnh-cầu về việc chi nào được chuẩn-y, nếu việc chi ấy không đi kèm một việc tăng thuế hay tạo thuế mới hay tiết-kiệm

một thứ gì cũng ngang giá với món chi ia;

3) Không thể đệ một điều thỉnh-cầu ó lợi trực-tiếp hay gián-tiếp, giảm hay iãi bỏ đối với một viên-chức hay một ạng viên-chức nào ; ý định về việc hi-tiêu đối với các viên-chức thuộc về Chính-phủ.

Khoản thứ ba. — Những điều thỉnh-cầu của viện có thể nói về tất cả các vấn-đề thuộc về sự hành-chính, lý-tài, xã-hội hay kinh-tế, nhưng chỉ có thể được đem thảo-luận sau khi đã đệ lên quan Thống-sứ xem qua, ngài cho điều gì được bàn bấy giờ mới được liệt điều ấy vào chương-trình nghị-sự của một buổi viện họp công-khai.

CHƯƠNG THỨ HAI

Khoản thứ 4. — Viện Dân-biểu gồm có :

a) Các người không buôn bán đại-biểu dân Nam ở các tỉnh miền Trung-châu Bắc-kỳ và đã qua cuộc bảo-cử ;

b) Các người Nam có môn-bài đại-biểu các nhà buôn và đã qua một cuộc bảo-cử riêng ;

c) Các viên-chức hay kỳ-hào do quan Thống-sứ Bắc-kỳ cử ra trong một hạn là một năm. Những người này đều do quan chủ tỉnh hay các quan Đốc-lý đề-cử, và số đại-biểu này chiếm một phần tư số các đại-biểu trong viện.

CHƯƠNG THỨ BA

Khoản thứ 5. — Những đại-biểu không phải là người buôn bán thì do những hạng người sau này bầu ra :

1) Những đại-biểu của các làng chọn trong các người đủ những tư-cách đã do quan Thống-sứ định ;

2) Chánh và phó-tổng ;

3) Các lý-trưởng đương-thứ ;

4) Các quan-chức đang làm việc ;

5) Các quan-chức công-sở đã về hưu ; các viên-chức giúp việc chính-phủ Bảo-hộ đã về hưu, các hạ-sĩ-quan về bộ-binh, thủy-binh và khố-xanh;

6) Các nhà khoa-bảng cũ như tiến-sĩ, phó-bảng, cử-nhân, tú-tài, khóa-sinh, các người có bằng-cấp Cao-đẳng, có bằng-cấp trung-học, bằng Thành-chung và Cao-đẳng tiểu-học Pháp ; các người có bằng Sơ-học Pháp hay Sơ-học Pháp-Việt ;

7) Các người chức-sắc ;

8) Các viên-chức các công-sở giúp việc chính-phủ Bảo-hộ.

9) Các người có trả 50 đồng thuế điền-thổ.

10) Các ông ở phòng Tư-vấn cũ hay cựu Dân-biểu mà không thuộc vào một trong các hạng người được đi bầu kể trên.

Các người đi bầu không được dưới 21 tuổi và ai cũng phải biết đọc và biết viết.

Sổ đi bầu mỗi năm các quan-chức phải làm ba bản do quan Công-sứ kiểm-soát và gửi về phủ Thống-sứ trước ngày 15 *Décembre*. Các sổ này sẽ kiểm xét lại thực cẩn-thận, duyệt-y rồi do phủ Thống-sứ gửi trả 2 bản cho các quan chức hàng tỉnh và quan Công-sứ.

Khoản thứ 6. — Các đại-biểu có môn-bài sẽ do các nhà buôn bán có môn-bài bầu. Cách làm sổ cũng như các điều định ở khoản thứ 5.

Khoản thứ 7. — Được phép bầu vào viện Dân-biểu và trừ các điều bó buộc định sau : Tất cả các người An-Nam đẻ và ngụ ở Bắc-kỳ đã đủ tư-cách là người đi bầu. Về phần các đại-biểu cho người buôn bán thì là những người có môn-bài sinh-trưởng ở Bắc-kỳ và những người có môn-bài sinh ở Trung-

kỳ nhưng ngụ ở Bắc-kỳ ít ra đã 10 năm. Nhưng ai ra ứng-cử cũng phải đúng 28 tuổi là ít, phải biết đọc và viết.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Khoản thứ 8. — Các đại-biểu dân không buôn bán thì cứ 40.000 người được bầu 1 người.

Khoản thứ 9. — Các đại-biểu có môn-bài thì cứ từ 500 đến 1000 người có môn-bài được bầu 1 người, từ 1001 đến 2000 người được bầu 2 người và từ 2001 người trở lên được bầu 3 người.

Khoản thứ 10. — Các binh lính, các người chức-sắc và các viên-chức Nam giúp việc Chính-phủ Bảo-hộ hay làm các sở thuộc về phủ Toàn-quyền và các quan-chức An-Nam tại chức không được ứng-cử.

Khoản thứ 11. - Những viên chức nào đã phải bỏ việc vì phạm kỷ luật hay những người đã bị các tòa án Tây hay Nam kết án về trọng-tội hay khinh-tội, đều không được đi bầu và cũng không được ứng-cử, trừ ra khi nào các viên chức ấy lại được tái-bổ hay các người có tội kia đã được phục công-quyền hoặc được ân-xá.

Khoản thứ 12. — Các đại-biểu do dân bầu được một hạn là 4 năm. Cái hạn này có thể « đổi mới » được.

Khoản thứ 13. — Lúc bầu-cử, bất cứ về hạng nào, cũng phải do quan Sứ hay đại-biểu của ngài chủ-tọa và có các quan đầu hạt dự.

Khoản thứ 14. — Những việc gì xảy ra dính-dấp tới việc bầu-cử thì phải do các quan cai-trị trong tỉnh xử ngay, các Nam-quan hành-chính phụ-thẩm. Nếu phiếu đều nhau thì phiếu của quan chủ-tỉnh có quyền hơn.

Kết-quả các cuộc bầu-cử sẽ do quan Toàn-quyền duyệt-y.

Các nhân-viên trong viện Dân-biểu sẽ giữ cái danh-hiệu là *Bắc-kỳ Nhân-dân Đại-biểu* và quan Thống-sứ sẽ cấp cho một cái giấy chứng-chỉ về cuộc bầu-cử của viên đại-biểu ấy.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Khoản thứ 15. — Viện Dân-biểu sẽ họp hàng năm tại Hà-nội vào hạ-tuần tháng *Septembre* hay thượng-tuần tháng *Octobre*.

Viện họp sẽ do nghị-định của quan Thống-sứ định. Viện cũng có thể chiêu-tập phiên bất-thường được.

Mỗi kỳ họp là 10 ngày. Quan Thống-sứ có thể ký nghị-định tăng thêm hạn ngày được, buổi khai-mạc của viện sẽ do quan Thống-sứ hay đại-biểu của ngài chủ-tọa.

Khoản thứ 16. — Mỗi năm viện cử một ban thường-trực, trong đó có ba viên, bắt buộc là phải có ông viện-trưởng, một viên thư-ký của viện và một viên Dân-biểu.

Ban thường-trực này cốt để phô bày ý-kiến và các vấn-đề mà Chính-phủ đưa ra hỏi ý-kiến viện, cốt để cho khỏi làm chậm trễ các việc cần cấp cần phải giải-quyết ngay.

Các viên trong ban này sẽ được một món phụ-cấp, do nghị-định của quan Thống-sứ định, ngang với các tiền phí-tổn của các viên ấy trong khi làm việc. Món phụ-cấp này sẽ trả bằng ngân-phiếu và do quỹ xứ Bắc-kỳ chịu.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Khoản thứ 17. — Quan Toàn-quyền có thể tựa vào lời đề-cử của quan Thống-sứ mà ký nghị-định giải-tán nghị-viện được.

Khoản thứ 18. — Những nghị-định của quan Thống-sứ đã do quan Toàn-quyền duyệt-y, sẽ định các điều tế-toái

không nói ở trong đạo nghị-định này, đại khái như việc tổ chức các khu bầu-cử, việc làm và xét lại các số bầu-cử và cách chiêu-tập các người đi bầu...

Khoản thứ 19. — Những điều khoản về qui-tắc dân-biểu sẽ do viện đồng-ý với quan đại-diện quan Thống-sứ định và quan Toàn-quyền duyệt-y.

Khoản thứ 20. — Những điều cũ dính-dấp với viện Dân-biểu nay bãi bỏ đi cả.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ vào bệ-kiến đức Bảo-đại và yết kiến quan Khâm-sứ. — Ngày 9, viện Dân-biểu - mới xứ Trung-kỳ vào bệ-kiến đức Bảo-đại tại điện Quang-minh, có đủ các quan Thượng-thư Nam-triều tham-dự, đức Bảo-đại có ban lời Huấn-thị Sắc-ngữ đại-ý nói viện Dân-biểu Trung-kỳ từ nay thu vào trong phạm-vi của Nam-triều làm *một cơ-quan trọng-yếu của* nước ta, chứ không phải làm việc với chính-phủ Bảo-hộ như trước nữa.

Buổi chiều, viện Dân-biểu vào yết-kiến quan Khâm-sứ Trung-kỳ tại tòa Khâm, có các quan chánh các sở cùng các quan Thượng-thư, các quan đại-thần tham-dự, quan Khâm-sứ có đọc bài diễn-thuyết nói về công việc hiện-thời và khuyên các ông Dân-biểu nên hết lòng ái-đái giúp vua về những việc ban-hành chánh-sách mới.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ họp hội-đồng thường-niên. — Ngày mồng 10, viện Dân-biểu Trung-kỳ đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên năm 1933, do quan Lại-bộ Thượng-thư chủ-tọa, có các quan Thượng-thư và các quan-chức Tây Nam đến chứng-kiến. Quan Thượng bộ Lại đọc diễn-văn, ông nghị nhiều tuổi nhất đọc đáp-từ.

Đoạn rồi viện bầu ban trị-sự mới như sau này: Ông Hà Đăng làm viện-trưởng, ông Nguyễn Trác làm phó viện-trưởng, ông Phạm Văn-Quảng làm Thư-ký, ông Lê Thanh-Cảnh làm phó thư-ký, ba ông Hoàng Kiêm, Đào Phan-Duẩn và Bùi Huy-Tín làm hội-viên. Ba ông được cử vào ban thường-trực của viện là Hà Đăng, Phạm Văn-Quảng và Nguyễn Quốc-Túy.

Hội-đồng làm việc luôn mấy ngày, đến chiều ngày 18 mới họp kỳ hội-đồng bế-mạc.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Sáng ngày 20, quan Thống-sứ THOLANCE đi kinh-lý tỉnh Phú-thọ, cùng đi với ngài có quan chánh sở Canh-nông BRAEMER, quan chánh - văn - phòng và ông thư-ký riêng của Ngài. Lên tới Phú-thọ cùng với quan Công-sứ FOURNIER đi thăm đồn-điền Phú-thọ là nơi trồng cây thí-nghiệm của Bắc-kỳ đã có tiếng. Buổi chiều Ngài cùng các quan tùy-tùng đi thăm con đê từ *đường Chàng-hoa* cho tới hạt Bản-nguyên thuộc phủ Lâm-thao, rồi lại đi thăm các đê về hạt Việt-trì, rồi về Hà-nội.

Sáng ngày 25, quan Thống-sứ lại đi kinh-lý tỉnh Hải-dương và phủ Khoái-châu thuộc tỉnh Hưng-yên, có quan Chánh sở Canh nông BRAEMER cùng đi, để xét những nơi thí-nghiệm mà Túc-mễ-cục Đông-dương mới đặt ra ở các hạt ấy để thí-nghiệm các cách trồng cây, lựa chọn hạt giống thử các chất bón bằng hóa-học, bằng phân và bằng bèo hoa-dâu. Lại cùng quan Công-sứ Hải-dương với một viên Kỹ-sư đi thăm các nơi dẫn-thủy nhập-điền vừa làm xong ở tỉnh ấy và cái cống sông Kẻ-sặt, cống ấy làm đã lâu tốn đến 80.000 đồng bạc. Xong thì ngài về Hà-nội.

Quan Đồng-lý-mới phủ Khâm-sứ Huế. — Quan cai-trị PATAU Công-sứ Hà-tĩnh được bổ làm Đồng-lý phủ Khâm-sứ Huế đã ly-chức.

Một cuộc phản-kháng nhà Băng Đông-dương. — Tại Nam-kỳ, hội Liên-hiệp của các nhà buôn có tổ-chức một cuộc phản-kháng nhà Băng Đông-dương vì cho vay lấy nặng lãi, và được mấy hội-đồng khác như Hội-đồng Quản-hạt, Hội-đồng phòng Thương-mại, Hội-đồng thành-phố đều biểu-đồng-tình, có làm đơn thỉnh-cầu với Chính-phủ trừng-trị nhà Băng ấy. Ngày mồng 10 *Octobre*, các cửa hàng buôn Tây, Nam, Tầu, Nhật và Chà trong Nam-kỳ bảo nhau hết thảy đều đóng cửa một ngày để tỏ ý phản-kháng. Đến ngày 27, lại có một cuộc diễn-thuyết phản-kháng lớn ở tòa Xã-tây Sài-gòn, hội họp có hơn ba ngàn người đủ cả Tây, Nam, Chà, Tàu.

Ông SARREAU chủ một hiệu thuốc tây ở đấy làm chủ-tọa và nói trước hết. Kế đó thì có các ông MATHIEU, COUGET, NGUYỄN PHAN-LONG, TRẦN VĂN-KHÁ PARGOIRE, DUBOIS, LARASTE, ARDIN, CANCELLIERI và DE LACHEVROTIÈRE thay phiên nhau lên án nhà Băng Đông-dương.

Đại-ý diễn-giả đều cho là tình-hình kinh-tế nguy-nan ở đây mà thấy trầm-trọng hoài là do nhà Băng Đông-dương mà ra cả. Ông nào lên diễn-đàn cũng nói rất hùng-hồn và được thính-giả vỗ tay từng chập.

Ông nghị DE LACHEVROTIÈRE nói, ông sẽ cùng với mấy bạn đồng-nghiệp Tây, Nam thừa dịp ra dự Đại-hội-đồng ở Hà-nội, bảo nhau yêu-cầu với Chính-phủ về việc lạm-quyền của nhà Băng Đông-dương...

Ông nói xong thì ông chủ-tọa hỏi ai muốn lên nói nữa. Ông THẠCH lên diễn đàn. Đại-ý ông nói bây giờ mấy nhà diễn-giả trước ông quên nói đến bọn thợ-thuyền. Bọn này như quan-lại, điền-chủ, nhà công-nghệ, cũng bị tình-thế nguy-nan ở đây đè trên lưng họ. Vậy thì nếu muốn cho cuộc phản-kháng này được thành-công thì phải nhờ thợ-thuyền làm hậu-thuẫn mới được.

Sau cùng ông SARREAU đứng lên đọc nghị-án. Tờ nghị án này gồm mấy câu sau này : « Trước một số thính-giả có ba ngàn người, ai nấy đều công-nhận sở-dĩ tình-hình kinh-tế nguy-nan ngày nay mà một ngày một trầm-trọng ở xứ này nguyên-nhân là tại nhà Băng Đông-dương vì cho vay lấy lời nặng, thừa dịp kinh-tế khủng-khoảng để đoạt của người ta cho đầy túi tham. Vậy thì mấy ngàn người có mặt tại đây đồng-tâm phản-kháng cách hành-vi của nhà Băng ấy cho tới cùng mới được. »

Bãi ngạch tri-huyện tư-pháo ở Bắc-kỳ. — Ngạch tri-huyện tư-pháp ở Bắc-kỳ, Chính-phủ đặt ra từ năm 1927, nay chính-phủ nghiệm ra ngạch ấy không tiện lợi là mấy, và lại muốn thi-hành chính-sách tiết-kiệm, nên mới đây quan Thống-sứ đã tư lên quan Toàn-quyền xin bãi ngạch ấy đi. Các quan huyện tư-pháp sẽ dần dần đổi sang ngạch hành-chánh. Còn việc tư-pháp ở phủ huyện lại thuộc về quan phủ huyện kiêm cả việc hành-chánh và việc tư-pháp như trước.

Sổ điều-tra miền nam Đông-dương một năm có bao nhiêu án mạng. — Các sở cảnh-sát miền nam Đông-dương như Trung-kỳ Nam-kỳ và Cao-miên mỗi năm phải làm một bản thống-kê gửi lên bộ Binh kể những công việc trong một năm, bắt đầu từ mồng 1 tháng 10 năm 1932 đến 30 tháng 9 năm 1933, thì xứ Trung-kỳ có 5 vụ án mạng, 134 vụ trộm cướp vặt, xứ Nam-kỳ có 126 án mạng, 1787 vụ vặt ; xứ Cao-miên có 198 án mạng, 1.045 vụ vặt. Kể chung cả ba xứ, thì trong một năm có tới 329 vụ án mạng và 2.966 vụ trộm cướp vặt. (năm 1932 chỉ có 26 vụ án mạng và 3.985 vụ vặt).

Dân số xứ Bắc-kỳ. — Cứ sổ điều-tra năm 1932 thì dân số xứ Bắc-kỳ có 10.365 người Pháp (không kể binh lính); 357 người Âu-châu và 8.493.148 người Á-châu.

Lệ công sưu ở Trung-kỳ. — Theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 21 *Septembre* duyệt-y tờ Dụ của đức Bảo-đại ngày 21 Août 1933.

Ở những tỉnh sau này, lệ công-sưu nay bãi đi:

Thanh-hóa (trừ các miền có dân Mường và Thái). Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-ngãi (trừ các dân miền Mọi Ba-tơ, Sơn-trà, Trà-bình, và Minh-long), Bình định, Phú-yên, Khánh-hòa, Ninh-thuận, Bình-thuận, (trừ huyện Tanh-linh, Kontum, trừ Kong long, Dakoat, Ankhê, Kontum và Dakto).

Nhưng gặp những trường-hợp sau này thì có thể gọi phu đi làm công-dịch: phòng thủ địa-giới, thiên-tai và nói chung là tất cả những khi nguy đến đường sinh-hoạt của dân-chúng.

Những khi ấy thì dân đinh từ 18 đến 45 tuổi, thần dân Việt-Nam phải cắt đi phu:

Những người sau này không phải đi phu;

1. Những người bản-xứ tòng-chinh ở ngoài cõi Đông-dương;

2. Những viên-chức bản-xứ, những hương-dịch tại-chức, những chức-sắc, miễn-sai và miễn-dao;

3. Những người bản-xứ có bội-tinh Pháp hay Thuộc-địa;

4. Những giáo-sư các trường công, tư;

5. Những học-sinh các trường công tư.

6. Những người tu-hành.

7. Những nhà buôn trả môn-bài từ 10 đồng trở lên;

8. Những thợ thuyền hay những người làm công thường-trực;

9. Những đàn ông góa vợ phải nuôi con nhỏ.

Không được bắt người nào đi phu ngoài số 60 ngày trong khoảng 12 tháng. Ngày đi và ngày về cũng tính cả vào số 60 ngày ấy.

Những người đi phu sẽ được trả công. Nếu phải làm việc luôn ngoài 8 ngày thì mỗi tuần được nghỉ một ngày. Ai ốm đau hay bị tai nạn sẽ được thuốc thang điều-trị và khi chết sẽ được cấp một cỗ ván để mai-táng.

Thuế bách-phân. — Theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 31 *Octobre* 1933:

Thuế bách-phân thu với thuế chính-ngạch trong năm 1934 cho các ngân-quĩ hàng tỉnh ở Bắc-kỳ nay định như sau này:

Thuế đinh người bản xứ ở các làng và các thị-trấn 15 phần 100.

Thuế thổ-trạch người bản-xứ và Á-kiều 15 phần 100,

Thuế gia-đình 25 phần 100.

Làng nào tự xuất tiền công để chi cho một trường tiểu-học thì thuế bách-phân ấy giảm xuống 10 phần 100.

Thành-phố Hải-phòng được thu thêm:

1. 10 phần 100 về: thuế thân người Âu, thuế thân những Á-kiều, thuế môn-

bài người Âu, thuế môn-bài những Á-kiều, thuế môn-bài bản-xứ.

2. 10 phần 100 về thuế thân người bản-xứ.

Thành-phố Hải-dương được thu thêm về các thứ thuế kể trên 10 phần 100.

Hội-đồng Chánh-phủ. — Ngày 31 tháng 10, ban Thường-chực của Hội-đồng Chánh phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

Giới-thiệu báo mới

Niết-bàn tạp chí. — Niết-bàn tạp chí là báo nói về Phật-giáo và thần-học, mỗi tháng xuất-bản hai kỳ, ông Phạm Ngọc-Thố làm chủ-nhiệm, ông Nguyễn Văn-Lượng làm quản-lý, báo-quán ở số 27. *Rue de Verdun.* Sài gòn. Số đầu đã ra ngày 15 *Octobre* 1933, đóng thành tập, giá mỗi số 0$12, sáu tháng 1$30, mỗi năm 2$50.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước:

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.
12—. Tục-ngữ ca-dao.	4 hào.